



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Albertobarquin0 (Pixabay)**

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:**
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **MÙA THU NÀO TA VỀ?** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **PHẨM PHÁP SƯ TRONG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA** (HT. Th.Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **ÁO GIÁP CỦA BÒ TÁT** (Nguyễn Thế Đăng), trang 10
- ♦ **TRẢI NGHIỆM CỤC ĐỜI** (thơ Thích Viên Thành), trang 11
- ♦ **CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC** (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 12
- ♦ **TỬ VẠN CỦA MÙA THU** (thơ Trần Thiên Thị), trang 13
- ♦ **THONG ĐONG TRƯỚC TÁM NGỌN GIÓ ĐỜI** (TN. Tịnh Quang), trang 14
- ♦ **BIẾT ĐẦU VỀ** (thơ Hoàng Xuân Sơn), trang 15
- ♦ **BÓNG CÒN TÒA THIÊN THU / CUNG TIÊN GIÁC LINH** (thơ Vĩnh Hữu & Tôn Nữ Thanh Yên), trang 16
- ♦ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ♦ **THỰC TẬP NHƯ THẾ NÀO** (Tuệ Uyển dịch), trang 18
- ♦ **BÊN PHẬT, NIỆM PHẬT, TUỔI THƠ PHẬT TỬ** (thơ Lê Minh Hiền), trang 22
- ♦ **MÙA THU VĨNH VIÊN, TA Ở BÊN ĐỜI...** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 24
- ♦ **THÀNH KÍNH PHÂN ƯU: HT. THÍCH ĐỨC NIỆM VIÊN TỊCH** (Hội THGL), trang 25
- ♦ **E.M. HARE & J.B. HORNER** (HT. Thích Trí Chơn), trang 26
- ♦ **HẠNH XUẤT GIA, NGHE CHUÔNG...** (thơ Chúc Hiền), trang 29
- ♦ **TỬ NHIẾP PHÁP – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **THÀNH CÔNG LÀ MỘT SỰ NHẬN NẠI TRONG KIẾN TRÌ – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), tr. 32
- ♦ **VỀ MUỘN** (thơ Diệu Linh), trang 32
- ♦ **CÔNG AN THỜI @** (TN Diệu Phúc), tr. 33
- ♦ **KAPPA, XÁ ĐÌ** (thơ Nguyễn Bảo Lễ), tr. 34
- ♦ **SỰ PHỤC HƯNG MÔN PHẢI TRÚC LÂM** (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **PHẬT GIÁO VÀ CON ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN**, t.t. (Tâm Cảnh - Nguyễn Ngọc Cảnh), trang 39
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 1 – KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 8** (HT. Thích Thông Hải), trang 47
- ♦ **MÙA THU, HƯƠNG LÚA VÀ THƠ, CHO MÙA THU CŨ** (thơ Mặc Phương Tử), trang 48
- ♦ **NHỮNG NGƯỜI PHẬT TỬ JUBU** (Nguyễn Giác), trang 49
- ♦ **CÁT HOA, ĐI RONG** (thơ Hoa Cát Phan Văn), trang 51
- ♦ **TRÁI CÂY** (Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 52
- ♦ **THẦN CÂY ĐÀ** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 54
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRĂM LINH TÁM CHỮ** (Steven N.), trang 55
- ♦ **VUI TRONG ĐAU KHÓ** (Thích Minh Chiêu sưu tầm), trang 57
- ♦ **MẸ VÀNG TRẮNG THÁI KHÔNG** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 58
- ♦ **CHÁO DƯỠNG SINH** (Tâm Diệu), tr. 59
- ♦ **LỤC BÁT CUỐI CHIỀU** (thơ Bùi Kim Anh), trang 61
- ♦ **THẾ NÀO THÌ GỌI LÀ THƠ** (Phan Quỳnh Trâm), trang 62
- ♦ **CHIÊM BAO HẠC TRĂNG** (Huệ Trân), trang 64
- ♦ **STORY OF THERA UJJHANASANNI** (Daw Mya Tin), trang 65
- ♦ **ĐỪNG ĐI ẸM ÁI VÀO GIÁC NGŨ VĨNH HẰNG** (thơ Dylan Thomas – Pháp Hoan dịch), trang 66
- ♦ **THẦN CÂY CÂY ĐÀ** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 68
- ♦ **CÓ NGHE THƯ VỀ, ĐỜI DỜI** (thơ Diệu Viên), trang 70
- ♦ **SINH LY TỬ BIỆT** (Chú Chín Cali), trang 71
- ♦ **LÊ TÒN TRÍ TƯỢNG QUÁN THỂ ÂM TẠI CHÙA BÁT NHÃ** (Bình Sa), tr. 72
- ♦ **VÙNG ĐẤT MỚI** (thơ TN. Giới Định), trang 73
- ♦ **CHIẾC ÁO DIỆU MÀU** (Lam Khê), tr. 74
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 3** (Vĩnh Hào), trang 78
- ♦ **NẤU CHAY: CƠM CHIÊN THANH TỈNH** (Chơn Nghiêm), trang 57

Báo Chánh Pháp số 72, tháng 11 năm 2017, do Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tư và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

TA CÒN ĐỂ LẠI GÌ KHÔNG?

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã mở đầu bài thơ *Nguyện Cầu* (1) bằng câu hỏi ấy. Hỏi mà không hỏi; vì trong câu hỏi đã hàm ý trả lời: ta đi không để lại gì.

Vì sao? – Vì núi sông còn lở, còn bồi, thì một thân bé nhỏ này có chi bền chắc mà lưu lại với đời.

*"Ta còn để lại gì không?
Kìa non đá lở, này sông cát bồi."*

Thân này chẳng qua cũng chỉ được trăm năm. Thân không bền, vậy danh bền chăng? – Danh là cái trừu tượng, không có hình tướng, hẳn nhiên là có thể bền hơn thân. Nhưng nếu sống ở đời mà không làm nên công danh sự nghiệp gì như lập ngôn của Nguyễn Công Trứ *"Đã mang tiếng ở trong trời đất / Phải có danh gì với núi sông"* (2) thì dù đã có cái tên cha mẹ đặt cho, danh này cũng chỉ là cái tên bình thường như bao nhiêu người khác: vô danh; và cái thân vô danh cũng sẽ lặng lẽ đi qua cuộc đời trong vòng trăm năm, rồi để lại một nhúm tro, một nắm mồi, danh còn chăng thì còn trên bia mộ dài nắng phơi sương trong nghĩa trang.

Đến như những người tài hoa trong văn học nghệ thuật, để lại những tác phẩm bất hủ, công danh của họ cũng không thể dài lâu như núi sông, như thiên địa. Vì vậy mà Nguyễn Du tiên sinh đã tự thán, biết ba trăm năm sau còn có ai khóc cho Tố Như (3) này hay không! Ba trăm năm cũng là kỳ vọng khá cao, vì lúc ấy *Truyện Kiều* (Đoạn Trường Tân Thanh) chưa được viết. Kể từ năm 1820, khi tiên sinh năm xuống, đến nay là 197 năm, người khóc Tố Như dường như đã giảm đi nhiều theo thời gian. *Truyện Kiều* được lưu truyền, ngâm đọc trong dân gian thì hẳn còn người thường xuyên nhớ đến Tố Như. Nhưng khi chỉ còn cái tên trong văn liệu, nằm trong văn khố, văn học sử thì không ai dám chắc sẽ tồn tại bao lâu, và người khóc Tố Như e chỉ còn lạc đác, năm thì mười họa mới trích dẫn *Truyện Kiều* xuống từ một trang mạng nào đó.

Thân như thế, danh như thế, ta đi để lại gì không?

Trăm năm sống ở đời, ai cũng để lại một cái gì, di sản hay di họa, cho người ở lại. Di sản hay di họa là do nơi lợi ích hay thiệt hại, từ hành nghiệp, sự nghiệp của người ra đi. Di sản có khi lợi ích cho một cá nhân, một gia đình, hay một dòng họ; có khi là công ích, làm lợi cho số đông xã hội, quốc gia, hay nhân loại. Di họa cũng thế, có khi là nợ nần hay tai tiếng làm tan gia bại sản, phá nát một dòng họ; có khi sai lầm, hoang tưởng từ chủ thuyết và chính sách, dẫn cả một dân tộc đến chỗ diệt vong.

Sống với nhận thức và chứng nghiệm sâu sắc về nguyên lý nhân-quả, người ta không chỉ tự hỏi, ta đi để lại gì không mà còn nên tự hỏi, ta đi mang theo gì không.

"Để lại gì" là dành cho người ở lại, *"mang theo gì"* là nghĩ cho chính ta.

Dành cho người không hẳn là vì lợi tha – có khi chỉ vì tình thế bắt buộc mà chính mình không hề nghĩ đến. *Nghĩ cho ta* chưa chắc là vị kỷ, bởi vì giữa ta và người, trong cuộc tử-sinh này, đều có tác động và tương thuộc lẫn nhau bởi nhân-quả. Để lại hay mang theo, là nơi cái "công" mà người ra đi tác tạo trong một đời, cùng với mục đích mà người ấy muốn để lại. Theo quan niệm của người Đông phương, "công" có thể là vật chất hay tinh thần, có thể nhỏ, có thể to lớn, nhưng lợi ích cho đời, cho người, thì gọi là "đức"; còn như chỉ gieo họa dài lâu cho nhiều người, nhiều thế hệ thì đó là "tội."

Vì vậy khi lập thân, sống ở đời, người ta cần cân nhắc về nguyên nhân và hậu quả trong cả hành xử, lời nói và ý nghĩ của mình; mục tiêu tạo lập sự nghiệp của mình là gì, để lại cho người hay để mang theo?

Một khi ra đi, sang bên kia thế giới, hẳn nhiên là sẽ không mang theo được gì. Thân xác này còn không mang theo được thì tiền của, sản nghiệp, những người thân yêu... đều sẽ bỏ lại hết. Không một thứ vật chất nào có thể mang theo được (dù nhỏ xíu như viên kim cương, hay mỏng nhẹ như một mảnh bèo).

Không nhất thiết phải để lại gì cho đời. Nhưng nếu để lại thì để cho đáng, và cho đúng người, đúng chỗ. Cũng không nhất

thiết phải mang theo gì cho nặng nề khi ra đi. Nhưng nếu cần mang theo gì, nên nhớ rằng cái có thể mang theo được là công (đức) hay nghiệp (tội) mà mình đã làm trong cuộc sống trăm năm này.

Một di sản (tinh thần hay vật chất) để lại cho người vô tích sự, cho người xấu-ác, thì di sản ấy cũng thành vô dụng, sẽ bị hủy hoại không lâu sau đó; mà nếu kẻ xấu-ác kia sử dụng di sản ấy để làm việc ác, tổn người hại vật, phung phí hưởng lạc cá nhân, thì "công đức" của người ra đi chẳng những không có gì mà còn gián tiếp mang theo nghiệp tội.

Ngược lại, di sản được trao đúng người, được sử dụng đúng việc, mang lại lợi ích cho đời, cho người, thì với tác động dây chuyền của nhân-duyên-quả, di sản ấy không những tăng ích mãi, mà công đức của người ra đi cũng vô hạn lượng. (4)

Thu sang rồi.

Đêm về, hơi thu lạnh se sắt. Nhưng khi trời sắp sáng, những luồng gió dữ từ rừng núi thốc về mang hơi nóng hầm hập khô khốc suốt mấy ngày đầu mùa. Khắp nơi, lá chầm chậm chuyển sắc. Lá vàng chen lá xanh. Mai kia lá sẽ khô, rụng. Như bao nhiều đời người đã đến và đi, qua trần gian này. Không ai biết có bao nhiêu lá vàng rơi nơi đây, hay lặng lẽ rơi trên rừng thẳm. Cũng không ai quan tâm có những hành giả đến rồi đi, vô tung vô tích trên đỉnh cao mờ bóng mây ngàn. Hạc trắng bay qua tầng không. Không để lại gì. Không mang theo gì. Có chăng là làn gió thoảng, theo sau đôi cánh vỗ; và một trời xanh biếc, bình bằng mây trắng bay.

(1) Thơ Vũ Hoàng Chương, trích từ thi tập *Rừng Phong*, do Nhà xuất bản Phạm Văn Tươi ấn hành năm 1954 (theo Nhà thơ Viên Linh trong "Chiêu Niệm Văn Chương," trang 121-122):

Nguyện cầu

*Ta còn để lại gì không?
Kìa non đá lở, này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh néo trước xa xôi dặm về.*

*Trông ra bến hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương
Ta van cát bụi bên đường
Dù như dù sạch đùng vương gót này.*



*Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời.
Nói chi thua-được với đời
Quản chi những tiếng ma cười đêm sâu.*

*Tâm hương đốt nén linh sầu
Nhớ quê dằng dặc, ta cầu đó thôi!
Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian.*

*Một phen đã nín cung đàn
Nghĩ chi còn-mất hơi tàn thanh âm.*

(2) *Nợ tang bằng*, thơ Nguyễn Công Trứ. Nên hiểu rằng đối với Nguyễn Công Trứ và ngữ nghĩa của thời đại ông (hậu bán thế kỷ thứ 18), hai chữ "công danh" không tách rời nhau. Cho nên nói "danh" là nội "công." Không có công thì không có danh. Ở đầu bài, hai chữ "công danh" này đã được nhắc đến (*Chẳng công danh chi đứng giữa trần hoàn*), nên khi nói "danh" ở câu sau, hàm ý công danh, sự nghiệp đóng góp cho non sông, chứ không phải khuyến khích chạy theo danh vọng như một số người thời nay lăm lăm tưởng và thực hiện cho kỳ được.

(3) "*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*"

Hai câu cuối của bài *Độc Tiểu Thanh Ký*, trích từ "*Thanh Hiên Thi Tập*" của Nguyễn Du, tác phẩm được viết vào khoảng 1802 - 1804 (theo Gs. Lê Thước & Gs. Trương Chính trong "*Thơ Chữ Hán Nguyễn Du*," nxb Văn Học, 1978). Tố Như là một bút hiệu khác của Nguyễn Du.

(4) Như Nobel Prizes, được thành lập năm 1895, là di sản của nhà phát minh người Thụy Điển, Alfred Nobel (1833-1896), tặng ích mỗi năm trên những giải thưởng dành cho các cá nhân và tổ chức sáng tạo, cống hiến lợi ích cho nhân loại qua các lĩnh vực Vật lý (Physics), Hoá học (Chemistry), Y học (Medicine), Văn học (Literature) và Hòa bình (Peace). Đến năm 1968 thì Swedish National Bank lập thêm giải Khoa học Kinh tế (Economic Sciences) để tưởng nhớ Alfred Nobel.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

THÁI LAN: Vụ cháy ngôi chùa ở Ayutthaya làm hư hại pho tượng Phật cổ

Sáng 15-9-2017, một vụ hỏa hoạn đã làm hư hỏng một pho tượng Phật thời Ayutthaya (Xiêm La) trong một ngôi chùa ở quận Mueang của tỉnh Ayutthaya.

Ngọn lửa bộc phát bên trong chánh điện từ phía sau tượng Phra Buddha Kodom, pho tượng chính của chùa. Nhà chùa cho biết tượng này tồn tại từ thời Xiêm La (1350-1767 sau Công nguyên).

Sư Prisack, 63 tuổi, nói rằng ông đang đi đến tòa nhà ăn của ngôi chùa thì nghe những người sống gần chùa hô hoán cho ông biết có khói bốc lên từ chánh điện. Ông thấy những dây cáp điện phía sau pho tượng bốc cháy và lửa lan ra quanh pho tượng.

Các nhà sư và những người sống gần đó đã mất 20 phút để dập tắt ngọn lửa.

(The Nation - September 15, 2017)



*Hiện trường vụ cháy tại ngôi chùa ở quận Mueang, tỉnh Ayutthaya (Thái Lan)
Photo: The Nation*

ẤN ĐỘ: Tăng cường an ninh tại Bồ Đề đạo Tràng sau khi nghi phạm khủng bố tại Ahmedabad bị bắt giữ

Patna, Bihar - Chính quyền bang Bihar đã tăng cường an ninh của khu chùa Đại Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng, ngôi chùa

linh thiêng nhất của Phật giáo, sau khi bắt giữ nghi phạm chính của loạt vụ nổ vào năm 2008 trong thành phố Ahmedabad (bang Gujarat).

Vào ngày 26-7-2008, 16 vụ nổ trong khoảng thời gian 70 phút đã làm 56 người chết tại Ahmedabad.

Tansif Khan, một kỹ sư 35 tuổi, và 2 người khác đã bị bắt sau khi một chủ tiệm cà phê trong tuần này đã trình báo với cảnh sát về một bài đăng của Khan trên mạng xã hội. Cảnh sát đang cố tìm hiểu xem Khan, kẻ bị truy nã trong 35 vụ khủng bố, có đang lên kế hoạch nhằm vào chùa Bồ Đề Đạo Tràng và thành lập những mạng lưới mới tại thành phố Ahmedabad hay không.

Khu chùa Đại Giác từng là mục tiêu của một loạt vụ nổ vào tháng 7-2013 khiến một người bị thương.

(ndtv.com - September 15, 2017)



Khu chùa Đại Giác vào ngày xảy ra một loạt vụ nổ (tháng 7-2013)—Photo: ndtv.com

ĐÀI LOAN: Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB) sẽ tổ chức "Hội nghị về Tương tác" tại Đài Loan

Từ ngày 22 đến 29-11-2017, INEB sẽ tổ chức hội nghị tổng kết lần thứ 18 tại Đài Loan với chủ đề "Một Hội

nhị về Tương tác: Chuyển hóa Xung đột thành Lòng Từ bi qua Trưng bày và Tu tập".

INEB được thành lập vào năm 1989 tại Thái Lan với mục đích kết nối Phật tử dẫn thân trên khắp thế giới và thúc đẩy sự hiểu biết, hợp tác và liên kết các nhóm Phật giáo và liên tôn giáo để giải quyết các vấn đề toàn cầu - như là nhân quyền, giải quyết xung đột và các mối quan tâm về môi trường.

Thành viên INEB bao gồm tăng ni, các nhà hoạt động, học giả và nhân viên xã hội đến từ 25 nước tại các châu Úc, Á, Âu và Bắc Mỹ. Tuy là một tổ chức Phật giáo, INEB chào đón các thành viên từ các truyền thống tâm linh và công nhận tầm quan trọng của các hoạt động liên tôn giáo.

(Buddhist Door - September 18, 2017)



Khách mời và đại biểu dự hội nghị của INEB tại Ấn Độ vào năm 2016

Photo: INEB Facebook

HOA KỲ: Lễ hội Tâm Từ Ái gây quỹ cho Chùa Phật giáo địa phương tại Carlisle

Carlisle, Pennsylvania - Lễ hội Tâm Từ Ái được tổ chức vào ngày 9-9-2017 để ủng hộ và gây quỹ cho Chùa Thanh Liên tại thị trấn Carlisle.

Người đại diện cho chùa Thanh Liên đã phát biểu rằng: Chùa hy vọng có được một không gian cố định để giảng dạy về thiền. Lễ hội này là để giúp cho việc đó. Tất cả tiền

thu được từ các hoạt động và các sự kiện sẽ giúp chùa cũng như tương lai của chùa.

Chùa Thanh Liên có các chi nhánh trên khắp Hoa Kỳ. Chùa hướng đến việc xây dựng một cộng đồng Phật giáo và giảng dạy về những lợi ích của thiền định. Những lợi ích này bao gồm giảm căng thẳng, đạt được lòng từ bi cho bản thân và đối với người khác, cũng như sự tịnh tâm và phát triển tinh thần. Các nhà sư hướng đến việc truyền bá tinh thương yêu và lòng tốt suốt con đường từ Tích Lan đến Carlisle.

(tipitaka.net – September 18, 2017)

TRUNG QUỐC: Ngôi chùa ở Thượng Hải di chuyển chánh điện 2,000 tấn bằng đường ray

Thượng Hải, Trung Quốc – Chánh điện và các tượng của ngôi chùa Phật Ngọc 100 tuổi ở trung tâm Thượng Hải đã được di chuyển 30 mét trên đường ray để giảm bớt sự dồn ứ về người tại địa điểm nổi tiếng này.

Hàng ngày có khoảng 100,000 người viếng chùa Phật Ngọc và các nhà chức trách Trung Quốc đã lo ngại về tình trạng quá tải cũng như nguy cơ hỏa hoạn do du khách đốt hương nhang.

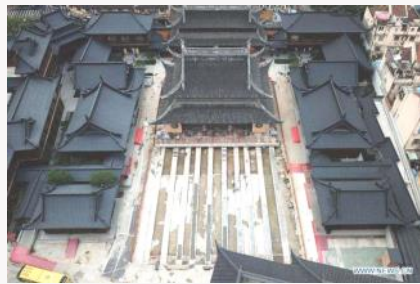
Giải pháp cho tình trạng này là khéo léo đặt Điện Mahavira nặng 2,000 tấn lên các đường ray được đặc chế và di chuyển nó nhẹ nhàng về phía bắc để tạo thêm không gian ở các khu vực lân cận. Việc này, vốn phải nâng tòa nhà lên 1 mét, đã hoàn thành vào ngày 17-9-2017 – chỉ sau 2 tuần làm việc.

(Saudi Gazette – September 19, 2017)



Chánh điện của chùa Phật Ngọc ở Thượng Hải trong tiến trình di chuyển

Photos: Buddhistdoor



Ý ĐẠI LỢI: Trường Đại học Pisa trao tặng Đức Đạt lai Lạt ma bằng danh dự

Pisa, Ý Đại Lợi – Ngày 21-9-2017, Đức Đạt lai Lạt ma đã được trường đại học Pisa trao tặng bằng Thạc sĩ Honoris Causa về Tâm lý Sức khỏe Lâm sàng.

Paulo Mancarella, hiệu trưởng trường Đại học Pisa, nói rằng ban giám hiệu nhà trường đã quyết định vinh danh vị lãnh đạo tinh thần Tây tạng về nghiên cứu và công việc nhằm bắc cầu nối giữa Phật giáo với khoa học của ngài.

Đức Đạt lai Lạt ma đã cảm ơn trường và nói rằng là một đệ tử của Đức Phật và truyền thống Nalanda, ngài rất ngưỡng mộ những công trình khảo cứu và thí nghiệm như vậy.

“Bằng danh dự này mang lại cho tôi một sự khích lệ. Ở tuổi 82, phần lớn cuộc đời tôi đã qua đi. Nhưng 15 hoặc 20 năm tới, tôi cố gắng hoàn toàn cho công việc tiếp theo nhằm thúc đẩy những nghiên cứu như thế này”, ngài nói.

Ý Đại Lợi là một trong 4 nước châu Âu mà Đức Đạt lai Lạt ma viếng thăm trong chuyến đi 2-tuần của ngài trong tháng 9 năm nay.

(Big News Network – September 22, 2017)



Đức Đạt lai Lạt ma nhận bằng danh dự do hiệu trưởng trường Đại học Pisa (bên trái) trao tặng—Photo: Phayul

ẤN ĐỘ: Tổng thống Kovind viếng Deekshabhoomi, nơi Tiên sĩ Ambedkar cải đạo sang Phật giáo

Nagpur, Maharashtra – Ngày 22-9-2017, Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind đã bày tỏ lòng kính trọng đối với Tiên sĩ Ambedkar tại đài kỷ niệm Deekshabhoomi, nơi vị kiến trúc sư của Hiến pháp Ấn Độ đã cải đạo sang Phật giáo.

Đây là chuyến thăm đầu tiên của ông Kovind đến bang Maharashtra sau khi ông đảm nhận chức vụ tổng thống.

Đài kỷ niệm Deekshabhoomi chính là nơi tiên sĩ Ambedkar đã hướng dẫn các tín đồ của mình cải đạo sang Phật giáo vào năm 1956.

Trong chuyến thăm bang Maharashtra 1-ngày này, Tổng thống Kovind đã khánh thành Trung tâm Thiên Quốc tế tại Long Cung và tham gia chương trình Phật Lễ tại thành phố Kamptee.

(PTI – September 22, 2017)



Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind—Photo: Facebook

ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Từ Tế gọi đội y tế đến Mễ Tây Cơ sau trận động đất

Đài Bắc, Đài Loan – Tổ chức Từ thiện Phật giáo Từ Tế của Đài Loan cho biết họ đang chuẩn bị gọi một đội y tế tình nguyện đến Mễ Tây Cơ để làm công tác sau trận động đất tàn phá nước này vào tuần trước.

Lin Hung-chan, trưởng phòng quan hệ công chúng của hội, nói rằng các thành viên của nhóm y tế sẽ rời Đài Loan ngay khi họ nhận được thị thực của họ từ Mễ Tây Cơ.

Ông Lin nói một đội nhân đạo khác của Từ Tế; được phái đi từ Hoa Kỳ, đã có mặt tại Mễ Tây Cơ để đánh giá tình hình

thiên tai.

Tính đến ngày 25-9, con số tử vong do trận động đất mạnh 7,1 độ xảy ra tại miền trung Mễ Tây Cơ vào ngày 19-9 là 324 người – trong đó có 5 người Đài Loan, trong khi số bị thương là 4,500 người.

(Focus Taiwan – September 26, 2017)



Động đất tại Mễ Tây Cơ
Photo: Hội Từ Tế

NHẬT BẢN: Triển lãm tượng điêu khắc Phật giáo của Unkei

Hàng chục tác phẩm điêu khắc của nhà điêu khắc Phật giáo nổi tiếng Unkei (1150-1223) được trưng bày trong cuộc triển lãm đặc biệt tại Bảo tàng quốc gia Tokyo từ ngày 26-9 đến 26-11-2017.

Triển lãm mang tên "Unkei – Vị thầy vĩ đại của Điêu khắc Phật giáo", bao gồm một loạt tác phẩm của Unkei cũng như các tác phẩm khác được tạo tác bởi Kokei, cha của ông.

Các tượng Bồ tát Mujaku và Sushin - những kiệt tác mà Unkei tạo tác vào khoảng năm 1212 – là 2 trong số những điểm thu hút chính. Các tượng nổi bật khác bao gồm bộ tượng Tứ Đại Thiên vương, được tạo tác vào khoảng thế kỷ 13. Những tượng nói trên đều là bảo vật quốc gia do chính phủ chỉ định.

(asahi.com – September 26, 2017)



Triển lãm "Unkei – Vị thầy vĩ đại của Điêu khắc Phật giáo" tại Bảo tàng Quốc gia Tokyo, Nhật Bản

Photo: Wataru Sekita

INDONESIA: Phát triển du lịch cộng đồng tại khu chùa Borobudur

Magelang, Trung Java – Hàng năm có khoảng 300,000 khách ngoại quốc và 4 triệu khách trong nước đến viếng chùa Borobudur (Ba La Phù đồ).

Người dân của làng Ngaran II, ở cách công viên du lịch Borobudur không xa, đã hợp tác trong việc cung cấp kinh doanh nơi cư trú – một lãnh vực kinh doanh vốn là độc quyền của các công ty lớn.

Dân làng này đã tổ chức và thành lập một hiệp hội gồm các nhà tổ chức lưu trú tại nhà gọi là 'Làng Lưu trú tại nhà Borobudur' với 25 thành viên. Tổng cộng họ có 75 phòng cho thuê với giá tương đối rẻ.

Sáng kiến thành lập hiệp hội này nhằm thúc đẩy Borobudur như là một điểm đến du lịch thế giới. Đoàn kết lại, họ có cơ hội lớn hơn để đối mặt với bất kỳ công ty lớn nào muốn xây dựng một khách sạn tại đó.

Mức giá phòng lưu trú tại nhà tương đối rẻ sẽ khuyến khích du khách ở lại lâu hơn trong khu vực đó.

(Antara News – September 27, 2017)

Chùa Borobudur (Indonesia)
Photo: Antara News

<--

NHẬT BẢN: Nghi lễ Phật giáo trong cuộc diễu hành qua chiếc cầu Nunobashi

Tateyama, Nhật Bản – Là một phần của nghi lễ Phật giáo tại huyện Tateyama ở tỉnh Toyama, vào ngày 24-9-2017 những phụ nữ mặc đồ trắng và bịt mắt đã diễu hành qua chiếc cầu Nunobashi.

Vào thời Edo (1603-1868), phụ nữ bị cấm leo lên ngọn núi linh thiêng Tateyama, và cuộc diễu hành "Nunobashi kanjoe" - theo đó nữ tín đồ phải bịt mắt trong hành trình này - đã là một sáng kiến để cho phép phụ nữ cầu nguyện cho sự tái sinh trọng lạc cảnh Phật giáo.

Nghi lễ này đã biến mất vào thời Minh Trị, nhưng được phục hồi vào năm 1996, và trong thời gian gần đây đã được tổ chức ba năm một lần. Năm nay có 110 phụ nữ đi qua cầu Nunobashi dài khoảng 45 mét như một phần của sự kiện.

(NewsNow – October 1, 2017)



Nữ Phật tử trong nghi lễ đi qua cầu Nunobashi tại Tateyama, Nhật Bản—Photo: Maichini

ĐÀI LOAN: Viên chức của Vatican viếng Hội Từ Tế tại huyện Hứa Liên

Đài Bắc, Đài Loan – Ngày 30-9-2017 - trong thời gian dự Hội nghị Hải Tông đồ Thế giới lần thứ 14 tại Đài Loan - Đức Hồng Y Peter Turkson của Vatican đã viếng trụ sở Hội Phật giáo Từ Tế tại huyện Hứa Liên, nơi ông đàm đạo cùng Ni sư Cheng Yen, người sáng lập Hội, về các vấn đề liên quan đến môi trường.

Hồng Y Turkson cảm ơn Từ Tế về những nỗ lực cứu trợ

của Hội tại nước Cộng hòa Siera Leone sau trận lở đất vào tháng 8, bao gồm không chỉ cung cấp cứu trợ mà còn giúp tái thiết một nhà thờ địa phương. Ông nói mình mong muốn cùng Từ Tế đóng góp cho nhân loại.

Đáp lại, Ni sư Cheng Yen cảm ơn Hồng Y Turkson về sự ủng hộ và công nhận Hội Từ Tế của Vatican và nói rằng bà nhận thấy sự tương đồng trong tình yêu thương mà cả Công giáo và Phật giáo cùng đề cao.

(NewsNow - October 1, 2017)



Trụ sở của Hội Từ Tế tại Hứa Liên, Đài Loan—Photo: Wikipedia

THÁI LAN: Mưa hoa cho Mùa Chay Phật giáo

Bang Phli, Thái Lan - Ngày 4-10-2017, một chiếc thuyền được trang trí chở một tượng Phật lớn bằng vàng đã là trung tâm của sự chú ý khi thuyền đi trên sông Bang Pakong trong lễ hội Rap Bua (hay Lễ hội Nhận Hoa Sen) tại huyện Bang Phli của tỉnh Samtu Prakan.

Sự kiện này là một truyền thống trong khu vực để kỷ niệm ngày cuối cùng của Mùa Chay Phật giáo, thường được tổ chức một ngày trước khi chính thức kết thúc thời kỳ này, khi Phật tử ném hoa sen cúng dường lên tượng Phật trên chiếc thuyền.

Hoa sen được xem là linh



thiêng vì tương truyền Đức Phật đã bước đi trên chúng khi Ngài đản sinh.

(Straits Times - October 5, 2017)

ẤN ĐỘ: Quần thể di tích Phật giáo tại Sanchi

Sanchi, Madhya Pradesh - Nằm cách Bhopal khoảng 46 km, thành phố Sanchi là một quần thể các di tích Phật giáo. Được xem là một trong những công trình kiến trúc bằng đá cổ xưa nhất ở Ấn Độ, di tích Phật giáo tại Sanchi là nghệ thuật và kiến trúc Mauryan dưới dạng bảo tháp, đền thờ và tu viện.

Có 50 di tích trên đồi Sanchi cùng với 3 bảo tháp và nhiều đền chùa, và một trụ A Dục Vương nguyên khối - vốn là trọng tâm của sự quan tâm và kính ngưỡng toàn cầu.

Bảo tháp Sanchi là một di tích lớn được xây dựng để miêu tả cuộc đời và hành trình của Đức Phật Cổ Đàm. Điều thú vị nhất về bảo tháp này là Đức Phật Cổ Đàm được miêu tả đặc trưng bằng pháp luân, pháp tòa và dấu chân của Ngài hơn là bằng hình tượng. Bảo tháp Sanchi là một kiểu mẫu của sự xuất sắc về chữ khắc, vốn có thể được nhìn thấy rõ ràng trên 4 cửa ngõ của tháp này.

(ET - October 5, 2017)



Bảo tháp Sanchi (Ấn Độ)
Photo: Google

Thuyền chở tượng Phật bằng vàng đi trên sông Bang Pakong, Thái Lan, trong Lễ hội Nhận Hoa Sen

Photo: Straits Times



BANGLADESH: Lễ hội Phật giáo Kathin Chibar Dan bắt đầu tại khu vực Chittagong Hill Tracts

Kithin Chibar Dan (Lễ Dâng Y), lễ hội tôn giáo lớn nhất của đạo Phật trong khu vực Chittagong Hill Tracts (CHT), đã bắt đầu vào ngày 6-10-2017 nhằm tìm kiếm hòa bình, thịnh vượng và hạnh phúc toàn cầu. Chương trình kéo dài một-tháng này khởi động thật sôi nổi và hoan hỉ tại Arjopur Dharmaujjal Ban Bihar ở vùng Baghaichhari thuộc quận Rangamati.

Các nhà tổ chức cho biết vào dịp này chư tăng được dâng y (Kithin Chibar) cúng dường vào khoảng 2:00 pm. Vào buổi tối, Phật tử tổ chức Lễ Pradwip và thả thiên đăng (fanush).

Các chương trình như vậy sẽ được tổ chức suốt tháng tại khu vực CHT.

(The Daily Star - October 7, 2017)



Phật tử dâng y cúng dường chư tăng tại Lễ Dâng Y ở quận Rangamati, CHT (Bangladesh)
Photo: Anvil Chakma

MIẾN ĐIỆN: Bước đầu tiên để giảm căng thẳng giữa Phật giáo và Hồi giáo

Yangon, Miến Điện - Ngày 10-10-2017, Miến Điện đã đưa ra đề xuất đầu tiên để cải thiện mối quan hệ giữa Phật tử và người Hồi giáo kể từ vụ bùng phát bạo lực chết người hồi tháng 8, vốn gây căng thẳng cho cộng đồng và khiến khoảng 520,000 người Hồi giáo phải di cư sang Bangladesh.

Đảng của nhà lãnh đạo chính phủ Aung San Suu Kyi đã thực hiện bước đầu tiên nhằm xoa dịu sự thù hận bằng những cuộc cầu nguyện liên tôn giáo





Dân tị nạn Hồi giáo Rohingya của Miền Điện tại Bangladesh—Photo: AFP

tại một sân vận động ở thành phố Yangon, với sự tham gia của tín đồ Phật giáo, Hồi giáo, Ấn giáo, Ki tô giáo và những người khác.

Hàng ngàn người đã ngồi kín các khán đài của sân vận động - bao gồm chư tăng Phật giáo, các tín đồ Ấn giáo, nữ tu Thiên Chúa giáo và những người đàn ông Hồi giáo - để nghe các nhà lãnh đạo tôn giáo thay phiên nhau kêu gọi tình hữu nghị.

(Reuters - October 10, 2017)

NHẬT BẢN: Chùa Toshodai tặng áo cà sa cho ngôi chùa ở Trung Quốc

Nara, Nhật Bản - Chùa Toshodai ở Nara đã tặng 20 áo cà sa có một bài thơ cổ cho chùa Đại Minh ở Dương Châu (Giang Tô, Trung Quốc) để đánh dấu lễ kỷ niệm năm thứ 1,300 của một món quà vốn khiến cho nhà sư người Hoa nổi tiếng Giám Chân đến viếng Nhật Bản.

Sư Giám Chân (688-763) đến Nhật vào năm 753 và thành lập Phật phái Risshu và chùa Toshodai.

Ngày 12-9-2017, sư trưởng của chùa Toshodai là Myogen Nishiyama, 66 tuổi, đã tặng các áo cà sa cho chùa Đại Minh (Trung Quốc), nơi sư Giám Chân đã giảng pháp về giới luật Phật giáo.

Vào thời nhà Đường, các sứ giả Nhật Bản đã từng tặng 1,000 cà sa cho chư tăng Trung Hoa vào năm 717.

Hai mươi áo cà sa ngày nay do sư trưởng Nishiyama tặng có cùng cách may như vậy. Và sẽ có thêm 20 cà sa nữa được gửi đến chùa Đại Minh trước tháng 6-2018.

(asahi.com - October 8, 2017)



MÙA THU NÀO TA VỀ?

*Mùa thu đã đến rồi,
Lá vàng từ từ rơi,
Lá vàng tự do lượn,
Riêng tôi buồn riêng tôi.*

*Ba mươi năm xa xứ,
Mãi mang kiếp lưu đày,
Không được về đất Tổ,
Mong gì cho ngày mai?*

*Ngày mai lại ngày mai,
Cứ thế ngóng trông hoài,
Cứ thế mà ngồi đợi,
Khi đất nước yên vui...*

*Yên vui không thù hận,
Yên vui không tổ nhau...
Ở lẽ Tả hay Hữu,
Mà là một "Bọc Nhau."*

*"Bọc Nhau" là ním ruột,
"Đệ huynh là "Bọc Nhau"
Không còn tâm thù hận,
Sống đúng nghĩa đồng bào.*

*Còn tranh nhau đấu tố,
Dù bên này bên kia,
Tàn thu rồi tàn thu,
Mùa thu nào ta về?*

Trọng thu Đình Dậu - Oct. 10. 2017

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Sư trưởng chùa Toshodai (bên trái) và một đồng môn trình bày một áo cà sa trước khi tặng áo cho chùa Đại Minh ở Trung Quốc
Photo: Ryo Miyazaki

<--

PHẨM PHÁP SƯ TRONG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

Trong phẩm này, đức Phật dạy, phải tôn trọng, tấn thân, cung kính, cúng dường vị Pháp Sư. Theo đức Phật, Kinh Pháp Hoa chính là toàn thân của đức Như Lai. Vị Pháp Sư gánh vác Kinh Pháp Hoa là gánh vác đức Như Lai, nguyên vì giáo nghĩa Phật Thừa đều nằm trong Pháp Thân của đức Như Lai.

Trường hợp này cũng tương tự như muôn pháp vi trùng đều nằm trong nhục thân của con người và bác sĩ chăm sóc con người chính là chăm sóc muôn pháp vi trùng. Người kính trọng đức Như Lai thì phải kính trọng vị Pháp Sư. Nhưng một vị được gọi là Pháp Sư cần phải vào được nhà Như Lai, phải mặc được áo Như Lai, phải ngồi được tòa Như Lai.

Vị Pháp Sư vào được nhà Như Lai nghĩa là phải thể hiện trọn vẹn tâm từ bi rộng lớn của chư Phật đối với tất cả chúng sanh trong sự cứu độ; mặc được áo Như Lai nghĩa là phải thể hiện đức tính nhu hòa và nhẫn nại đối với tất cả mọi tầng lớp chúng sanh ở bất cứ hoàn cảnh nào; ngồi được tòa Như Lai nghĩa là thể nhập được bản thể chân không của tất cả pháp. Như kinh nói: "Vào nhà Như Lai" là ý chỉ cho tâm từ bi rộng lớn làm nhà, "Mặc áo Như Lai" là ý chỉ cho tâm nhu hòa nhẫn nhục làm áo, "Ngồi tòa Như Lai" là ý chỉ cho tánh Không của các pháp làm Pháp Tòa.

Hơn nữa vị Pháp Sư thuyết giảng Kinh Pháp Hoa cũng phải hiểu rõ ý chỉ của đức Phật và nếu như không hiểu rõ ý chỉ của đức Phật lại tự ý giảng pháp sai lầm thì sẽ bị tội Cuồng Vọng Thuyết pháp.

Pháp Sư có năm hạng:

- 1)- Pháp Sư tùy hỷ,
- 2)- Pháp Sư đọc tụng,
- 3)- Pháp Sư thọ trì,
- 4)- Pháp Sư thờ tả,
- 5)- Pháp Sư giảng thuyết.

Người nào hoàn thành một trong năm hạng trên đây đều được gọi là Pháp Sư đáng



tôn kính, đáng ngưỡng mộ, đáng phụng sự và đáng cho chúng sanh nương tựa tu học.

Vị Pháp Sư nào phát nguyện cứu độ chúng sanh mà còn phân biệt nhân, ngã, bỉ, thử, còn phân chia thân, sơ, sang, hèn v.v... là vị đó chưa được vào Nhà Như Lai.

Vị Pháp Sư nào phát nguyện cứu độ chúng sanh, đối với mọi tầng lớp chúng sanh trong mọi hoàn cảnh không thể hiện được đức tính nhẫn nại nhu hòa, còn thối chí ngã lòng, còn thương ghét nóng giận v.v... là vị đó chưa mặc được áo Như Lai.

Vị Pháp Sư nào còn lập vị làm tướng, còn lập phái kết đảng, thiếu sự khiêm cung trong cung cách v.v... là vị đó chưa

được ngồi tòa Như Lai.

Những vị Pháp Sư còn những thứ bệnh kể trên chưa phải là Pháp Sư theo nghĩa của Kinh Pháp Hoa.

Tất cả chúng sanh ai cũng có Chánh Nhân Phật Tánh, nhưng Chánh Nhân Phật Tánh này nếu như không có Kinh Pháp Hoa làm trợ duyên thù thắng (Duyên Nhân) thì khó hiển lộ. Như đã có Kinh Pháp Hoa mà không có vị Pháp Sư thuyết giảng làm trợ duyên thù thắng thứ hai (Duyên Nhân) thì cũng khó liễu ngộ được Chánh Nhân Phật Tánh (Liễu Nhân). Cho nên vị Pháp Sư rất quan trọng trong việc cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề. Người muốn ngộ nhập được tri kiến của Phật Thích trước hết phải cần đến và tôn kính vị Pháp Sư.

Từ Phẩm Pháp Sư này trở về trước là thuộc về phần "Khai Phật Tri Kiến."



ÁO GIÁP CỦA BỒ TÁT

Nguyễn Thế Đăng



Bồ-tát là người tu hành tánh Không ngay trong cõi đời sanh tử này, đồng thời giúp đỡ cứu độ những người khác được giải thoát nhờ thấy và chứng tánh Không. Bồ-tát là người tu hành trí huệ tánh Không và đại bi cứu giúp. Sau đây chúng ta sẽ trích một số đoạn kinh trong phần đầu của Pháp hội Mặc giáp Trang nghiêm, kinh Đại Bảo Tích, để thấy rõ hơn những yếu tố tạo thành con đường Bồ-tát.

"Khi Bồ-tát Vô Biên Huệ thưa hỏi Đức Phật: 'Thế nào là bậc thiên tượng phu xa lìa sợ hãi, nhất tâm chánh niệm vì chúng sanh mà mặc mũ giáp trang nghiêm?', Đức Phật nói kệ rằng:

*Bồ-tát mặc giáp trụ
Để nhiếp các chúng sanh
Vì chúng sanh vô biên,
Mặc giáp cũng vô biên.
Vì bố thí thanh tịnh
Khiến tất cả hoan hỷ
Vì lợi ích chúng sanh
Mà mặc giáp trụ này.
Vì giữ giới thanh tịnh
Lợi ích cho thể gian
Vì lợi lạc chúng sanh
Mà mặc giáp trụ này..."*

Mũ giáp ấy là trí huệ thấu suốt tánh Không, đây là tự giác:

*"... Xa lìa các sợ hãi
Cũng không có lo sợ
Mặc giáp trụ vô biên
Tất cả siêng tu tập.
Khéo mặc đại giáp trụ
Thường hay chánh giác ngộ
Tịch diệt chẳng động lay
Chẳng động, chẳng thổi chuyển."*

Mũ và giáp ấy cũng là mũ giáp đại bi, đây là giác tha. Đoạn kệ này tiếp với đoạn kệ trên:

*"Mặc giáp như vậy rồi
Bậc trí lại nên mặc
Giáp cứu hộ chúng sanh
Giáp phá hoại quân ma.
Giáp cầu dò vô biên
Tất cả giáp đều mặc
Người trí huệ dũng mãnh
Mặc giáp được ở an.
Vì bỏ gánh rất nặng
Mà mặc giáp vô lượng
Độ tất cả chúng sanh
Khiến đều thoát gánh khổ".*

Bồ-tát mặc mũ giáp để chiến đấu. Chiến đấu với chính mình, với gánh nặng sanh tử đeo đẳng nơi mình. Chiến đấu với niềm tin sai lầm dai dẳng rằng sanh tử có tự tánh, có thật, không như hoa đốm giữa hư không. Chiến đấu để chấp nhận sự thật của mọi sự ("thật tướng của tất cả các pháp"), để kham nhẫn với sự thật khó chấp nhận ấy. Thế nên hành trình của Bồ-tát là con đường kham nhẫn với sự thật, kham nhẫn tới đâu thì giải thoát tới đó, qua năm kham nhẫn là phục nhẫn, tin nhận, thuận nhận, vô sanh nhận và tịch diệt nhận. Kham nhẫn ấy là kham nhẫn với tánh Không, kham nhẫn tới đâu thì chứng ngộ tánh Không tới đó.

Bồ-tát mặc mũ giáp để chiến đấu với vô minh, phiền não, xấu ác đang bao vây, xâm nhập và sống nơi những người khác. Vì lòng bi mà Bồ-tát chiến đấu để "cứu hộ chúng sanh." Kẻ thù của Bồ-tát không phải là con người, mà kẻ thù là những vô minh, xấu ác, hư giả đang tha hóa con người, đang đày đọa, che lấp chúng sanh, đưa chúng sanh vào sáu nẻo sanh tử. Khi những phiền não chướng và sở tri chướng được cởi bỏ nơi chúng sanh thì tánh Không hay giải thoát hiện bày vì nó vẫn luôn luôn hiện diện ("Pháp tánh như vậy, dầu chư Phật ra đời hay chẳng ra đời, tánh ấy vẫn luôn thường trụ" - Pháp hội Phú-lâu-na). Như vậy, Bồ-tát chiến đấu vì sự bình đẳng vốn có của tất cả vũ trụ.

Nói cách khác, vì lòng bi càng lớn khi trí huệ càng cho thấy sự mê lầm gây ra khổ đau của thể gian, Bồ-tát mặc mũ giáp để chiến đấu với những cái gì làm hạ phẩm giá con người và đưa con người đến chân, thiện, mỹ. Bồ-tát chiến đấu chống lại những xấu ác nơi tâm con người, chiến đấu chống lại sự biểu lộ của những xấu ác ấy nơi xã hội và môi trường: những tệ nạn xã hội, nạn phá hoại môi trường, nạn giết hại, nạn trộm cướp, nạn tà dâm, nạn dối trá lừa gạt, nạn nghiện ngập... Tóm lại, Bồ-tát là một chiến sĩ của chân, thiện, mỹ chiến đấu chống lại cái giả, cái bất thiện và cái xấu xí.

Mũ giáp của Bồ-tát là trí huệ tánh Không và đại bi hợp nhất. Trí huệ để soi thấu đến chiều sâu của sự vật, con người và thể giới. Đại bi để ôm trùm tất cả chiều rộng của sự vật, con người và thể giới.

Mũ giáp ấy là tánh Không: **"Trong vô**

lượng kiếp, Đại Bồ-tát mang gánh nặng, mặc giáp mũ lớn. Giáp mũ như vậy, ma hoặc quyền thuộc của ma, sứ giả của ma và những chúng sanh đi trong rừng rậm nguy hiểm tà kiến đều chẳng thấy được. Vì sao thế? Vì giáp mũ ấy không có hình sắc hiển bày, không tướng không đối, xa tướng lìa tướng, không có danh tự. Vì sao thế? Vì là vô tướng, vì là chẳng phải chỗ đi, chỗ thấy của chúng sanh."

Mũ giáp ấy là đại bi: "Vì làm cho các chúng sanh được an lạc mà mặc mũ giáp lớn, vì phát khởi tâm làm lợi lạc cho các chúng sanh mà mặc mũ giáp lớn, vì đối trị với tham sân si của các chúng sanh mà mặc mũ giáp lớn, vì làm phương tiện cho đại công đức mà mặc mũ giáp lớn, vì khéo viên mãn trí vô thượng mà mặc mũ giáp lớn, vì cứu hộ sanh tử sợ hãi cho các chúng sanh mà mặc mũ giáp lớn, vì muốn viên mãn hiển hiện trí vô thượng mà mặc mũ giáp lớn, vì giao chiến với các ma, quyền thuộc của ma và ma nghiệp, cũng vì giao chiến với tất cả ngoại đạo, những hạng người đi trong đường hiểm rừng rậm kiến chấp trong cõi Đại thiên này mà mặc mũ giáp lớn."

Để có thể mặc luôn luôn mũ giáp của trí huệ tánh Không và đại bi hợp nhất ấy, vị Bồ-tát phải có đại nguyện. Đại nguyện ấy luôn mở rộng trong không gian và thời gian:

"Này Vô Biên Huệ! Đại Bồ-tát ở trong Đại thừa này, ở nơi mũ giáp lớn này, chớ có lòng hẹp lượng mà nên nguyện cầu cho chúng sanh phát tâm Bồ-đề mặc mũ giáp này và ngồi Đại thừa này.

Các chúng sanh ấy ở nơi Đại thừa và mũ giáp lớn này cũng chớ hẹp lượng mà phải chuyển rộng khuyến cáo các chúng sanh khác, lại cũng nguyện cầu các chúng sanh khác mặc mũ giáp và ngồi Đại thừa này để được ra khỏi (sanh tử khổ đau).

Lúc các Đại Bồ-tát an trụ trong hạnh nguyện ấy, các ngài nhiếp giữ nước Phật, thanh tịnh nước Phật, nhiếp giữ Thanh văn và chư Bồ-tát để được viên mãn công đức. Do biển đại công đức vô biên này mà hưởng đến Giác ngộ Vô thượng."

Chính nhờ mũ giáp với ba yếu tố trên mà Bồ-tát thể nhập pháp giới, vì ba yếu tố ấy chính là pháp giới:

"Này Vô Biên Huệ! Đại thừa này đồng với pháp giới, bờ này hay bờ kia không có gì để đặc, nhưng có thể vận tải tất cả chúng sanh từ đây đến ở trong pháp giới, tương ứng với pháp giới, tương ứng với mũ giáp không có chỗ tương ứng."

Với ba yếu tố trí, bi, nguyện tạo thành mũ giáp để thể nhập pháp giới ấy, công việc của Bồ-tát không giới hạn trong không gian thời gian. Bồ-tát là người chiến sĩ của các đời, các thời đại, người chiến sĩ của vĩnh cửu.

(Nguồn: thuvienhoasen.org)



TRẢI NGHIỆM CUỘC ĐỜI

*Khi thấy KHỔ lo tìm đường thoát khổ
Vì đấu tranh quyết liệt để sinh tồn
Muốn hơn người để chứng tỏ mình khôn
Vết kiết sức tạo kim tiền danh lợi*

*Mãi lo âu chi phối niềm phấn khởi
Giành giật nhau rồi hãm hại lẫn nhau
Mọi mưu toan mục đích để làm giàu
Bao nghiệp ác sẵn sàng gieo chãng sợ*

*Đời VÔ THƯỜNG chúng ta luôn ghi nhớ
Chỉ còn chẳng là nghiệp dĩ phải mang
Giàu lợi danh tướng vẫn mãi huy hoàng
Nghiệp quả đến đành thân bại danh liệt*

*Lắm của cải mất đi nhiều thương tiếc
Đày đọa thân nay gây khổ cho tâm
Theo vật chất tạo tác những lỗi lầm
Quên Phật tánh trong ta luôn hiển hiện*

*Khi thâm thía biết quay đầu hướng thiện
VÔ NGÃ hành giải thoát sống thông dong
Ít muốn thôi là đã khoẻ trong lòng
Biết đủ nữa giàu không ai sánh kịp.*

Tháng 9/2017 (Mạnh Thu - Đinh Dậu)

thơ THÍCH VIÊN THÀNH

CHÍNH NIỆM TỈNH GIÁC

Ni sư Thích Nữ Trí Hải

(trích từ tác phẩm *Đường Về*, sưu tập các bài pháp thoại của Cổ Ni sư Thích Nữ Trí Hải)

Sau khi nói về những lợi lạc của Bồ đề tâm (để cổ vũ tu tập), những chuẩn bị tu tập gồm quy y, sám hối, lập nguyện (từ chương 1-4), đến chương này là phần thực thụ tu tập Bồ đề hạnh gồm 6 Ba la mật. Thông thường lục độ bắt đầu bằng bố thí, nhưng trong tác phẩm này (*) không có một chương riêng đề cập hạnh bố thí, chỉ đề cập độ kế tiếp là Giới dưới đề mục Chính niệm tỉnh giác. Phần trình bày sẽ gồm ba mục chính sau đây:

I. TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI

Tập thể sinh hoạt nào cũng cần đến Giới hay kỷ luật, ví dụ luật pháp của một quốc gia, nội quy các hiệp hội, luật đi đường, luật đầu tư. Ngay cả chơi cũng có quy luật trò chơi, như luật đá banh, người không biết luật đá banh mà coi đá banh sẽ rất chán.

Giới luật Phật chế gồm nhiều loại, như 5 giới, 10 giới, 8 giới, 250 giới, 348 giới, v.v... nhưng tựu trung gồm hai, là giới đặt nặng việc giải thoát cho bản thân, giới đặt nặng việc giác ngộ để cứu giúp tất cả chúng sinh hiện tại, vị lai. Loại một gọi là giới Thanh văn thiên về tự độ. Loại hai là giới Bồ tát thiên về lợi tha. Tuy vậy, hai loại giới bao hàm lẫn nhau, ví dụ trong các giới điều của Thanh văn có rất nhiều giới luật Phật cấm làm những điều chuốc lấy nghi ngờ chê bai của người khác (tị thể cơ hiềm) thì cũng tương tự giới Bồ tát vì có nghĩ đến người khác. Bồ tát giới cũng vậy, cốt đặt nặng phương diện lợi tha, nhưng trong đó đã bao hàm tự lợi. Ví dụ muốn giảng dạy người, trước hết mình phải học và hành, trong quá trình học hành để giảng dạy mình có lợi trước hết.

Giới Thanh văn đặt nặng về giải thoát, giới Bồ tát đặt nặng về lợi tha, cho nên các giới điều giống nhau có tầm quan trọng khác nhau. Ví dụ đối với Bồ tát, trong 4 trọng giới, nặng

nhất là sát, đạo, thứ ba mới là dâm, vì hạnh Bồ tát là phải cứu người, giúp người, nay lại sát và trộm tức phạm giới nặng vì trái bản nguyện của mình. Trái lại Thanh văn cốt yếu là giải thoát sinh tử luân hồi, nên giới dâm nặng nhất vì ái dục là gốc luân hồi sinh tử.

Thanh văn đặt nặng tướng bên ngoài, Bồ tát đặt nặng tâm, động lực thúc đẩy bên trong, nên Bồ tát giữ giới là giữ tâm, vì tâm là gốc mọi sự, nên giữ tâm là giữ tất cả. Thiện ác do tâm, khổ vui do tâm, trôi buộc hay giải thoát cũng do tâm. Các pháp Ba la mật cũng do tâm: bố thí là trải rộng tấm lòng khi cho của; trì giới như giới sát là do tâm tử; nhẫn nhục là điều phục tâm sân. Tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng bắt nguồn từ tâm mà ra cả. Do vậy Bồ tát cần giữ tâm như giữ gìn một ung nhọt giữa đời ác trước. Muốn giữ tâm, không gì hơn Chính niệm tỉnh giác.

II. CHÍNH NIỆM TỈNH GIÁC

1. Chính niệm là gì? Khác nhau giữa chính niệm và tỉnh giác ra sao?

Đối tượng của chính niệm là một đối tượng đã quen thuộc với tâm tử trước (mới nhớ lại

được).

Bản chất của chính niệm là nắm lấy đối tượng.

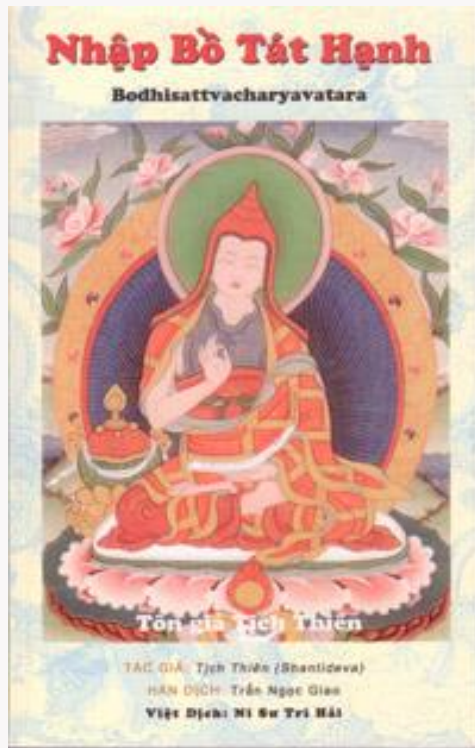
Nhiệm vụ của chính niệm là không xao lãng đối tượng.

2. Tỉnh giác là một loại tuệ quan sát cách "làm ăn" của chính niệm, như một thám tử dò xét để lôi kéo chính niệm trở lại với đề mục

Tỉnh giác là kết quả của chính niệm, nó liên quan mật thiết đến chính niệm nên hai cái thường song hành.

3. Tầm quan trọng của chính niệm tỉnh giác

Mất chính niệm tỉnh giác thì Giới suy yếu, tâm ô nhiễm, như người bị bệnh không làm được gì. Tuệ cũng không phát, như bình rò rỉ





NI SƯ THÍCH NỮ TRÍ HẢI
(1938—2003)

học đầu quên đó, mất các công đức đã được, và không tạo thêm công đức mới, như nhà có cửa quý mà để cửa mở thì bị trộm hết đồ đạc.

Trong hai thứ, chính niệm quan trọng hơn vì tình giác tự nhiên sinh khởi khi có chính niệm.

4. Cách tu tập chính niệm

Có hai phương diện ngoài, trong. Ngoài gồm bậc

thầy và lời dạy, giới đã thọ, sự nhớ khổ sinh tử. Trong là tâm luôn luôn tưởng Phật, Bồ tát đang thấy hết, biết hết những gì mình nghĩ, nói và làm để phát sinh tâm quý.

5. Cách tu tập giới theo chính niệm tình giác:

Có hai loại giới thuộc hai phương diện tự lợi lợi tha là:

- Nhiếp luật nghi
- Nhiếp thiện pháp
- Nhiều ích hữu tình

a. Nhiếp luật nghi gồm:

- Giữ gìn 5 giác quan nhưng cốt yếu là giữ tâm khi tiếp xúc 6 trần cảnh,
- Bốn uy nghi, thân hành niệm,
- Tiết độ trong ăn mặc,
- Đối trị các tâm lý ô nhiễm bằng cách ngưng hoạt động thân, lời.

b. Nhiếp thiện pháp:

- Từ bỏ tham thân bằng cách niệm chết, xem thân như thuyền tốt, như món ăn qua chồn,
- Đãi người với tâm từ bi chân thật, xem người hơn mình, ý tứ trong lúc sống chung,
- Không nói lời người, chỉ tìm lỗi mình
- Cúng dường ba ruộng phước.

c. Lợi lạc hữu tình

Trước hết phải hoàn toàn điều phục tâm rồi mới nghĩ đến lợi tha thực sự. Trong việc lợi tha, cần có trí tuệ và phương tiện mà quan trọng nhất là hai hạnh bố thí và nhẫn nhục. Nếu thiếu trí tuệ, lợi tha thành hại tha (ví dụ một người cứu một con cá mắc cạn, đem về bỏ trong ao nhà khiến cá nhỏ trong ao bị nó ăn hết).

III. LÀM SAO ĐỂ KHỎI MẤT CHÍNH NIỆM?

- Nỗ lực không phạm giới đã thọ.
- Luôn luôn nương tựa bậc thầy.
- Nghe Pháp, tụng đọc kinh điển thường xuyên.
- Chú trọng thực hành chứ không phải chỉ nghe, nói suông, như đọc toa thuốc xong cần phải uống thuốc, bệnh mới khỏi.

TỬ VẬN CỦA MÙA THU

*nghe rằng chưa chắc đã nhiều
đời còn lại được mấy chiều mấy mai
nghe chùng như gió thổi dài
mùa thu rơi xuống một vài sợi thu*

*ừ thôi
nhấn lại thôi ừ
vàng hai con mắt cũng từ mùa thu
câu thơ những muốn hiền từ
gieo nhâm tử vận mà ru lấy người*

*u ơ hát chẳng tròn hơi
lá đời bỏ lại cuộc chơi giữa chùng
vắt thêm một giọt cuối cùng
lá buồn như mắt rung rung cuối mùa*

(18.9.2017)

thơ TRẦN THIÊN THỊ



(* Tác phẩm được nói đến ở đây là Nhập Bồ Tát Hạnh," của tôn giả Tịch Thiên (Shantideva), Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch năm 1998 từ bản Hoa ngữ của Trần Ngọc Giao (chú của Chánh Pháp).

THONG DONG TRƯỚC TÁM NGỌN GIÓ ĐỜI

Thích Nữ Tịnh Quang

Chúng ta thường bị nhiều thứ ràng buộc từ đời sống, chịu sự chi phối không những đối với cảm thụ vật chất mà còn những quan hệ về nhận thức, tư tưởng khởi nguồn tác động từ bên ngoài và cả bên trong chúng ta. Sự va chạm và phát sinh cảm giác khổ/lạc hay những tư duy đối lập không ngoài sự truy cầu hưởng ngoại của tâm; khi tâm thụ động đối với ngoại cảnh là lúc tám ngọn gió đời (bát phong) thổi tâm chúng ta lung lay với những: được/mất, nhục/vinh, khen/chê, khổ/vui (lợi/suy, hủy/dự, xưng/cơ, và khổ/lạc) không lúc nào ngơi.

Có ai trong đời mà không vui vì được, đau vì mất. Ước mơ để được một điều gì đó là bản chất của thể nhân; "sống là tranh đấu", tranh đấu để sinh tồn là một điều tích cực, bên trong ý nghĩa tích cực lại hàm chứa những tiêu cực. Không phải dễ, khi ta tranh đấu cho ta, cho những người thân của ta, rồi mới nghĩ đến những người khác. Ngoài sự sinh tồn như một con người, chúng ta cũng cần có được một điều gì đó như (với) xã hội loài người cũng không phải đơn thuần, hẳn nhiên là những trở ngại, rồi những nỗ lực để vượt qua; trên con đường vượt qua chúng ta phải đối diện với những nỗi đau để 'được', và khi được rồi, chúng ta lại phát sinh tâm lý sợ mất, mất cái mà chúng ta đã dày công tạo dựng, hoặc có thể chưa hài lòng với cái mà chúng ta 'được', rồi tiếp tục tranh đấu để 'được' những cái khác như người... Như thế, đời sống đã trở thành những tháng ngày hoài vọng, tranh đấu và lo sợ với hai chữ: được và mất.

Đối với sự vinh/nhục và khen/chê cũng thế, "chết vinh hơn sống nhục" đã trở thành châm ngôn cho những ai được gọi là 'quân tử'. Tuy nhiên, vinh và nhục cũng có thể đối với bên này mà không đối với bên khác; và chết để được vinh danh lại trở thành một vấn đề sau khi chết (?) Nguyễn Công Trứ có câu: "Làm trai đứng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông." Chữ 'danh' ở đây, có lẽ nhà

thơ muốn nói đến việc 'làm lợi gì cho đất nước, cho nhân sinh'; có thể, không mang nghĩa là cầu danh hay đánh bóng tên tuổi như những nhà chính trị đã tạo ra những cuộc chiến tranh lịch sử (?). Ngoài nghĩa như trên, vinh/nhục còn mang ý nghĩa về sự thành tựu của một con người trên phương diện xã hội trong những khía cạnh riêng; thành tựu về con đường học vấn, trong kinh doanh làm ăn, trong quản lý chính trị, gặp được một người phối ngẫu có danh vọng v.v... Như thế, sự thành tựu trên khái niệm vinh/nhục hay khen/chê không ngoài nghĩa cầu danh, cầu được tiếng

khen, vui với tiếng khen, buồn với nỗi nhục, với những lời chỉ trích, chê bai, hay không được ca ngợi. Và cũng trên phương diện xã hội, khái niệm vinh, nhục, khen, chê vẫn là đạo đức căn bản của thanh danh; chọn cái tốt để lưu danh luôn được cổ xúy. Ngọn gió vinh/nhục, khen/chê vốn vô hình nhưng công sức của chúng khôn lường đối với tư duy nhận thức chung của con người, chúng theo ta trong suốt cuộc hành trình làm người. Không ai không ấu ăi đối với danh-lợi, không ai không đau với những mất mát, tủi nhục... Những cơn gió vinh/nhục/khen/chê cứ thổi lui thổi tới trong thân phận chúng ta như làn gió bốn mùa thay nhau. Chúng ta thường ao ước ở đỉnh cao của vinh quang như người khác và quên rằng tiến trình mà nó đi qua và sẽ tới, Charles Spurgeon nói: "Đừng tưởng rằng đường đến Thiên đàng là lên đỉnh vinh quang, nó thổi bạn xuống thung lũng của sự ê chề." ("do not dream that the path to heaven is up the hill of honor, it winds down into the valley of humiliation.") Thăng/trầm, vinh/nhục, khen/chê, sướng/khổ là những cặp phạm trù mâu thuẫn cùng đứng với nhau trong thị hiện tại, nhưng tri tưởng khiến ta nghĩ chúng có sự khoảng cách, ngỡ rằng ta đạt được một cái gì đó, hay ta mất một điều gì đó. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói rằng: "Người ham muốn danh tiếng như đốt hương, khi người ta ngủi được mùi thơm thì cây hương đã tàn rồi." Như



thể, bản chất của danh tiếng hay danh lợi vốn chóng vánh, vô thường, tốt xấu đều chóng vánh vô thường; tuy nhiên, trên mặt hiện tượng chúng vẫn song song tồn tại và vận hành trong thể sáng/tối. Vui và khổ cũng bất chợt, chúng đi từ bên ngoài mà chúng ta ngỡ bên trong. Chỉ là những làn gió, “phương chằng động mà tâm động”; sự điên rồ của ý thức là chấp ngoại tại như bản ngã thực hữu, và ‘khổ’ vô hình dung xuất hiện.

Trong kinh *Lokavipatti Sutta* (Kinh Những Bất Thành của Thế Gian), Đức Phật nói về tám Pháp thể gian trong thế giới con người; một người thực sự có năng lực tu tập, có trí tuệ quán sát sẽ nhận ra được tám pháp kia là tu tán và thường, và nhân đó không khởi tâm yêu và ghét chúng:

*"Được, mất và nhục, vinh
Chê, khen và vui, khổ
Trong thế giới loài người
Là những pháp tùy thuộc
Sinh diệt và vô thường
Chúng không ngừng thay đổi.
Biết thế, người trí tuệ
Chánh niệm, quán sát chúng
Là duyên hợp đối thay
Pháp ưu ái, không động
Không ưu ái, chẳng sầu.
Với thuận cảnh, nghịch cảnh
Đã tiêu mất, không còn
Tuệ giác không trần cấu
Tâm không còn phiền não
Vị ấy hiểu biết đúng
Đã đạt đến siêu việt
Bước tới được Bờ Kia." (TNTQ dịch Việt)**

Như thế, Trí tuệ mà Đức Phật muốn đề cập đến là sự hiểu biết đúng, đồng nghĩa với tâm không còn bị chi phối bởi trần cấu, phiền não, hay còn bị khuynh đảo bởi tám ngọn gió đời. Người không còn tùy thuộc bởi ‘được, mất, vinh, nhục, khen, chê’ là người không còn vui buồn theo thế gian. Trong cuộc sống có những điều như ý khiến cho chúng ta vui, những điều bất như ý khiến chúng ta đau buồn; đối với tài sản, sự nghiệp, gia đình, thanh danh... một đời chúng ta có được, và ngỡ rằng đó phúc báo của ta; nếu chúng thực sự là phúc, là của ta tại sao chúng ta không hưởng thụ mãi được (?), chúng ta có vui tiếp tục khi phải lìa khỏi chúng lúc chúng ta đau yếu, khi cô đơn trên giường bệnh (?). Sự hi hã về ‘được’ luôn hàm chứa những niềm khắc khoải về ‘mất’. Bạn đến gần, bạn trong tay tôi rồi đây, ai có biết rằng bạn sẽ không thay đổi, khi tôi sẽ không phải là tôi bây giờ.

Nhận thức thực tính hai mặt của một vấn đề, người tu tập sẽ không bị động trước tám ngọn gió mĩa ma của thế gian, ngọn gió thổi rất lòng người và cuối cùng ai cũng đau vì chúng. Khi quán chiếu thâm sâu, chúng ta sẽ đạt được cái nhìn siêu việt, không còn bị chúng thổi tới tấp vào tâm, và khi tâm



BIẾT ĐÂU VỀ

*hứng đời
mấy bước loanh quanh
nên thơ cũng tội
trăm nhành hoa đau
hiềm xưa
gỗ nát thân tàu
ngọn buồm yên tử
biết đâu mà về*

thơ HOÀNG XUÂN SƠN

không còn rung động vì chúng, thực sự chúng ta mới bước tới được Bờ Kia, bờ Niết bàn an tĩnh.

Thích nữ Tịnh Quang

Bản dịch Anh ngữ của Ngài Thanissaro Bhikkhu:

The Failings of the World

*"Gain/loss,
status/disgrace,
censure/praise,
pleasure/pain:
these conditions among human beings
are inconstant, impermanent, subject to
change.
Knowing this, the wise person, mindful,
ponders these changing conditions.
Desirable things don't charm the mind,
undesirable ones bring no resistance.
His welcoming
& rebelling are scattered, gone to their end, do
not exist.
Knowing the dustless, sorrowless state,
he discerns rightly,
has gone, beyond becoming,
to the Further Shore."*

CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC

Từ hải ngoại, chúng tôi nhận được ai tín:

HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ VIÊN



- Chủ biên Nội san Tâm Thị, Nha Trang
 - Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Trung Cấp Phật Học Khánh Hòa
 - Trụ trì Chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa, thành phố Nha Trang và Chùa Hòa Tân, huyện Cam Lâm
 - Cựu tăng sinh Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang đã xả báo thân vào lúc 23 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 10 năm 2017 (nhằm ngày 26 tháng 8 năm Đinh Dậu); trụ thế 71 năm, hạ lạp 44.
- Thành kính phân ưu cùng Môn đồ Pháp quyến đồng thời nguyện cầu Giác Linh Hòa thượng cao đẳng Phật quốc, hồi nhập Ta-bà tiếp tục hạnh nguyện hóa độ chúng sanh.
- Đồng vọng bái:

- HT. Thích Nguyên Trí và Ban chủ trương Nguyệt san Chánh Pháp
- Cựu tăng sinh Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức: HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Quảng Ba
- Ban Biên Tập và Ban Bảo Trợ Nguyệt san Chánh Pháp: Ni sư Thích Diệu Tánh, Đạo hữu Quảng Nguyên và gia đình, Cư sĩ Tâm Huy - Huỳnh Kim Quang, Cư sĩ Tâm Quang – Vĩnh Hảo

BÓNG CÒN TỎA THIÊN THU

Thành kính dâng lên giác linh
Hòa Thượng thượng TRÍ hạ VIÊN

*Núi cao cổ miếu suy tàn
Sinh Trung khai nở pháp đàn liên hoa
Kể từ vôi đá hoạn ca
Phật về Tăng đến hiện tòa quang minh
Kỳ Viên Trung Nghĩa viên thành
Già lam hội chúng, chung thanh ngân đều...
Huy hoàng thế thưở rong rêu
Bồ đề tỏa bóng, mái chèo hạnh hương
Trí đăng ngời sáng nẻo đường
Tịnh Thiên sự lý viên dung nhiệm màu
Đạo tràng thọ lãnh ân sâu
Hòa Tân vang tiếng kinh cầu sớm hôm...*

*Vàng dương tắt, thế gian buồn
Cao đẳng Phật quốc, thiên thu tỏa ngời!*

Nha Trang 16-10-2017

Đệ tử **Tâm Không-Vĩnh Hữu**

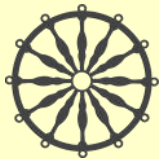
CUNG TIÊN GIÁC LINH

Thành kính đánh lễ giác linh
Hòa thượng thượng TRÍ hạ VIÊN

*Kỳ Viên xám ử một màu mây
Phương trượng từ nay vắng bóng Thầy
Nhớ giác linh xưa tâm đại lượng
Niệm thân giáo áy đức cao dày*

*Trùng tu sắc tứ công bồi đắp
Thuyết giảng kinh văn trí diễn bày
Chuong trống bồi hồi non Thửu lĩnh
Chấp tay cung tiễn giác linh Thầy.*

10h sáng 27 tháng 8 Đinh Dậu
Đệ tử **Tâm Chơn - Tôn Nữ
Thanh Yên** Kính bái



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tụ tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trăn trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (*để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế*).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gởi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyền thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:
 Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
 Bát Nhã Buddhist Temple
 4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703
 Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473
 Bank Account #: 325063638819
 Routing #: 026009593
 BANK OF AMERICA



THỰC TẬP NHƯ THỂ NÀO

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Tuệ Uyển dịch



Tông Khách Ba giải thích vấn đề học nhân nên nương tựa vào một vị thầy tâm linh như thế nào và vấn đề vị thầy nên hướng dẫn học nhân trong sự hướng dẫn của Đức Phật như thế nào. Tất cả mọi giáo huấn của Đức Phật đều hướng đến việc đem tới sự thực chứng nguyện vọng tức thời của chúng ta - tái sanh vào một thế giới cao hơn - và nguyện vọng lâu xa - đạt đến giải thoát. Nhằm để hướng dẫn học nhân trong những hướng dẫn này, vị thầy tâm linh cần có những phẩm chất nào đó. Hiệu lực của giáo huấn luôn luôn tùy thuộc vào phẩm chất của vị thầy. Thí dụ, khi chúng ta chọn lựa một trường đại học hay một trường học nào đấy, chúng ta biết rằng phẩm chất của trường học chính yếu được quyết định bởi phẩm chất của các vị giáo sư hay giáo viên làm việc ở đấy.

Đức Phật đã phác thảo trong nhiều kinh luận về những phẩm chất mà các vị thầy cần cho những loại hướng dẫn đặc thù, từ những nguyên tắc đạo đức của tu sĩ (giới luật) đến tantra yoga tối thượng. Đối với giáo huấn con đường tiệm tiến, vị thầy phải là người nào đấy có thể truyền đạt những hướng dẫn chứa đựng những sự thực tập của tất cả những người trong ba trình độ năng lực [1]. Những phẩm chất then chốt kể cả mười điều được liệt kê trong *Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận* của Di Lặc. Tông Khách Ba (1:71) trích dẫn một đoạn từ *Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận*:

Nương tựa vào một vị thầy Đại Thừa, một người nguyên tắc, trong sáng, bình lặng, có những phẩm chất tốt đẹp vượt trội những học nhân, là năng động, có một kiến thức kinh luận phong phú, sở hữu lòng quan tâm thương mến, có kiến thức toàn bộ về thực tại và năng khiếu trong việc hướng dẫn đệ tử, và đã từ bỏ sự mất nhuệ khí.

Tông Khách Ba (1:71) giải thích:

Như được nói rằng những ai tự không có nguyên tắc thì sẽ không có căn bản cho việc hiện thực nguyên tắc cho người khác. Do thế, đạo sư, người muốn rèn luyện tâm thức người khác trước nhất phải tự rèn luyện tâm thức của họ. Họ nên rèn luyện như thế nào? Sẽ không có lợi ích cho họ chỉ với việc hoàn thành một thực hành nào đó, và rồi gọi kết quả ấy là một phẩm chất tốt đẹp của kiến thức. Họ cần một

cung cách để rèn luyện tâm thức tùy thuộc với giáo huấn phổ thông của Đấng Chiến Thắng (tức là Đức Phật). Ba điều rèn luyện quý báu (giới, định, tuệ) xác định rõ một cung cách như vậy.

Những hướng dẫn của Đức Phật trước hết gắn liền với việc đạt đến giải thoát; những thực tập chính cấu thành con đường đến giải thoát là những sự thực tập của giới, định, tuệ. Vì vậy, vị đạo sư trao truyền những sự hướng dẫn này phải rèn luyện tâm thức của chính vị ấy trong những điều này và phải biểu hiện tri thức phát sinh từ những tu tập này. Hơn thế nữa, vì những giai tầng của con đường tiệm tiến là những hướng dẫn không chỉ để đạt đến giải thoát mà cũng cho việc đạt đến Giác Ngộ tròn vẹn của Quả Phật, do vậy vị thầy phải có thể trình bày một con đường bao gồm những sự thực tập chẳng hạn như tâm Giác Ngộ - tâm bồ đề, và đại bi. Và nhằm có thể thực hiện việc này một cách chính xác, vị thầy phải thật sự có những phẩm chất này.

Luận điển của Di Lặc thêm rằng vị thầy phải có một kiến thức hoàn hảo về thực tại, có nghĩa là việc hiểu biết về bản chất cứu kính của mọi thứ. Điều này phản chiếu quan điểm triết lý của tác giả, người trình bày nét khác biệt của trường phái Duy Thức giữa vô ngã của con người (nhân vô ngã) về một mặt và mặt kia là thực tại cứu kính. Luận điển của Di Lặc xem tuệ trí trong phạm vi của ba rèn luyện như tuệ trí của nhân vô ngã - chứ không phải là tuệ trí của việc hiểu biết thực tại cứu kính. Vì thế, ngài liệt kê một phẩm chất bổ sung của việc thực chứng thực tại cứu kính - tri thức về vô ngã của các hiện tượng (pháp vô ngã) - đây là thực tại cứu kính như được thấu hiểu trong hệ thống Duy Thức.

Tông Khách Ba (1:75) xem ba phẩm chất chính cần thiết trong một học nhân của giáo huấn con đường tiệm tiến: công bằng, thông minh, và căn bản. Khi tìm cầu cho việc thông hiểu bản chất của thực tại, thật quan trọng để có một quan điểm khách quan hay không bè phái. Bằng khác đi, quý vị sẽ bị tác động bởi tính thiên vị của quý vị với một hệ thống hay một cung cách giải thích mọi thứ. Sự không công bằng như vậy gây trở ngại với sự thông hiểu bản chất thật sự của thực tại.

Thông minh ở đây liên hệ đến sự thông minh tối quan trọng có thể thấy rõ sự khác biệt giữa những gì đúng và những gì sai, những gì chính xác và những gì không chính xác. Đó là một năng lực tinh thần tìm hiểu cấp thiết, tính tò mò. Lúc bắt đầu thực hành, quý vị cần có một mức độ hoài nghi, một loại nghi ngờ. Điều này cực kỳ quan trọng. Đây là bởi vì chỉ loại nghi ngờ thế này mới tạo ra một loại khả năng thật sự cho việc thông hiểu sâu xa hơn. Nếu quý vị tiếp cận mọi giáo lý ngay từ đầu chỉ với một đức tin đơn thuần, thế thì loại khả năng thế này sẽ không phát sinh.

Truyền thống Ấn Độ cổ truyền nhận diện chủ đề của mỗi luận điểm, là lý do trước mắt cho việc tìm cầu sự thông hiểu chủ đề đó, và mục tiêu lâu dài của việc đạt đến một kiến thức như vậy. Khi một luận điểm được sáng tác bởi một người với những năng lực phê phán, nó được thấy trước rằng một người như vậy muốn biết về những nhân tố này. Đôi khi một luận điểm truyền thống cho biết trước rằng những người khác biệt sẽ thâm nhập luận điểm trong những cách khác nhau. Những ai với năng lực hơi thấp có thể tiếp cận kinh điển với niềm tin và sùng mộ đạo đức, trong khi những người với năng lực tinh thần hơi phê phán hơn sẽ muốn biết từ quan điểm nào mà luận điểm trình bày về bản chất của thực tại.

Tông Khách Ba trình bày một tiến trình thật sự mà qua đây hành giả nương tựa với vị thầy tâm linh. Thế trạng nào của tâm thức và thái độ nào mà hành giả nên chấp nhận? Như ngài giải thích điều này, Tông Khách Ba (1:86) nêu lên câu hỏi:

Chúng ta phải thực hành phù hợp với lời dạy của đạo sư. Rồi thì nếu chúng ta nương vào những đạo sư và họ lại hướng dẫn chúng ta trong một con đường sai lạc hay dùng chúng ta trong những hành vi mâu thuẫn với ba thể nguyện? Chúng ta phải làm những gì họ nói chứ?

Ngài trả lời ba câu hỏi của chính ngài:

Với sự tôn trọng điều này, Đức Quang (Cầu Na Bạt Đà La) trong Giới Kinh đã nói rằng, "Nếu vị trụ trì yêu cầu con làm những gì không phù hợp với giáo huấn, hãy từ chối". Cũng thế Bảo Văn Đại Thừa Kinh nói rằng, "Với sự tôn trọng đạo đức hãy hành động phù hợp với lời dạy của đạo sư, nhưng đừng hành động theo lời dạy của đạo sư nếu phi đạo đức". Do thế, quý vị quyết không nghe theo những hướng dẫn phi đạo đức. Câu chuyện sinh lần thứ 12 rõ ràng cho chúng ta ý nghĩa của việc không dẫn thân trong những gì không thích đáng.

Câu chuyện sinh lần thứ 12 liên hệ đến

Chuyện Tiền Thân (Jataka) [2].

Thí dụ, trong tất cả những vị thầy của Atisa, vị quan trọng nhất là Serlingpa. Atisa đặc biệt tôn kính Serlingpa vì giáo huấn của ngài về tâm Giác Ngộ, hay tâm bồ đề. Tuy nhiên, quan điểm triết lý của Serlingpa là Duy Thức học. Đúng là Serlingpa là vị thầy quan trọng nhất của Atisa nhưng không có nghĩa Atisa sẽ tuân theo những sự hướng dẫn của vị đạo sư ấy trong mọi lãnh vực. Ngài là một học nhân chân thành của Serlingpa, nhưng trong trường hợp của sự thấu hiểu triết lý ngài đi theo Trung Quán tông hơn là tiếp nhận quan điểm Duy Thức tông của thầy ngài.

Thiền Tập

Như ngài đã giải thích vấn đề nương tựa vào vị thầy tâm linh như thế nào, Tông Khách Ba (1:94-99) phác họa những gì phải làm trong một buổi thiền tập nghi thức, trình bày sáu



thực hành chuẩn bị và bày điều quán nguyện [3]. Sau đó ngài giải thích (1:100-108) vấn đề ăn ở thế nào giữa những buổi thiền tập. Thật quan trọng để có một sự cân bằng giữa ăn uống và ngủ nghỉ đồng thời, để gia tăng năng lực thực hành của quý vị. Quý vị phải nên canh chừng những cánh cửa của các giác quan và sống với tỉnh thức, với sự cẩn trọng. Vấn đề là những buổi ngồi thiền nghi thức và những thời gian giữa các buổi ngồi

thiền phải là bổ sung cho nhau, mỗi thứ làm nổi bật phẩm chất cho nhau. Hãy nghiên cứu để sử dụng 24 giờ mỗi ngày để nuôi dưỡng đạo đức bằng phương tiện này hay phương tiện khác.

Không ai thức dậy vào sáng sớm và nghĩ, "Hôm nay tôi thật sự nên có thêm rắc rối. Tôi phải có thêm xung đột và sân hận". Thay vì thế chúng ta nghĩ, "Hôm nay tôi hy vọng cho một ngày vô cùng an hòa, một ngày tự do và hạnh phúc". Trên hành tinh với sáu tỷ người, không ai muốn nhiều rắc rối. Nhưng vẫn có vô số vẫn nạn - hầu hết được chúng ta làm ra. Điều này dường như rõ ràng. Chúng ta thật sự muốn những gì tốt đẹp, nhưng tâm tư chúng ta hoàn toàn bị khống chế bởi phiền não. Những phiền não tinh thần này căn cứ trên si mê ở nhiều mức độ, kể cả si mê căn bản vi tế và si mê ở những mức độ thô. Những tâm thức si mê ô nhiễm nào không biết thực tại. Tâm thức si mê nhìn vào mọi thứ chỉ từ một khía cạnh và quyết định, "Ồ, điều này là xấu", hay "Điều này là tốt".

Thiền tập có nghĩa là học hỏi để kiểm soát tâm ý chúng ta, theo cách ấy, bảo vệ tâm thức chúng ta khỏi bị khống chế bởi vọng tưởng và những phiền não khác. Chúng ta có thể nghĩ,

"Ồ, tôi mong tâm ý tôi không bị khống chế bởi si mê và những phiền não khác". Nhưng những phiền não này là vô cùng mạnh mẽ và rất tàn phá; chúng sinh khởi mặc cho mong ước của chúng ta. Chúng ta phải hành động để phát triển những biện pháp đối phó hiệu quả. Chúng ta không thể mua những phương thuốc điều trị như vậy từ một cửa hàng; ngay cả những máy móc rất phức tạp cũng không thể chế ra những phương thuốc như vậy cho chúng ta. Chúng được đạt đến chỉ qua các nỗ lực tinh thần, việc rèn luyện tâm thức trong thiền tập. Thiền tập có nghĩa là làm cho tâm thức chúng ta quen thuộc với năng lực gây tác dụng đối lập [với si mê và phiền não], trở thành thói quen với chúng ngày qua ngày, tuần qua tuần, tháng qua tháng, năm qua năm khác. Ngay cả kiếp này qua kiếp khác, năng lực vẫn tiếp tục. Dần dần, những năng lực đối lập này trở thành mạnh hơn và, khi chúng hoạt động, những phiền não tự động lùi lại bởi vì chúng không hợp với những thể trạng tinh thần mới này. Hai thứ này mâu thuẫn với nhau trong chiều hướng tri giác nên chúng không thể tồn tại với nhau.

Tạng ngữ tương đương với thuật ngữ "thiền tập" là gomba. Trong Phạn ngữ là bhavana, có nghĩa là trau dồi và làm quen thuộc một cách thận trọng. Một cách phổ thông Tạng ngữ động từ gompa có nghĩa là "thiền thực" hay "trở thành quen thuộc", nhưng như sgompa nó là một động từ hoạt động, biểu thị một tác nhân, người hành động một cách cẩn trọng một loại việc làm quen thuộc đặc thù.

Phạm vi của những hành động của chúng ta được sai khiến bởi tâm thức của chúng ta và tâm thức hóa ra bị khống chế và sai khiến bởi phiền não. Trong sự giải thích này, mặc dù chúng ta mong ước hạnh phúc, nhưng chúng ta lại kết thúc với khổ đau. Chúng ta rất quen thuộc và tập làm quen với những tình trạng tinh thần vô nguyên tắc. Thâm nhiễm qua nhiều kiếp sống, những tình trạng tinh thần như vậy dường như tự động và tự nhiên. Khi chúng ta hành thiền vì thế làm lớn mạnh những phương pháp hóa giải, thì chúng ta đang chống lại những khuynh hướng phiền não. Chúng ta đang học tập những kỹ năng mới, một cung cách suy nghĩ mới, một cung cách sống mới. Như vậy, mới đầu những phương pháp hóa giải này rất yếu kém, nhưng sau một thời gian chúng trở nên mạnh mẽ hơn, và khi chúng hoạt động, những phiền não trở nên yếu kém hơn.

Phiền não thay đổi kinh khủng và cơ hội chủ nghĩa không thể ngờ. Bất cứ khi nào có cơ hội, chúng tìm cách này hay cách khác để biểu

hiện. Cho nên thật quan trọng để thấu hiểu chúng và nhận ra chúng, để biết vấn đề chúng xuất hiện như thế nào trong tâm thức chúng ta. Thí dụ, chúng ta có khuynh hướng xem dính mắc như một người bạn. Nó là một tính chất của tâm thức có xu hướng lôi kéo những thứ khác đến với chúng ta, vì thế nó giúp chúng ta tập hợp những điều kiện với nhau mà chúng ta tưởng rằng nó hữu ích cho sự sống còn của chúng ta. Sân hận và thù oán là những tình trạng tinh thần sinh khởi trong mối quan hệ với một chướng ngại; chúng ta có xu hướng cảm thấy rằng chúng hiện diện ở đây để bảo vệ

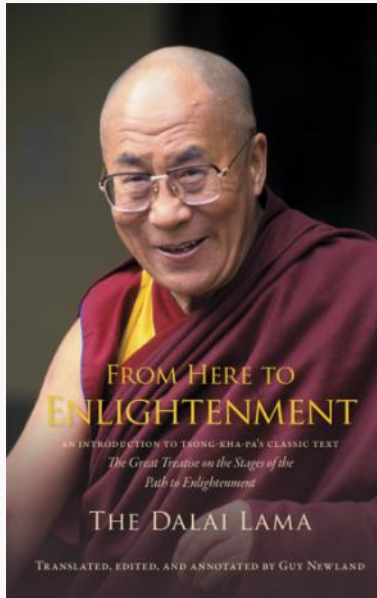
chúng ta chống lại những thứ mà chúng ta không muốn. Chúng ta xem chúng như những người bạn đáng tin cậy, bảo hộ chúng ta.

Đáp lại sự đa dạng và xảo quyết của phiền não, chúng ta cần những phương pháp hóa giải đầy năng lực và đa dạng. Đức Phật đã dạy về tám mươi bốn nghìn pháp môn; kinh luận giải thích các giáo huấn này là vô số luận điểm giảng rộng. Có một mục tiêu duy nhất, cứu kính tiềm tàng phía sau những giáo huấn này - để giúp chúng ta tìm thấy sự hòa bình của tâm thức. Nhưng chúng ta cần một lực lượng đa dạng các giáo huấn và những sự thực tập bởi vì các phiền não quấy rầy chúng ta gồm rất nhiều loại khác nhau. Cũng thế, chúng biểu hiện khác nhau trong những cá nhân khác nhau. Nếu chúng ta thẩm

tra tự chính các phiền não, về vấn đề chúng thể hiện chức năng trong tâm thức chúng ta, và những điều kiện bên ngoài và bên trong làm chúng sinh khởi như thế nào, thế rồi tốt hơn là chúng ta chuẩn bị phát triển những phương pháp hóa giải. Thật không đủ nếu chỉ nhận ra sự tàn phá của phiền não và rồi mong ước hay cầu nguyện chúng tan biến đi. Chúng ta phải rất cẩn trọng trong việc phát triển những phương pháp hóa giải chúng.

Chúng ta phát triển những phương pháp hóa giải đối với các phiền não qua một loạt các trình độ (1) tuệ trí xuất phát từ học hỏi - văn, (2) tuệ trí xuất phát từ quán chiếu - tư, (3) tuệ trí xuất phát từ thiền tập - tu. Tuệ trí xuất phát qua học hỏi đến từ việc lắng nghe một vị thầy hay nghiên cứu một văn bản. Trong những cách này quý vị có thể phát triển một sự thông hiểu tri thức về những đặc tính của các phiền não và những phương pháp hóa giải thích đáng đối với mỗi thứ. Trên căn bản của sự thấu hiểu tri thức này, quý vị sau đó phải quán chiếu một cách cẩn trọng và liên tục, làm sâu sự thấu hiểu của quý vị cho đến khi quý vị có một cảm nhận chân thành về sức thuyết phục, về hiệu lực của các phương pháp hóa giải.

Qua trình độ thứ hai này, sự hành thiền





của quý vị là phân tích một cách chính yếu. Khi quý vị dẫn thân trong sự quán chiếu căn trọng và hành thiền phân tích, quý vị phải sử dụng lý trí căn cứ trên bốn nguyên tắc, những thứ này là bốn con đường mà qua đó chúng ta tiếp xúc với thực tại [4]. Đây là (a) nguyên lý bản chất, (b) nguyên lý phụ thuộc, (c) nguyên lý công năng, và trên căn bản của ba nguyên lý này - (d) nguyên lý chứng cứ. Thí dụ, việc khảo sát tâm thức trong dạng thức của nguyên lý bản chất, chúng ta thấy rằng nó được mô tả đặc điểm một cách rõ ràng và hiểu biết. Xét cho cùng, trong dạng thức của nguyên lý bản chất, chúng ta thấy rằng tất cả những thể trạng tinh thần thay đổi từng thời khắc. Chúng là nhất thời và chóng tàn phai. Cũng thế trong tâm thức, chúng ta thấy các quá trình hoạt động của những mâu thuẫn xung khắc. Thí dụ, chúng ta biết rằng thù oán và sân hận đối với ai đây là trái ngược với từ ái và bi mẫn đối với người ấy. Những năng lực đối kháng này mâu thuẫn với nhau vì thế chúng ta không thể có cả hai loại cảm giác này cùng một lúc. Chúng giống như nóng và lạnh, đối lập với nhau vì thế ngăn ngừa nhau cùng tồn tại. Ý tưởng này về các quá trình hoạt động của những mâu thuẫn xung khắc là một bộ phận của nguyên lý bản chất.

Khi, căn cứ trên việc phân tích bản chất, quý vị rời thì phân tích những mối quan hệ nhân quả, đây là nguyên lý phụ thuộc. Việc nhận ra những mối quan hệ nhân quả này, thì chúng ta có thể đi đến thấu hiểu về những công năng đặc biệt của những thể trạng tinh thần khác biệt. Rằng mỗi thứ - trong trường hợp này, mỗi thể trạng tinh thần - có chức năng riêng biệt của chính nó là nguyên lý công năng. Rồi thì, việc thông hiểu ba nguyên lý này, quý vị có thể sử dụng chứng minh hợp lý. Trường hợp là như vậy và như vậy, điều gì khác phải tiếp theo một cách hợp lý.

Sử dụng bốn nguyên lý này trong phân tích, quý vị có thể đem đến những phương pháp hóa giải chống lại từng phiền não khi nó sinh khởi trong tâm thức quý vị. Căn cứ trên loại thiền tập phân tích này, rời thì quý vị có thể đi tới trình độ thứ ba - tuệ trí xuất phát từ thiền tập. Ở đây, sự hành thiền của quý vị trở thành ở trong bản chất của định tập trung nhiều hơn và quán phân tích ít hơn. Sự tiếp

cận chính yếu được duy trì trong sự nhất tâm trên sự kiện mà quý vị đã quyết định trong phân tích. Qua thiền tập trên sự kiện này với sự tập trung nhất tâm, sự kiện này trở thành rõ rệt hơn bao giờ hết, cho đến khi quý vị đạt đến tuệ trí từ việc hành thiền. Đây là những bước mà qua đây chúng ta chuyển hóa tâm thức chúng ta.

HỎI VÀ ĐÁP

HỎI: *Thưa Đức Thánh Thiện, ngài đã nói rằng chúng ta liên hệ đến những sự kiện căn cứ trên nhận thức của chúng ta hơn là căn cứ trên thực tại. Chúng ta cần phân biệt các nhận thức của chúng ta và thực tại. Nhưng làm sao chúng ta biết thực tại mà không liên hệ với những nhận thức của chúng ta?*

ĐÁP: Một cách tổng quát, nếu quý vị nhìn vào một sự vật riêng lẻ hay một sự kiện chỉ từ một khía cạnh, sau đó quý vị không thể thấy toàn bộ hoàn cảnh. Nhằm để thấu hiểu một sự kiện quý vị phải nhìn từ những khía cạnh khác nhau. Ngay cả trong trường hợp của một thứ vật lý, việc hiểu biết chỉ một chiều kích của nó không cho quý vị thấy toàn bộ hoàn cảnh. Với ba hay bốn hay sáu chiều kích, rời thì quý vị có thể có một bức ảnh rõ ràng hơn. Chính là cách này với mọi thứ; quý vị phải thẩm tra chúng từ những quan điểm khác nhau, cùng với những chiều kích khác nhau. Việc thấy chỉ từ một khía cạnh, luôn luôn có một khoảng cách giữa hiện tượng và thực tại. Đây là tại sao khảo sát là quyết định. Chỉ qua sự khảo sát thì chúng ta mới có thể giảm thiểu khoảng cách giữa hiện tượng và thực tại. Chỉ trong cách này.

Trước đây tôi đã sử dụng những từ "hiện tượng" và "thực tại" trong phạm vi của hai chân lý (nhị đế). Làm sao chúng ta có thể thấu hiểu gốc rễ khổ đau của chúng ta? Đây là gốc rễ của những phiền não tinh thần của chúng ta? Gốc rễ ấy là sự chấp trước của chúng ta vào sự tồn tại cố hữu của mọi thứ. Tâm thức lừa dối của chúng ta chấp trước vào sự tồn tại cố hữu, dẫn thân vào những sự kiện của thế gian một cách chính yếu từ dạng thức của vấn đề chúng xuất hiện thế nào, ở trình độ của nhận thức. Mọi thứ xuất hiện ở một cung cách nào đó và rời thì tâm thức chấp trước chúng như hiện tượng ấy là thực tại thật sự của sự vật. Khi quý vị nhận ra rằng những hiện tượng không phù hợp với cung cách mà mọi thứ thật sự là, sau đó quý vị dần dần có thể làm yếu đi sự kìm kẹp của chấp trước.

HỎI: *Thưa Đức Thánh Thiện, như một người bắt đầu trên con đường tu tập, vẫn đang thực tập những bước chập chững bé con, ngài có bất cứ lời nào để giúp tôi thiết lập một sự thực tập hàng ngày đầy đủ ý nghĩa mà sẽ đưa tôi tiến tới một sự tinh thức và thấu hiểu rộng lớn hơn?*

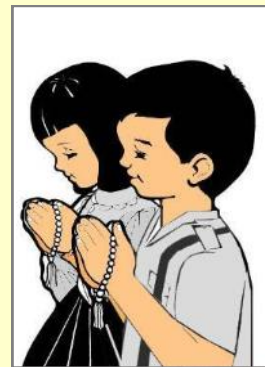
ĐÁP: Nghiên cứu nhiều hơn. Có nhiều sự diễn dịch Kinh Luận Phật Giáo qua Anh ngữ,

cũng như Pháp, Đức, Tây Ban Nha và dĩ nhiên là Hoa ngữ - mặc dù thế, tôi nghĩ có ít hơn những bản dịch sang Hoa ngữ hơn là Anh ngữ. Có nhiều bản dịch mới sang Anh ngữ. Nghiên cứu những tài liệu như vậy hàng ngày trong một giờ hay tối thiểu nửa giờ. Sau đó hướng tâm quý vị vào trong và quán chiếu những gì quý vị đã học hỏi. Thăm tra và khảo sát, so sánh với những gì sách vở đã nói với cung cách suy nghĩ và sinh sống thông thường của quý vị. Cách tốt nhất để làm việc này là vào buổi sáng, khi tâm ý quý vị còn trong sáng. Có thể sau khi ăn điểm tâm là tốt hơn; đối với tôi tối thiểu là như vậy. Trước khi điếm tâm, tôi đói bụng. Thỉnh thoảng khi hành thiền, phân nửa tâm ý tôi nghĩ về bao tử!

Hãy thử sự tiếp cận này. Nghiên cứu, học hỏi và rồi thì đem những gì quý vị đã thấu hiểu như căn bản cho sự quán chiếu của quý vị, dành đôi lúc mỗi buổi sáng cho buổi thiền tập nghi thức. Phối hợp sự thấu hiểu về những gì quý vị đã học hỏi với sự thực hành thiền tập. Sự tiếp cận này đem sự học hỏi và quán chiếu căn trọng và thiền định hợp nhất với nhau.

(Trích từ quyển "From Here to Enlightenment"
By H.H. the Fourteenth Dalai Lama , Translated
by Guy Newland)

- 1) Xem chương 7 về ba trình độ năng lực: lớn, vừa, nhỏ
- 2) Theo câu chuyện này, Bồ tát sau này trở thành Đức Phật Thích Ca trong một kiếp quá khứ là học trò của một vị thầy dạy một hướng dẫn tại sao trộm cắp là đạo đức. Trong khi những học trò khác đồng ý với trộm cắp, thì Đức Phật tương lai vẫn im lặng. Được hỏi vì sao ngài im lặng, ngài tuyên bố rằng trộm cắp dường như không đúng bởi vì nó phản lại giáo lý phổ thông. Vị thầy - người thực tế đã thử lòng học trò của ông - sau đó đã ca ngợi ngài như người học trò xuất sắc nhất. Xem Đại Luận 1:385:386
- 3) 6 sự thực hành chuẩn bị: 1/ làm sạch sẽ nơi tu tập và sắp đặt thứ tự tượng trưng cho thân, ngữ, ý của Đức Phật; 2/ cúng dường phẩm vật chân thật và xếp đặt đẹp mắt; 3/ ngồi tư thế hoa sen hay nửa hoa sen, quy y, và phát triển tâm bồ đề; 4/ tưởng tượng trước mặt chư vị tổ sư, chư Phật và Bồ tát; 5/ đem ra 7 điều quán nguyện để tích tập công đức và tuệ trí, trong khi thanh tịnh tâm ý chướng ngại; 6/ Thỉnh cầu sự gia hộ. 7 điều quán nguyện là 1/ tôn kính bậc Giác Ngộ, 2/ cúng dường, 3/ sám hối nghiệp chướng, 4/ tùy hỷ công đức của những bậc Giác Ngộ, 5/ Thỉnh cầu các bậc Giác Ngộ dạy giáo pháp, 6/ thỉnh cầu các ngài tiếp tục giảng dạy trong hàng a tăng kỳ kiếp, và 7/ hồi hướng công đức việc làm của chúng ta để hoàn thành Giác Ngộ cho tất cả chúng sanh. Xem THỰC HÀNH BẢY ĐIỀU QUÁN NGUYỆN - Chuyển ngữ: Tuệ Uyển
- 4) Đại luận của Tông Khách Ba (3:329) giải thích tóm tắt bốn điều này nhưng chúng không nổi bật trong cấu trúc của luận điển.



BÊN PHẬT

*Trên trời dưới cũng trời
ta tìm về bên Phật
cho nỗi đau trầm tích
cho tâm sáng tinh khôi*

*Chuông chiều
biệt trần gian Người đi
Pháp ngàn năm còn đây
bên Tăng nghe chuông vọng
lòng tràn nhẹ như không*

NIỆM PHẬT

*Con đường tu còn xa
cuộc đời thoáng mây qua
chiều về chuông ngân nga
cúi đầu niệm A Di Đà ...*

TUỔI THƠ PHẬT TỬ

Đưa con vào sân chùa
nhìn tuổi thơ Phật tử
những thiện tâm ngát sen
tim ta thấm thấu dần
niềm an lạc vô biên.*

thơ LÊ MINH HIỀN

* chở con vào chùa Phổ Đà Santa Ana sinh hoạt
Gia Đình Phật Tử hàng tuần mỗi sáng chủ nhật.

MÙA THU VĨNH VIỄN

Về đây em hồi mùa vàng
Mình rong chơi giữa con đường nguyên sơ
Quen nhau từ thuở bao giờ
Tháng năm lãng đãng chưa hề hư hao

Này em mắt biếc má đào
Mấy mùa qua hãy còn nao nao lòng
Vị dẫu mình ngộ sắc-không
Mùa thu vĩnh viễn ngoài đông hát ca

Vàng lên một giải giang hà
Đẹp thay dẫu giữa Sa-Bà bể dâu
Xanh xanh ở bến giang đầu
Mùa thu em nhé muôn màu gấm hoa

Ngày xưa mình ngỡ chẳng là
Như Lai xa lắm bên ngoài cõi không
Nhọc lòng lặn lội cát công
Mới hay thường trụ giữa giòng thiên nhiên

Này đây giây phút hiện tiền
Gót son chạm đất một miền hỷ hoan
Mùa thu lững thững trên ngàn
Em phơ phất khoác áo vàng tương tư

Mình chưa hề nói tạ từ
Tác lòng đường hãy còn như thuở nào
Mùa lên lá đỏ xạc xào
Vàng gieo trong gió người xao xuyên tình

Em về tụng lấy Tâm Kinh
Nửa đời mình tỉnh như hình cơn mơ
Từ lâu lạc lối chưa về
Mấy mùa xưa hãy bây giờ vàng thu.

TA Ở BÊN ĐỜI

Ta ở bên đời em ở đâu
Thời gian lưu lạc đã lên màu
Rượu ngon dẫu quý sao mà nhạt
Hắt cả lên trời mây trắng bay

THÁNG MƯỜI MỘT VÀNG PHƯƠNG NGOẠI

Em ở đâu chẳng về đây đếm lá
Mùa đã lên vàng dấy cả sơn hà
Chưa hề cũ mang về nhiều sắc lạ
Hồn rong chơi vẫn mê mãi bên đời

Em ở đâu chẳng về đây ngắm lá
Ngôi bên ta hai đũa dưới mây trời
Phút lặng yên ta thăm tạ ơn đời
Trong gió thoảng hồn thu rơi chấp chới

Em ở đâu chẳng về đây nhật lá
Cầm trên tay là cả một mùa vàng
Lòng yêu thương chan chứa rộng thênh thang
Đời du tử mơ hồ quên năm tháng

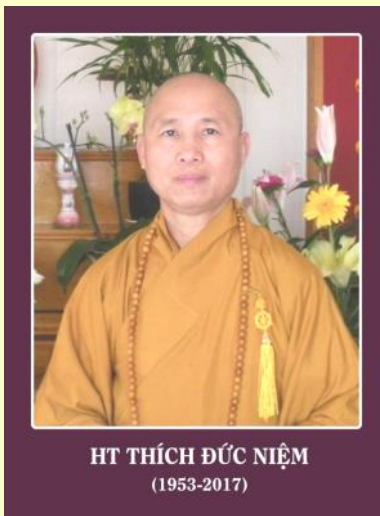
Em ở đâu chẳng về chơi với lá
Mùa đang lên nhưng nhớ ngập hồn ta
Sắc vàng rơi như triệu đóa sao sa
Vùng đất mới thương thiết tha cố quận

Em ở đâu chẳng về nghe lá thở
Đời nhọc nhằn mà vẫn đẹp như mơ
Bao sắc màu thấp sáng cả trang thơ
Này em hồi mùa mang về thương nhớ.

thơ DU TÂM LÃNG TỬ
Peach State, Sep/2017



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



Kính gửi:

- HT. Thích Minh Đạt, Trưởng Ban Tổ Chức Tang Lễ HT. Thích Đức Niệm
- Chư Đại Đức Tăng Chùa Ưu Đàm và Môn đồ Pháp quyến của Hòa thượng Tân viên tịch

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Được tin Hòa thượng THÍCH NGUYỄN SỸ, tự **ĐỨC NIỆM**, hiệu Chơn Đức Niệm, thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 44, trú trì Chùa Ưu Đàm, thành phố Marina, California, đã thâu thần thị tịch tại thành phố Marina, bang California, vào lúc 11:40 sáng, ngày 20 tháng 10 năm 2017 (nhằm mùng Một tháng 9 năm Đinh Dậu), thể thọ 65, hạ lạp 40.

Chư Tăng và Cư sĩ, cựu học tăng Phật Học Viện Phổ Đà (Đà Nẵng) và Tu Viện Quảng Hương Già Lam, cùng toàn thể thành viên Hội Thân Hữu Già Lam từ khắp nơi trên thế giới, thành kính chia buồn cùng Chư Tăng Chùa Ưu Đàm và Môn đồ Pháp quyến của Hòa thượng tân viên tịch; đồng thời nhất tâm hộ niệm Giác linh Hòa thượng cao đẳng Phật quốc.

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Đồng thành kính phân ưu:

HT. Thích Tịnh Từ, HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Thiên Quang, HT. Thích Nguyễn Siêu, HT. Thích Quảng Thanh, HT. Thích Bốn Đạt, HT. Thích Quảng Ba, HT. Thích Tâm Hạnh, HT. Thích Minh Dung, HT. Thích Giác Như, HT. Thích Thiên Long, HT. Thích Nhựt Huệ, TT. Thích Quảng Hiền, TT. Thích Trường Phước, TT. Thích Tâm Hòa, TT. Thích Tâm Tướng, TT. Thích Nguyễn Lạc, TT. Thích Nhật Trí, TT. Thích Nhật Quán, TT. Thích Thiên Hiền, TT. Thích Thông Trí, TT. Thích Nguyễn Lộc, TT. Thích Giác Tín, Cư sĩ Tâm Huy, Cư sĩ Như Hùng, Cư sĩ Đức Niệm (Uc), Cư sĩ Tâm Quang.

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

E.M. HARE (1893-1955)

Edward Miles Hare xuất thân từ gia đình ở quận Norfolk, miền đông nước Anh, sinh ngày 4 tháng 3 năm 1893. Lúc nhỏ, ông theo học trường Stamford Grammar ở Lincolnshire, miền đông Anh Quốc. Đây là ngôi trường trước năm 1903 do nhà học giả Pali nổi tiếng, ông F. L. Woodward (1871-1952) làm phó hiệu trưởng. Lúc ấy, Hare có dịp được học nhiều năm cổ ngữ Pali với giáo sư Woodward và sau này hai người đã kết bạn chơi với nhau rất thân.

Vào những năm 1918 đến 1950, Hare sang Tích Lan lập nghiệp sinh sống bằng nghề buôn bán trà (Galaha Tea Company). Lúc bấy giờ tại đây, Hare là người Anh được mọi người kính nể vì ông rất am tường, thông suốt tiếng Pali. Trong thời gian này, Hare đã dùng thì giờ rảnh rỗi dịch thuật một số kinh Phật Giáo Nam tông tiếng Pali ra Anh văn để giúp cho "Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali" (*The Pali Text Society*) ở Luân Đôn (London).

Những đóng góp cho Phật Giáo của E.M. Hare:

Năm 1950, sau khi về hưu rời Tích Lan trở về Anh Quốc, Hare đã thực hiện một công tác vĩ đại là soạn bản Mục Lục của toàn bộ Tam Tạng Kinh Pali (*Pali Tipitakam Concordance*) nhờ tài liệu do chính ông sưu tập, với sự trợ giúp của vài học giả khác, nhất là ông F. L. Woodward. Làm việc hăng say và nhanh chóng, Hare hoàn thành bộ Mục Lục bằng tiếng Pali gồm tất cả 10 tập (parts) trong hai cuốn: cuốn I gồm 7 tập và cuốn II, 3 tập. Ông còn gửi cúng cho Hội Pali Text Society số tiền 1.000 Anh kim để ấn hành bộ mục lục này mà sau khi xuất bản nó được các học giả Pali khắp nơi trên thế giới bấy giờ đều nồng nhiệt đón nhận, hết sức khen ngợi và tán dương.

Ngoài ra, E. M. Hare còn dịch từ nguyên bản Pali ra Anh văn các bộ kinh dưới đây:

1934: Tập III, *The Book of the Gradual Sayings (Anguttara Nikaya)*, Tăng Chi Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng, tái bản năm 1972.

1935: Tập IV, *The Book of the Gradual*

Sayings (Tăng Chi Bộ Kinh), tái bản năm 1978.
1945: *Woven Cadences (Sutta Nipata)*, Kinh Tập hay "Những bài Pháp Sứ Tập" trong Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) thuộc Kinh Tạng, tái bản lần 2 năm 1947.

E. M. Hare mất ngày 26 tháng 10 năm 1955, hưởng thọ 62 tuổi.

I. B. HORNER (1896-1981)



Isaline B. Horner

Nữ học giả Isaline Blew Horner, sinh tại Anh quốc năm 1896, nhập học trường Newnham College tại Cambridge (miền đông nước Anh) năm 1914 và thi đậu bằng Moral Science Tripos (Part I) năm 1917. Năm 1918, bà nhận giữ chức phụ tá quản thủ thư viện trường Newnham College, và chính thức làm quản thủ thư viện này từ năm 1923 đến 1936; đồng thời bà cũng được mời làm hội viên (Fellow) trường Newnham College.

Bà I.B. Horner bắt đầu nghiên cứu thánh ngữ Pali của Phật Giáo Nam Tông vào năm 1936, sau khi được học giả Hoa Kỳ, ông Kenneth J. Saunders giới thiệu cho bà đọc cuốn kinh Pháp Cú (Dhammapada).

Từ năm 1942-1958, bà được mời làm Tổng Thư Ký cho "Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Thánh Ngữ Pali" (*The Pali Text Society*) do học giả T.W. Rhys Davids (1843-1922) thành lập tại Luân Đôn (London) năm 1881. Năm 1959, kế tiếp Dr. William F. Stede (1882-1958), bà được bầu làm hội trưởng (President) của Hội Phiên Dịch này với sự phụ tá của vị phó hội trưởng, giáo sư Sir Harold Bailey và tổng thư ký là ông R. E. Iggleden. Bà cũng từng giữ nhiều năm chức vụ phó hội trưởng Hội Phật Giáo (The Buddhist Society) được thành lập năm 1924 tại Luân Đôn và đặc biệt, bà đã phát tâm hỷ cúng 500 Anh Kim để giúp Hội mua lô đất xây chùa Phật Giáo Luân Đôn (The London Buddhist Vihara) vào năm 1954.

Khi được hỏi lý do tại sao bà thích tìm hiểu giáo lý đức Phật, I.B. Horner đã trả lời:

"Tôi thích nghiên cứu Phật Giáo và thánh ngữ Pali vì bà ngoại tôi có một người bà con và người này là bạn của giáo sư T. W. Rhys Davids và cô C.A. Foley (1858-1942), sau này trở thành vợ của ông ta. Lễ đám hỏi của ông bà Rhys Davids đã được tổ chức trong khu vườn ngôi nhà của người bà con đó. Tôi thường được nghe bà ngoại tôi và người bà con của bà trao đổi, thảo luận về Phật Giáo. Lúc tôi 12 tuổi, nhiều lần tôi có dịp học hỏi, tìm hiểu về giáo lý đức Phật với ông bà Rhys Davids, là những học giả uyên thâm về Phật Giáo. Cho nên, có thể nói, tôi đã sinh ra trong môi trường được thấm nhuần tư tưởng của Phật Giáo".

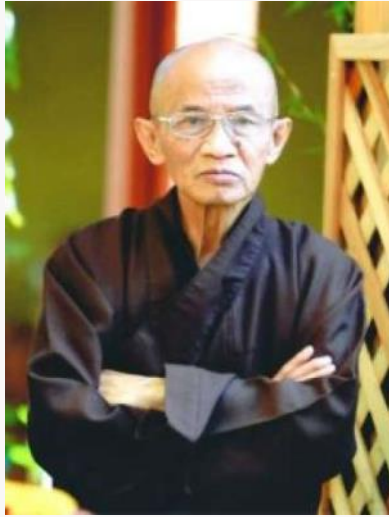
Khi được hỏi rằng I. B. Horner có phải là Phật tử hay không, bà ta đã trả lời: "Tôi chấp nhận phần lớn giáo lý của đức Phật."

Năm 1923, lần đầu tiên bà Horner sang viếng thăm Tích Lan (Sri Lanka). Sau đó bà thường lui tới quốc gia này để thuyết giảng cho dân chúng Phật tử địa phương hiểu biết thêm về Phật Giáo.

Năm 1850, bà thuyết trình tại Colombo, thủ đô Tích Lan, một bài giảng mang tựa đề: "The Basic Position of Sila" (Vị thế quan yếu của Luật Giới) và bài giảng này về sau đã được ấn hành, phổ biến rộng rãi.

Năm 1962, tại đại học Vidyodaya ở Tích Lan, bà đã thuyết trình một bài giảng đặc sắc khác nhan đề: "Some Aspects of Buddhism" (Vài Khía Cạnh của Phật Giáo). Bài khảo cứu này cũng được in lại và phát hành khắp nơi tại các quốc gia Tây Phương.

Với khả năng tuyệt vời của bà Horner trong



H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

công tác nghiên cứu Phật Giáo, dịch thuật kinh tạng thánh ngữ Pali, đại học Tích Lan (University of Ceylon) ở Peradeniya đã cấp phát cho bà văn bằng Tiếng Sĩ Văn Chương Danh Dự (Honorary Degree of D. Litt.).

Ngoài Tích Lan, bà Horner đã qua viếng thăm, nghiên cứu Phật Giáo tại các nước Á Châu khác như Ấn Độ và Miến Điện. Bà cũng thường viết bài đăng ở nhiều tạp chí Phật Giáo Anh ngữ phát hành tại Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Anh Quốc và các nơi khác.

Những Công Trình Đóng Góp Cho Nền Văn Học Phật Giáo Của Nữ Học Giả I. B. Horner:

Trên lãnh vực đóng góp cho nền văn học Phật Giáo có thể nói I. B. Horner là một nữ học giả đặc biệt khá thông minh, với một trí óc phi thường bà đã góp phần to lớn vào công cuộc nghiên cứu, dịch thuật kinh tạng Phật Giáo Nam Tông liên tục trong thời gian dài hơn 40 năm. Con người mà tuổi tác không làm suy giảm năng lực tinh thần. Với trí tuệ siêu phàm, bà Horner có thể tìm thấy những lỗi nhỏ nhất trong một dịch bản kinh tiếng Pali, ngay cả một dấu phết, chấm phảy thiếu sót bà cũng tìm ra. Nữ học giả Horner, trong nhiều năm đã từng phụ trách làm công việc đọc bản thảo những tác phẩm của các văn sĩ cho một nhà xuất bản tại Luân Đôn (London).

Bà còn nhận làm hội viên cho Ủy Ban Khảo Duyệt cuốn Tự Điển tiếng Pali (Critical Pali Dictionary) được ấn hành tại Đan Mạch (Denmark) do các nhà ngữ học Pali nổi tiếng trên thế giới như Trenckner và Dines Andersen chung soạn với nhiều học giả Pali khác. Bà cũng thường được các giáo sư Âu Mỹ tham khảo ý kiến về những điểm khó khăn trong khi nghiên cứu thánh ngữ Pali. Bà đã phụ giúp giáo sư Rhys Davids trong việc soạn thảo cuốn tự điển Pali-Anh (*Pali-English Dictionary*). Một học giả Pali, ông Robert Chalmers (1858-1938), vì ngưỡng mộ tài năng của I.B. Horner nên trước khi qua đời, đã hiến cúng toàn bộ thư viện kinh sách Pali của ông cho bà.

Về phương diện trước tác, nữ học giả Horner đã viết nhiều sách Phật giáo nhằm giúp các độc giả Tây Phương hiểu biết sâu xa về giáo lý đức Phật. Năm 1930, bà cho ấn hành tác phẩm đầu tiên: "Women Under Primitive Buddhism" (*Vai Trò Nữ Giới trong Phật Giáo Nguyên Thi*). Cuốn sách trình bày những kiến thức rộng rãi và sinh động về vai trò của người phụ nữ trong xã hội Ấn Độ vào thế kỷ thứ 6 trước Tây Lịch.

Kế tiếp, cuốn "The Early Buddhist Theory of Man Perfected" (*Con Người Giác Ngộ Qua Lý Thuyết Phật Giáo Nguyên Thi*) xuất bản năm

1936, đề cập đến lý tưởng của vị A La Hán. Trong mục điểm sách của tạp chí "Phật Giáo tại Anh Quốc" (*Buddhism in England*), bà Rhys Davids đã giới thiệu cuốn sách như "một công trình nghiên cứu lịch sử nghiêm chỉnh" (a careful historical study) và ca ngợi: "Tác giả (*Horner*), con người với công tác khảo cứu có kết quả, từng làm chủ biên và dịch thuật những kinh tạng Phật giáo tiếng Pali, đã cống hiến một tác phẩm thực vô cùng hữu ích cho chúng ta" (The author, who is also engaged in efficient research as editor and translator of the Pali Texts, has with this volume placed us greatly in her debt).

Tiếp theo, ấn hành năm 1948, cùng với Dr. Ananda Coomaraswamy, bà Horner đã viết tác phẩm: "The Living Thoughts of Gotama The Buddha" (Những Tư Tưởng Linh Động của Đức Phật). Sau đó, năm 1954, bà cho ra đời dịch phẩm: "Ten Jataka Stories" (Mười Mẫu Chuyện Tiền Thân của Đức Phật) in đối chiếu song ngữ Anh-Pali. Cũng xuất bản trong năm 1954, bà Horner đã cùng chung soạn với Dr. Edward Conze (1904-1979) cuốn: "Buddhist Texts Through The Ages" (*Kinh Điển Phật Giáo Qua Các Thời Đại*).

Ngoài ra, bà Horner đã dày công phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali) những kinh sách dưới đây:

1933: *Papancasūdani*, Tập 3; tái bản năm 1977. Đây là tập chú giải về Trung Bộ Kinh (*Majjhima Nikaya*) của ngài Phật Minh (*Buddhaghosa*), nhà đại luận sư ra đời tại miền bắc Ấn Độ vào thế kỷ thứ 5 sau tây lịch.

1937: *Papancasūdani*, Tập 4, tái bản năm 1977; tập chú giải của ngài Phật Minh về Trung Bộ Kinh, thuộc Kinh Tạng.

1938: *Papancasūdani*, Tập 5, tái bản năm 1977; tập chú giải của ngài Phật Minh về Trung Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

1946: *Madhuratthavilāsini*, tái bản năm 1979; tập chú giải của ngài Buddhadatta về cuốn "*Buddhavamsa*" (Phật Chúng Tính Kinh) hay "Lịch Sử đức Phật" thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) trong Kinh Tạng. Buddhadatta là nhà luận sư Ấn Độ, sinh cùng thời với ngài Buddhaghosa (Phật Minh).

Bà Horner cũng dịch từ nguyên bản tiếng Pali ra Anh Văn những bộ kinh, luật Phật Giáo dưới đây:

1938: The Book of The Discipline (*Vinaya Pitaka*: Luật Tạng), Tập 1, *Suttavibhanga* (Phân Biệt Kinh), tái bản năm 1982.

1940: The Book of The Discipline (Luật Tạng), Tập 2, *Suttavibhanga* (Phân Biệt Kinh), tái bản năm 1982.

1942: The Book of The Discipline (Luật Tạng), Tập 3, *Suttavibhanga* (Phân Biệt Kinh), tái bản năm 1969.

1951: The Book of The Discipline (Luật Tạng), Tập 4, *Mahāvagga* (Đại Phẩm), tái bản năm 1982.

1952: The Book of The Discipline (Luật

Tạng), Tập 5, *Cullavagga* (Tiểu Phẩm), tái bản năm 1975.

1966: The Book of The Discipline (Luật Tạng), Tập 6, *Parivāra* (Luật Giới Tóm Lược).

1954: The Middle Length Sayings (*Majjhima Nikāya*), Tập 1, Trung Bộ Kinh, thuộc Kinh Tạng (Sutta Pitaka), tái bản năm 1976.

1957: The Middle Length Sayings (*Majjhima Nikāya*), Tập 2, Trung Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng; tái bản năm 1975.

1959: The Middle Length Sayings (*Majjhima Nikāya*), Tập 3, Trung Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng, tái bản năm 1977.

1963: Milinda's Questions (*Milindapanha*), Tập 1, Na Tiên Tỳ Kheo Kinh; tái bản năm 1969.

1964: Milinda's Questions (*Milindapanha*), Tập 2, Na Tiên Tỳ Kheo Kinh; tái bản năm 1969.

1974: Stories of the Mansions (*Vimāna Vatthu*), Thiên Cung Sự, hay "Những câu chuyện ở các cõi Trời" trong Tiểu Bộ Kinh (Minor Anthologies: *Khuddaka Nikaya*) thuộc Kinh Tạng.

1975 Chronicle of Buddhas (*Buddhavamsa*), Phật Chúng Tính Kinh trong Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

75
1975: Basket of Conduct (*Cariyā-Pitaka*), Sở Hạnh Tạng hay "Những mẫu chuyện đức hạnh của Bồ Tát" trong Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

1978: Clarifier of the Sweet Meaning, tập chú giải về "Phật Chúng Tính Kinh" (*Buddhavamsa Commentary*).

Bà I.B. Horner mất tại Anh quốc năm 1981 hưởng thọ 85 tuổi.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỢN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)



HẠNH XUẤT GIA

*Từ thuở vào chùa học kệ kinh,
Lãng Nghiêm, Bát Nhã sáng lung linh.
Đèn thiên rạng chiếu theo trang chữ,
Đuốc tuệ ngời soi hiện bóng hình.
Khép nỗi lo buồn, hành Phật sự,
Khơi niềm hỷ xả, dựng Tăng thân.
Xây nền đạo pháp ngày thêm tiến,
Bốn biển hoà vui thăm nghĩa tình...!*



NGHE CHUÔNG

*Chuông chùa điểm tiếng, vắng thiên âm,
Thức tỉnh chân tâm, lắng nghiệp trần,
Bến giác quay về tiêu lậu hoặc,
Tâm từ tỏa chiếu diệt tham sân.
Xa lìa biển khổ quy Tịnh Độ,
Vĩnh thoát sông mê đảo Niết Bàn.
Trực nhận nguồn tâm an lạc trú,
Sớm chiều thanh thảo lắng nghe chuông...!*



TỨ CHÚNG CỘNG TU

*Trang nghiêm Phật điện ngát hương thiên,
Thắp sáng đèn tâm thắp đuốc thiêng.
Phật Tử huân tu quy chánh pháp,
Tăng Ni giáo hoá hướng chơn miên.
Tâm hoà tứ chúng nhuân ân tuệ,
Ý hợp tam môn đượm phước duyên.
Pháp lữ đêm ngày tuyên diệu pháp,
Bốn mùa lợi lạc, lợi nhân thiên...!*

TOẠ THIỀN

*Mỗi tối siêng năng tọa
tọa thiền
Gìn tâm giữ ý gạt niềm
riêng
Khơi đèn tuệ giác soi
chân tánh
Lặng lẽ vun trồng đạo
nghiệp viên.*



TRỰC NHẬN NGUỒN TÂM

*Trực nhận nguồn tâm bật não phiền
An bình tự tại chốn nhân thiên
Ngày ngày tụng niệm kinh vô tự
Giác ngại không bờ rức đóa liên.*

thơ CHÚC HIỀN



BỐN NHIẾP PHÁP

(Phật Pháp Thứ Năm — tài liệu tu học của GDPTVN)

A/ DẪN NHẬP:

Đức Phật ra đời mục đích cứu độ chúng sanh, đưa chúng sanh từ khổ đau đến an vui, từ mê lầm đến giác ngộ. Vậy người con Phật, chúng ta không thể lo giải thoát riêng cho mình mà phải có một hạnh nguyện lợi tha, giác ngộ cho những người chung quanh mình, giác ngộ cho cùng khắp tất cả. Nghĩa là phải sống một cuộc sống lợi sanh. Muốn thực hiện được một cuộc sống lợi sanh đó, người Phật tử phải hiểu và thực hành bốn nhiếp pháp.

B/ CHÁNH ĐỀ:

I.- ĐỊNH NGHĨA:

Bốn Nhiếp Pháp là bốn phương pháp nhiếp hóa chúng sanh. Bốn phương pháp đó là: bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp, lợi hành nhiếp và đồng sự nhiếp.

Bốn phương pháp này ứng dụng trong mọi trường hợp và mọi hoàn cảnh, có công năng nhiếp phục và giác ngộ chúng sanh.

II.- HÀNH TƯỚNG BỐN NHIẾP PHÁP:

1/ Bố thí nhiếp: Người Phật tử có lòng từ bi thì phải thực hành hạnh bố thí. Do sự bố thí mà mình cảm hóa được người chung quanh, người chung quanh mới gần gũi thân mến mình, mình dễ thuyết phục.

Bố thí có 3 loại:

a. **Tài thí** (còn gọi là tư sanh thí): Đem tiền của, tài sản, sức lực giúp đỡ kẻ khác. Tài thí có 2:

Nội tài: những gì trong tài sản của chúng ta: tiền của, cơm áo, nhà cửa, thuốc men.

Ngoại tài: những thứ thuộc của ta mà không phải tài sản như sức lực, thân mạng.

b. **Pháp thí:** Đem giáo pháp để khuyến hóa người chung quanh tu tập để họ giải thoát khỏi sanh tử luân hồi. Muốn thực hành hạnh này, trước hết chúng ta phải luôn luôn học hỏi, trau dồi giáo lý, ứng dụng giáo lý vào đời sống hằng ngày. Ta có hiểu đúng chánh pháp mới có thể truyền bá chánh pháp và có sống theo chánh pháp mới có thể khuyến hóa người khác. Ta đừng viện cớ rằng mình nghèo quá không có tiền của để bố thí cho kẻ khác. Cốt là ở tâm mình chứ không phải là mình hoàn toàn thiếu phương tiện để giúp đỡ người khác. Một chén

cơm cũng có thể chia hai, một manh chiếu vẫn còn đủ chỗ để thêm một người nằm. Tục ngữ có câu "chật bụng chứ chật chi nhà." Người tỷ phú đem năm bảy ngàn bạc cho một kẻ khác chưa cảm động bằng chia bớt cho người khác nửa chén cơm trong khi chúng ta cũng đang đói như họ. Chúng ta cũng đừng viện cớ mình còn kém Phật pháp không thể thực hành pháp thí được vì có ai có thể tự hào là mình đã thông suốt cả ba tạng kinh điển đâu. Mình biết niệm Phật hiểu lợi ích của sự niệm Phật thì mình chỉ bày cho người khác cũng niệm Phật như mình. Mình biết ăn chay bày cho người khác ăn chay như mình. Mình hiểu thấu đáo một vấn đề tu tập nào, mình truyền đạt cho người khác cũng tu tập như mình.

c.- **Vô úy thí:** Vô úy là không sợ hãi. Dùng tất cả các phương tiện để làm cho người khác an tâm không sợ hãi không khiếp đảm gọi là Vô úy thí. Một em bé sợ hãi trước bóng đêm, một cậu học trò nhỏ đang kinh khiếp trước hàm răng đang nhe ra của một con chó dữ, một người mù quờ quạng lo sợ khi đi qua đường bị xe cán. Người bình tâm trọng đang lo sợ trước tử

thần. Tất cả những trường hợp đó và vô vàn trường hợp khác nữa, ta đều có thể tìm cách đem lại sự an ổn tinh thần cho họ. Bệnh vực một em bé đang bị kẻ hung bạo hiếp đáp. Một người đang sợ hãi khi nhà của họ xiêu vẹo đang chìm trong mực nước lũ, với khả năng của ta giúp đỡ họ di chuyển đồ đạc chống đỡ nhà cửa, bày cho họ niệm danh hiệu đức

Quán Thế Âm để họ được an tâm. Một người đang hoảng hốt trước lúc cận tử của một thân nhân, ta dùng lý Vô Thường để giảng giải và khuyên họ niệm Phật A Di Đà. Đến bên giường bệnh để an ủi vỗ về một bệnh nhân. Tất cả những hành động đó là đã thực hiện hạnh Vô Úy thí.

2. Ái ngữ nhiếp: Dùng lời nói từ hòa thân mật và thành thật để nhiếp hóa: thẳng thắn nêu những khuyết điểm của bạn với sự chơn thành xây dựng, chỉ cho bạn thấy những lỗi lầm để sửa chữa. Dùng lời nói dịu dàng để khuyên người khác làm lành, sống theo giáo



pháp. Để thực hành hạnh này ta phải nắm vững mấy điều:

a. Lời nói phải chơn thật, phát từ lòng thương của chúng ta và lời nói đó phải rõ ràng hợp chánh lý.

b. Lời nói phải dịu hiền, hòa nhã, tuyệt đối không dùng lời nói cộc cằn thô lỗ, không nên vịn vào câu thể nhân thường nói để tự bào chữa cái lỗi ăn nói cộc cằn của mình: tánh tôi ngay thẳng nên ăn to nói lớn.

c. Khi phê bình ai một lỗi lầm gì không nên nói trước đám đông, phải biết trọng danh dự kẻ khác. Tìm một số ưu điểm để phát huy rồi mới nêu những khuyết điểm những lỗi lầm sau (ai mà không có một vài ưu điểm).

3. Lợi hành nhiếp: Làm lợi cho người khác bằng ý nghĩ lời nói hành động. Lợi hành có hai:

Lợi hành trong công việc giúp cho cho người khác được lợi lạc chính đáng trong sự làm ăn hằng ngày. Hoặc giúp thêm một phương tiện, làm thêm một công trình có sự lợi lạc chung cho kẻ khác. Một gương sáng về sự lợi hành là Ngài Trì Địa Bồ Tát suốt đời gánh đất đắp đường, sửa sang cho bằng phẳng, bắc cầu qua suối qua sông. Gánh nặng giúp người già, đẩy giúp cỗ xe lên dốc cao. Ta nên làm tất cả những gì có thể làm được để giúp đỡ mọi người.

Lợi hành trong sự tận tu, giữ giới thanh tịnh, siêng tu thiện quán, diệt trừ tham dục, đào thải si mê. Để làm gương cho người khác cũng tận tu như mình.

4. Đồng sự nhiếp: Cùng sống với một người khác trong một công việc, dung hòa trong một hoàn cảnh. Tư tưởng địa vị để cảm hóa nhiếp phục họ. Đồng sự nhiếp có bốn:

a. Cùng một hoàn cảnh, cũng trong một hoàn cảnh đói nghèo cũng bị áp bức.

b. Cùng trong một công việc, cũng làm rầy cũng đi buôn cũng làm chung một xí nghiệp.

c. Cùng một tập quán. Muốn cảm hóa người khác, có khi ta phải theo một tập quán như họ để hòa đồng với họ rồi mới cảm hóa họ được. Nhập gia tùy tục. Cùng sống chung một tập quán xấu rồi dần dà mới có thể góp ý tập quán ấy được, tập tục cũng vậy: ví dụ trong một gia đình theo tập tục đốt vàng mã khi cúng ông bà, ta chống đối ngay thì không thành công, mà ta vẫn làm theo rồi dần dà ta giải thích khuyến hóa mới có kết quả. Có người có tập quán phải uống cà phê buổi sáng mới đi làm được, đôi khi ta cũng đi uống cà phê với họ để rồi một lúc nào đó, không có cà phê họ không làm việc được mà ta vẫn làm việc được tinh tảo. Có vậy mới khuyến hóa người ấy bỏ được tập quán này, như vậy họ đỡ thêm một đam mê đỡ bỏ phí mất một số thì giờ Nhưng phải có bản lĩnh lắm mới làm được điều đó, nếu không, ta lại bị lôi cuốn và trở nên đam mê như người ấy.

Đồng sự nhiếp là phương pháp có hiệu

quả nhất vì ta gần gũi sát cánh với người khác, thông cảm hoàn cảnh công việc của người khác, thì dễ thông cảm nhau hiểu nhau (người Huỳnh trưởng muốn sửa tật xấu của Đoàn sinh cũng tìm cách gần gũi với Đoàn sinh, sát cánh với Đoàn sinh, cùng làm cùng chơi với Đoàn sinh).

III.- LỢI ÍCH CỦA BỐN NHIẾP PHÁP:

Thực hành bốn nhiếp pháp bản thân ta và những người chung quanh ta được nhiều lợi lạc:

1. Về phương diện bản thân: được mọi người yêu mến, kính nể, tăng trưởng hạt giống tốt lành, được hưởng quả an lạc.

2. Về phương diện gia đình: đối với người khác ta còn nhiếp hóa được hưởng gì trong gia đình, ta đã tạo được sự tinh tấn tiến tu cho gì a đình, đem lại sự hòa vui yên ổn trong gia đình.

3. Về phương diện xã hội: chúng ta thực hành bốn nhiếp pháp là đã góp phần xây dựng xã hội đúng theo chơn tinh thần Phật giáo (đúng như mục đích thứ hai của Gia Đình Phật Tử).

IV. PHẢI BIẾT VẬN DỤNG BỐN NHIẾP PHÁP CHO THÍCH HỢP:

Thực hành bốn nhiếp pháp phải biết tùy lúc, tùy cơ mà vận dụng cho thích hợp mới đem lại hiệu quả tốt đẹp, ngược lại nếu vận dụng không thích hợp làm cho đối tượng ta nhiếp hóa sẽ mất tin tưởng, ví dụ: trong lúc họ đang đói ta không thực hiện tài thí mà lại ngồi giảng giáo lý cho họ nghe thì ai mà chịu ngồi nghe ta nói. Một người đang loay hoay chống đỡ nhà của mà ta lại bàn bạc góp ý với họ về công việc làm ăn. Một người ăn trộm, muốn cảm hóa được họ, trước hết ta không làm cho họ sợ (không đánh đập, không bắt giam) tiếp theo ta phải tìm hiểu nguyên do xui khiến người ấy phải đi ăn trộm (vô úy thí), ta giúp cơm gạo tạm qua cơn đói cực (tài thí), giúp phương kế để làm ăn lương thiện (lợi hành), dùng lời lẽ dịu hoà an ủi khuyên răn (ái ngữ). Khi họ đã bắt đầu vào cuộc sống lương thiện, bấy giờ ta mới giáo pháp khuyến hóa họ tu tập (pháp thí) có như vậy mới có hiệu quả, chứ lần đầu tiên mà đem giáo lý nói với đứa ăn trộm thì chỉ làm công việc "nước đổ lá môn."

C.- KẾT LUẬN:

Chúng ta làm ngơ trước sự đau khổ của kẻ khác như vậy chúng ta chưa phải là người Phật tử. Chúng ta đứng đưng để mọi người quanh ta phải sống trong mê mờ lầm than không nhìn thấy được con đường giải thoát thì chúng chưa phải là tinh thần từ bi mà người con Phật cần phải có.

Ta phải triệt để thực hiện Bốn Nhiếp Pháp đối với tất cả mọi người.

(Tài liệu Tu học của Huỳnh Trưởng, Bậc Trì)

THÀNH CÔNG LÀ MỘT SỰ NHẪN NẠI TRONG KIÊN TRÌ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)



"Nhẫn nại là mẹ của thành công"

Caladanthaka là một tăng sĩ trẻ tuổi, tâm trí chậm lụt không thể thuộc nổi một câu kệ bốn hàng trong nhiều ngày.

Người anh ruột đồng xuất gia và ở trong một chúng, khuyên thầy nên hoàn tục, nhưng thầy một dạ chí thành, chỉ muốn sống đời thanh tịnh thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật hiểu tâm tính thầy, gọi thầy đến và cho thầy một chiếc khăn tay thật sạch và dạy rằng: "Mỗi sáng nên cầm khăn này và căng ra trước mặt, nhìn về hướng mặt trời mọc." Không bao lâu thầy thấy khăn đã cầu bẩn. Thầy hỏi ngộ được rằng: "Đời sống con người vốn vô thường, hành động miệt mài trong vô thường lấy động phiền não, đem vô minh che kín hạnh lành. Do đó thầy cố gắng hành thiền để thân tâm an lạc. Không bao lâu thầy đắc quả La

Hán. Cho nên Phật dạy:

"Do kiên trì tinh tấn, nhiệt tâm đạo hạnh và tự chế, người thiện trí tự tạo cho mình một hải đảo mà không một cơn lụt nào tràn ngập được."

Sách Pháp Cú chú giải rằng: "Con người sở dĩ trôi lăn trong sanh tử luân hồi thọ nhân nghiệp báo không dứt vì không thoát được bốn biển khổ: Bốn thứ đại hồng thủy, hay bốn thứ ngập lụt. Ấy là:

- Ái dục, Tà kiến
- Sanh tử và Vô minh

Muốn thắng bốn giặc ấy, không khó, chỉ thực hành Tam Vô Lậu Học Giới Định Huệ vì:

- Giới: * Ngăn chặn cái phiền não tác tạo tử bên ngoài.

* Bức bách dẹp loạn tử bên trong.

- Định: Phát triển và xây dựng một tư duy

- Huệ: Hóa giải thù trong giặc ngoài, dứt mạch tuyệt nguồn 4 thứ lụt.

Ấy mới thấy Nhẫn nại tinh cần trong tu tập cũng như hành xử ở đời đem lại thành công và thắng lợi vậy.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ* của Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)

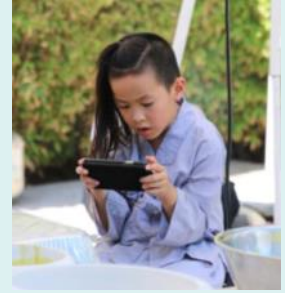
VỀ MUỘN

*Tôi không về kịp nữa một chiều mưa
Nhìn giòng sông xưa,
bị người ta lấp mắt
để xây lên những tòa nhà cao chát ngất
Và chôn vùi kỷ niệm chuỗi ngày thơ
Tôi thấy mình lạc lõng, bơ vơ
Không có chốn đi về giữa đời quá rộng
Tâm hồn tôi trở nên bé bỏng
Như đứa trẻ dại khờ ngòai nhớ chiếc thuyền trôi
Tôi - đi - tìm - tôi giữa phai phôi
Tháng thốt nhận ra mình không còn nhớ
Anh mắt ngây ngô hôm nào chừ rưng rưng cay đố
Giữa bờ bên lạc loài ...
mới biết mình về muộn buổi chiều nay.*

thơ **DIÊU LINH**

Công án thời @

TN. DIỆU PHÚC



Trời cuối thu, nắng vàng hanh hao se lạnh. Chú xốc cao cổ áo nhật bình, cầm quyển luật trong tay mà không đọc. Trong đầu chú vẫn còn đọng câu hỏi của sư đệ hôm qua, tuy không phải là câu hỏi hóc búa như Đức Phật đã hỏi Tu Bồ Đề: "Vân hà hàng phục kỳ tâm?" cùng câu trả lời dứt khoát, mạnh mẽ như sư tử hồng: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm." Vậy mà câu hỏi của sư đệ cũng làm chú suy nghĩ không ít.

"Sư huynh biết không, Thầy có đọc cho em nghe một câu hỏi: 'Làm sao Thầy có thể giữ được các giới luật của người tu trong cái thế giới đầy cám dỗ này?' Sư huynh trả lời cho em nghe với."

"Chà! Một công án mới khá đau đầu đây. Em thấy thế nào?"

Sư đệ xoa xoa cái đầu mới cao:

"Em vừa bị Thầy phạt quý hương vì tội mê game đây. Thầy hỏi em có chừa bỏ không? Em xin sám hối chừa bỏ nhưng thật ra trong tâm em đâu đã bỏ được thật là khó phải không sư huynh?"

"Ừ. Chỉ năm giới cấm đầu tiên của một người Phật tử, chúng ta ráng giữ cho trọn vẹn đã là khó rồi, huống chi chúng

ta còn có 10 giới Sa di, rồi mấy trăm giới khi thọ Tỳ kheo nữa."

Sư đệ líu lo:

"Sư huynh không thấy cái cảnh hôm Thầy bảo tiểu Nhiên đến Thầy cạo chỏm để chuẩn bị thọ giới Sa di, tiểu khố còn hơn đưa đám ma. Thầy hỏi lí do, tiểu thừa con sợ mười giới quá! Con sẽ bị cấm không được làm nhiều thứ, nếu giữ không hết con sợ mang tội. Thầy nói: 'Con đúng là Thích đủ thứ. Vừa muốn làm Phật, vừa thích việc của ma. Thôi được, Thầy sẽ cho con để chỏm tới già luôn, chịu không?' Lúc đó em tức cười hình dung cái mặt già chát mà còn để chỏm có lẽ không giống ai."

Suy cho cùng, thì "Giới chính là phao nổi để đưa người qua biển khổ sanh tử." Giới giúp chúng ta vượt qua bờ bên kia (sinh tử - niết bàn). Và giới chẳng khác nào vòng tay êm ấm của mẹ hiền bảo vệ con thơ. Giới nuôi lớn pháp thân chúng ta, là rào chắn bảo hộ chúng ta khỏi rơi vào hố than hồng rực lửa của anh chàng Man Nhân Đề - hổ than của dục vọng, khát ái...

Cuộc sống có muôn vàn mỗi tương quan tương duyên. Trong pháp Phật cũng vậy, đấng Từ phụ chế định ra giới luật để bảo vệ những đệ tử nào còn khờ dại chạy theo danh sắc lục trần. Là đệ tử Phật, chúng ta có bốn phận duy trì và nguyện dâng trọn đời mình để bảo vệ đạo pháp. Chúng ta có bất nhân, bất hiếu chẳng nếu tự mình phản bội lại sự hy sinh thù thắng của chư Phật, chư Bồ

tát đã vì chúng sanh trải qua vô lượng kiếp tu hành để khai sáng cho chúng ta chân trời giải thoát bằng con đường trí tuệ từ bi?

Ai bảo cuộc đời này là không đẹp? Nhưng cái đẹp đó tồn tại được bao lâu? Những máy móc tối tân, những tiện nghi vật chất, những trò vui đầy sắc màu lấp lánh... chúng như ánh mặt trời rực rỡ sớm mai đang vẫy gọi chúng ta, làm thế nào để khỏi bị chúng cám dỗ? Làm thế nào để khỏi nhẩy vào như những con thiêu thân lao vào ánh đèn?

Chúng ta chạy theo tiền tài, danh vọng... chạy theo ảo ảnh cuộc đời như con ngựa chạy theo sóng nắng giữa trưa trong sa mạc mênh mông.

Kinh điển, giới luật, chư Phật chư Tổ dạy chúng ta rất nhiều - đến tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị lại tám vạn bốn ngàn phiền não. Chúng ta đôi khi cũng thuộc rất nhiều kinh luật, vậy mà không chịu từ bỏ lỗi lầm, chúng ta biết nhưng vẫn "làm ngo" để đuổi theo ma nghiệp, chẳng còn thấy cuộc đời là vô thường là ảo ảnh phù du. Lắm khi, chúng ta cũng có nhìn lại nhưng chỉ là những khái niệm thoáng qua trong tâm tưởng. Nghiệp lực thường lấn lướt và chiến thắng chúng ta. Đã biết thân này vốn dĩ vô thường, là khổ đau, là vô ngã, vậy mà chúng ta vẫn cố bám víu, bám víu một cách cuồng nhiệt dầu biết đó là tuyệt vọng.

Chẳng khác nào ngày tuổi nhỏ chúng ta đã khóc vì không giữ được những bốt bóng xà phòng lấp lánh khi chúng vỡ tan.

Phương pháp tương đối



hiệu quả nhất để “giữ được các giới luật của người tu,” theo huynh thì đó là niềm tin chân chánh tuyệt đối vào Tam bảo. Hằng ngày sống và thực hành trong chánh niệm những lời dạy của đức Phật và cố gắng tránh xa những gì không cần thiết cho một người xuất gia. Khi chưa đủ bản lĩnh an nhiên tự tại thì đừng thử lửa hay đùa với lửa, vì chắc chắn có ngày sẽ bị lửa đốt cháy. Chúng ta hãy tinh tấn tu tập để THẤY “Giới chính là nấc thang đầu của đạo quả giác ngộ, là nền tảng của thiền định trí tuệ, là ngọc anh lạc để trang nghiêm pháp thân, là phao nổi để đưa người qua biển khổ sanh tử, là kho tàng vô lượng công đức.”

Em ạ, dường như không có công án nào được các thiền sư cho đáp án mà phải tùy nhân duyên của mỗi con người. “Công án” của huynh để mình vẫn còn bỏ ngõ - như dòng đời vẫn tiếp tục biến dịch vô thường.

Và có thể, mỗi chúng ta phải tìm cho chính mình một đáp án hữu hiệu nhất. Biết đâu, trong số các huynh đệ mình sẽ có những “thiền sư” chứng ngộ. Oh! Xin kính thành đảnh lễ những “thiền sư” rất đổi tuyệt vời đã xuất hiện trong thời @ hôm nay.

Trưa rằm tháng chín...
TN Diệu Phúc



KAPPA

*Biết gì mùi hương của gió
Thấy gì sắc màu của nước
Khi cuộc đời đang hứng ngọn bát phong
Lùa qua từng kẽ tay ngọn tóc
Từng sát na
Nên đừng hỏi vị ngọt mặn của thời gian.*

*Biết gì mùi hương của nắng
Thấy gì chất lạnh của sương
Khó an trú trong cõi đời phân biệt
Ngủ lưng chừng thiệt giả có không
Nhưng bất ngờ
Ta phàm tục không thể nào hiểu được.*

*Làm sao bất động như nhiên
Đắm say trong thương ghét đời thường.
Nếu không gió có gì mặt hồ sóng gợn?
Người chơi cây cỏ không thân già được gọi bonsai?
Tâm phát khởi
Thử hỏi chẳng phải tự tâm là gì?*

*Hiểu gì khi tác lòng không tạ tác lòng
Nhớ gì a tăng tỳ kiếp
Kinh tụng niệm ngàn lần chưa rửa sạch tội
Khi mãi mê làm trôi lã cho mọi điều chắc thật
Nếu ta chẳng nhận ra mình
Chẳng là gì
Thế thì cũng đừng níu kéo mùa xuân khi nó phải qua.*

XẢ ĐI

*Xả đi cho hết,
Dễ như tan vào hư không
Vỡ vụn trong vô thường,
Chẳng đố kỵ, chẳng buồn lo
Như ba đào sóng dội - Bọt biển mất tăm.
Xả đi cho hết,
Tựa cơn mưa đầu mùa khô theo từng cơn gió
Chút lay động cành mỏng manh không thể
Chẳng bận lòng
Đừng vệt vờ nụ cười tươi dối lòng.
Xả đi cho hết,
Rồi cũng sẽ qua
Vượt qua Gate - gate vô minh...
(Thục Độ, 10-2017)*

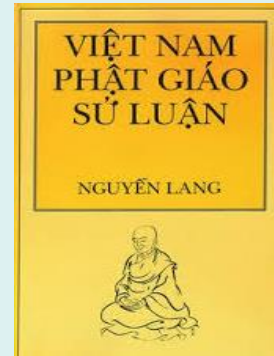
thơ NGUYỄN BẢO LỄ



SỰ PHỤC HƯNG MÔN PHÁI TRÚC LÂM

(Chương XX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



NGUYÊN DO CỦA SỰ PHỤC HƯNG

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ mười bảy, một số khá đông các cao tăng từ Trung Hoa đã qua Đại Việt hành đạo, đây là một nguyên nhân quan trọng khiến cho Phật Giáo ở nước ta được phục hưng.

Những cao tăng này phần nhiều đã rời bỏ quê hương họ trong thời gian chuyển tiếp giữa đời nhà Minh và đời nhà Thanh. Hồi đó Đại Việt đang ở vào tình trạng Nam-Bắc phân tranh, và Trịnh-Nguyễn đã bắt đầu đánh nhau ở Quảng Bình và Hà Tĩnh.

Sau gần một thế kỷ loạn lạc, đầy dẫy bạo động, đức tin của các nhà chính trị nơi triết học Tống Nho đã lung lay. Nhiều sĩ phu đại diện cho Triết học Tống Nho trong suốt thời gian đó đã chứng tỏ hư hỏng và bất lực. Trong đau khổ cùng cực, người ta bắt đầu quay về với đạo Phật, một đạo lấy đức từ bi là gốc và kỹ thuật trị thế là chủ yếu. Các Chúa Trịnh cũng như các Chúa Nguyễn, không phải là những người học Phật thâm uyên và có ý chí tu học như các vua Trần, nhưng đã quy hướng về đạo Phật, lấy đó làm nơi nương tựa tinh thần. Họ không phải là những nhà hành đạo Phật giáo như các vua Trần. Họ chỉ là những tín đồ Phật Giáo, lấy sự ủng hộ Phật Giáo để tạo dựng công đức cho dòng họ chứ không biết áp dụng Phật Giáo vào việc dựng nước. Tuy vậy, đó cũng là một trong những nguyên nhân đưa tới sự phục hưng.



Với sự nứt rạn dần dần của niềm tin nơi triết học Tống Nho, nhiều nhà trí thức, sau khi nếm đủ khí vị vô thường và đen bạc của thời đại, cũng đã bắt đầu xoay sang nghiên cứu Phật học. Đã thấy một số nho sĩ trí thức bỏ Nho theo Phật. Thiền phái Lâm Tế lại được truyền vào nước ta một lần nữa: Đàng Ngoài thì do các thiền sư Chuyết Chuyết và Minh Hành; Đàng Trong thì do các thiền sư Nguyên Thiều và Minh Hoảng. Ta nhớ rằng thiền phái Lâm Tế đã được truyền vào Đại Việt lần đầu tiên so thiền sư Thiên Phong ở thế kỷ thứ mười ba: Trần Thái Tông và quốc sư Đại Đăng là hai người đệ tử đầu và xuất sắc. Sau Chuyết Chuyết, Minh Hành, Nguyên Thiều và Minh Hoảng, một số cao tăng khác từ Trung Hoa qua hành đạo cũng mang theo thiền học Lâm Tế. Đồng thời thiền phái Tào Động được truyền sang Đại Việt lần đầu: ở Đàng Ngoài thì do thiền sư Thủy Nguyệt sang du học ở Trung Hoa mang về, ở Đàng Trong thì do các thiền sư Hưng Liên và Thạch Liêm đưa tới.

THIỀN SƯ CHUYẾT CHUYẾT

Thiền sư Chuyết Chuyết tên Thiên Tô, họ Lý, pháp danh là Hải Trừng, pháp hiệu là Viên Văn, thường được gọi là Chuyết Công, sinh năm 1590, tại quận Thanh Chương thuộc tỉnh Phúc Kiến. Thuở nhỏ học thông tứ thư ngũ kinh, lớn lên xuất gia tu học với Tiệm Sơn trưởng lão. Sau lên cầu học với Đà Đà Hòa thượng ở Nam Sơn. Theo sách *Kế Đăng Lục* của Như Sơn, Hòa thượng Đà Đà là một danh tăng thường được vua Minh Thế Tông vời vào cung điện để bàn việc triều đình, và được vua phong cho đạo hiệu là Khuông Quốc Đại Sư. Sau khi đắc pháp với Đà Đà, Chuyết Chuyết vân du trong quốc nội để giáo hóa, rồi vào khoảng năm 1630 cùng với số đệ tử dùng thuyền nhỏ rời khỏi Trung Hoa đi về miền Nam. Ông và các đệ tử đổ bộ lên đất Cao Miên. Rồi rời Cao Miên ông đi qua Chiêm Thành, vượt Chiêm Thành sang Đại Việt, Từ Đàng Trong, ông cùng các đệ tử khởi hành ra Đàng Ngoài, dừng chân hoảng hóa tại các chùa Thiên Tượng, Nghệ An và chùa Trạch Lâm, Thanh Hóa một thời gian. Đến năm 1633,

thầy trò tới được kinh thành Thăng Long. Thầy trò ông cũng có mang theo một số kinh điển. Đến Thăng Long, ông và đệ tử ở lại chùa Khán Sơn và bắt đầu giảng dạy Phật pháp. Người đến học gồm cả người Trung Hoa và người Việt Nam. Sau một thời gian, Chuyết Chuyết dời về chùa Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, cách kinh thành chừng ba mươi cây số. Trong thời gian hoàng hóa ở đó, Chuyết Chuyết được Chúa Trịnh Tráng biết đến và hâm mộ, xem như bậc thầy. Vua Lê Huyền Tông và các bậc công hầu cũng đều kính trọng. Sau đó một thời gian vì Chúa Trịnh Tráng muốn có thêm kinh điển Phật Giáo để lưu hành trong nước, cho nên Chuyết Chuyết ủy đệ tử mình là Minh Hành trở về Trung Hoa để thỉnh kinh. Kinh điển thỉnh về được an trí tại chùa Phật Tích. Một số kinh đã được khắc bản trong thời ấy để ấn loát và phổ biến. Bản khác đều được tàng trữ tại chùa Phật Tích (46). Trong số những kinh sách mà Chuyết Chuyết mang theo lần đầu, có một nghi thức cúng cô hồn dưới nước và trên cạn, gọi là *Thủy Lục Chư Khoa*. Chuyết Chuyết và các đệ tử đã tổ chức một trai đàn lớn, cầu cho tất cả vong linh nạn nhân của thời đại. Nghi thức và cách tổ chức trai đàn này rất được vua Lê chúa Trịnh và các bậc công hầu thời ấy hâm mộ. *Thủy Lục Chư Khoa* từ đó được áp dụng rộng rãi tại các chùa Đàng Ngoài.

Sau khi hoàng thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc và công chúa Trịnh Thị Ngọc Duyên xuất gia tại chùa Phật Tích, chúa Trịnh Tráng bắt đầu cho trùng tu lại chùa Ninh Phúc ở Bút Tháp (47). Khi việc trùng tu hoàn tất, Chuyết Chuyết được mời sang trú trì chùa Ninh Phúc cho đến khi viên tịch. Ông tới Thăng Long năm 43 tuổi. Ông mất ngày rằm tháng bảy năm Giáp thân (1644), thọ 55 tuổi. Sau khi Chuyết Chuyết viên tịch, vua Lê Chân Tông phong hiệu là Minh Việt Phổ Giác Quảng Tế Đại Đức Thiền Sư. Thiền sư Minh Hành lập tháp Báo Nghiêm để an trí nhục thân của ông. Trên đỉnh tháp có hình một cây bút do Minh Hành dựng. Một vị cư sĩ gốc Trung Hoa tên Âu Dương Vượng Đăng được Minh Hành nhờ viết một bài văn bia kỷ niệm. Theo bài văn bia thì Chuyết Chuyết khí tượng lạ lùng và có tài cảm hóa, được vua Lê rước làm thầy và được các bậc công hầu kính trọng. Ông lại viết: "Tôi học Phật, lánh sang nước Nam, có dịp được hội đàm với thiền sư Chuyết Chuyết tại chùa Khán Sơn ở Thăng Long. Lúc mới gặp, ta có thể nghĩ ông là người khùng. Nhưng lâu ngày, tôi thấy ông là một người rộng rãi thông minh, trong lòng không vướng bận một điều gì. Ông lại có tài ngôn luận, bốn cột và cả bậc công khanh. Ông đức độ trung hậu, biết kính già yêu trẻ, coi bậc thiên tử như bạn thân, khinh tiền của như cỏ rác..."

Chuyết Chuyết thuộc về thế hệ thứ 34 dòng Lâm Tế. Hai vị đệ tử xuất sắc nhất của Chuyết Chuyết là Minh Hành và Minh Lương; Minh Hành là người gốc Trung Hoa, còn Minh Lương là người Đại Việt.

THIÊN SƯ MINH HÀNH

Thiền sư Minh Hành pháp hiệu là Tại Tại, là người phủ Kiến Xương, tỉnh Giang Tây. Ông từng là cánh tay phải của Chuyết Chuyết. Truyền thống Phật Giáo Đàng Trong thường liên hệ ông với Nguyên Thiều, người đem phái Lâm Tế truyền vào Đàng Trong, và có khi cho rằng ông là đệ tử của thiền sư Nguyên Thiều nữa. Nguyên Thiều sang Đại Việt năm 1665, có nghĩa là sau khi Minh Hành đã tịch (48). Như vậy truyền thuyết cho rằng ông đã làm một trong những danh tăng do Nguyên Thiều vâng mệnh chúa Nghĩa Vương về Trung Quốc mời sang để tham dự giới đàn truyền giới tại chùa Linh Mục là không đúng. Thiền sư Minh Hành ngày trước đã cùng thầy là Chuyết Chuyết từ Cao Miên đi qua Chiêm Thành rồi sang Đại Việt; trước khi ra Đàng Ngoài đã đi qua Đàng Trong, và có thể thầy trò đã dừng chân hoàng hóa tại Bình Định (lúc bấy giờ Bình Định đã thuộc về lãnh thổ Đại Việt) và Thuận Hóa, và đã ghi dấu chân ở những nơi đó. Ta biết rằng Chuyết Chuyết và Minh Hành trước khi đến Thăng Long cũng đã dừng chân hoàng hóa tại Nghệ An, hành đạo tại chùa Thiên Tượng và ở Thanh Hóa khai sáng chùa Trạch Lâm.

Năm 1643 khi Chuyết Chuyết Chuyết dời sang trú trì chùa Ninh Phúc ở Bút Tháp thì Minh Hành trở thành viện chủ chùa Phật Tích. Rồi đến năm 1644 khi Chuyết Chuyết mất, ông trở thành viện chủ chùa Ninh Phúc. Ông mất vào năm 1659, thọ 64 tuổi. Hai ngọn tháp được dựng nên để thờ ông: một ngọn ở chùa Ninh Phúc, một ngọn ở chùa Trạch Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Tại ngọn tháp chùa Trạch Lâm, một pho tượng mà Bezacier cho là "kiểu tượng Việt Nam khéo nhất mà chúng ta đã thấy" (49).

Chân trú và Diệu Tuệ là hai người đệ tử của Minh Hành. Chân Trú trú trì chùa Hoa Yên núi Yên Tử, còn Diệu Tuệ trú trì chùa Phật Tích. Minh Hành có để lại một bài kệ truyền pháp như sau

*Minh Chân Như Tính Hải
Kim Tường Phổ Chiếu Thông
Chí Đạo Thành Chính Quả
Giác Ngộ Chứng Chân Không*

nghĩa là:

Thấy chân như biển rộng
Ánh vàng chiếu vô cùng
Đạt đạo thành chính quả
Giác ngộ chứng chân không.

Chữ của bài kệ này đã được dùng để tự đặt pháp danh cho những thế hệ tiếp của phái Lâm Tế tại Đàng Ngoài.

CHÂN NGUYÊN, NGƯỜI CÓ CÔNG PHỤC HƯNG MÔN PHÁI TRÚC LÂM

Một trong những ngọn đuốc sáng của Phật Giáo Đàng Ngoài là thế kỷ thứ mười bảy là thiền sư Chân Nguyên, trú trì chùa Long Động. Chính Chân Nguyên và các đệ tử của ông đã làm phục hưng phái Trúc Lâm, cứu vãn được một số quan trọng những tác phẩm của các



THIÊN SƯ CHÂN NGUYÊN

thiền tổ Trúc Lâm bằng cách sưu tầm, hiệu đính, khắc bản và lưu hành những tác phẩm này.

Thiền sư Chân Nguyên họ Nguyễn tên Nghiêm, quê ở làng Tiên Liệt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Ông sinh năm 1646, xuất gia năm 19 tuổi, học với thiền sư Chân Trú tại chùa Hoa Yên, được pháp danh là Tuệ Đăng. Nhưng sau đó không lâu, Chân Trú qua đời. Bèn cùng với bạn đồng liêu là Như Niệm tu hạnh đầu đà, du phương để tham vấn thêm Phật pháp. Sau đó Như Niệm đổi ý, không đi vân du nữa mà về trú trì chùa Cổ Tiên, Tuệ Đăng bèn lên chùa Vĩnh Phúc ở núi Côn Cương tham học với thiền sư Minh Lương, đệ tử của Chuyết Chuyết. Minh Lương đặt pháp hiệu cho ông là Chân Nguyên. Chữ *Chân* là chữ thứ hai trong bài kệ tuyên pháp của Minh Hành, sau chữ *Minh* của Minh Lương. Ở đây, Chân Nguyên thụ bồ tát giới đốt hai ngón tay để phát nguyện hạnh đạo bồ tát. Ông xây dựng đài Diệu Pháp Liên Hoa tại chùa Vĩnh Phúc. Sau đó ông được truyền thừa y bát Trúc Lâm, làm trú trì chùa Long Động và Quỳnh Lâm, xưa vốn là những trung tâm lớn của phái Trúc Lâm. Năm 1684, Chân Nguyên dựng đài Cửu Phẩm Liên hoa tại chùa Quỳnh Lâm, theo kiểu mẫu đài Cửu Phẩm Liên Hoa mà Huyền Quang đã dựng ngày xưa tại chùa Ninh Phúc. Năm 1692, hồi 46 tuổi, ông được vua Lê Hi Tông triệu vào cung để tham vấn đạo Phật. Khâm phục tài đức ông, vua ban cho Chân Nguyên mỹ hiệu Vô Thượng Công và dâng cúng áo cà sa cũng những pháp khí để thờ tự. Năm 1722, hồi 76 tuổi, ông được vua Lê Dụ Tông phong chức tăng thống và ban hiệu Chính Giác Hòa Thượng. Năm 1726, trong tư thế kiệt giả, ông tịch và thán Mươi âm lịch, thọ 80 tuổi. Vua Dụ Tông truyền dựng tháp

Tịch Quang tại chùa Long Động và chùa Quỳnh Lâm.

Sách *Đăng Kế Lục* nói rằng một hôm ông tham vấn Minh Lương về một điều thâm diệu trong Phật pháp thì chỉ thấy Minh Lương nhìn thẳng vào hai mắt ông một hồi lâu, nhờ đó mà ông giác ngộ. Minh Lương có để lại một bài kệ phó pháp sau đây cho Chân Nguyên:

Ngọc xinh ẩn trong đá

Hoa sen nảy tự bùn

Nên biết tìm giác ngộ

Nơi sinh tử trầm luân.

(Mỹ ngọc tàng ngoạn thạch

Liên hoa xuất ư nề

Tu tri sinh tử xứ

Ngộ thị tức bồ đề)

Chân Nguyên có nhiều đệ tử xuất sắc, trong số các vị ấy, ta có thể kể Như Hiện, Như Trùng, Như Sơn và Như Trí. Chữ *Như* là chữ thứ ba trong bài kệ truyền pháp của Minh Hành. Chân Nguyên để lại hai bài kệ truyền pháp, bài sau đây được chép trong sách *Kế Đăng Lục*:

Chính niệm phân minh được suốt ngày

Là đem thể tính tự phô bày

Giác quan vận dụng chân thường kiến

Vạn pháp tung hoành giác ngộ ngay

(Hiện tích phân minh thập nhị thì

Thử chi tự tình nhậm thì vi

Lục căn vận dụng chân thường kiến

Vạn pháp tung hoành chính biến tri).

Còn một bài nữa được chép trong bài Ngộ

Đạo Nhân Duyên do ông sáng tác:

Thể tính xưa nay vốn nhất như

Hào quang chiếu sáng cõi không hư

Nếu lấy giác quan mà vận dụng

Tinh thông muôn pháp đạt Vô dư.

(Cùng kim cang cổ bản như như

Pháp tính viên đồng xán thái hư

Ứng xuất lục căn năng vận dụng

Tinh thông vạn pháp triệt vô dư)

Những sáng tác của Chân Nguyên hiện có:

1) *An Tử Sơn Trúc Lâm Trần Triều Thiền*

Tông Bản Hạnh

2) *Ngộ Đạo Nhân Duyên*

3) *Thiền Tịch Phú* (*)

Ông còn hiệu đính và trùng khắc Thánh Đăng Lục. Các thể hệ sau ông được phú chúc sự nghiệp phục hồi nền văn học Phật Giáo nước nhà. Như Trí trùng san sách *Thuyền Uyển Tập Anh* (1715). Như Sơn soạn *Kế Đăng Lục* (1734). Như Trùng và Như Hiện chuyển ra văn Nôm những bản về giới luật như *Sa Di Thập Giới*, *Hai Mươi Bốn Thiên Uy Nghi*, v.v... từ trước chỉ lưu truyền bằng Hán văn. Tịnh Quang trùng san *Thượng Sĩ Ngữ Lục* (1763). Sách *Tam Tổ Thực Lục* được trùng san 1765 cũng do người trong pháp phái thực hiện.

Thiền Tông Bản Hạnh

Như đã nói trong các chương X và XVIII, tên đầy đủ của sách là *An Tử Sơn Trần Triều Thiền Tông Bản Hạnh*. Đây là một cuốn sách viết bằng thơ Nôm lục bát, cùng tài liệu của các

sách *Thánh Đấng Lục*, *Khóa Hư Lục* và *Tam Tổ Thực Lục*. Bản của chúng tôi được đọc thuộc bản in năm 1745 do Ni cô Diệu Thuần ở chùa của bốn sư là Liễu Viên. Tuy tài liệu dùng để viết sách đều lấy ở các tác phẩm cổ, nhưng đoạn đầu và đoạn cuối sách phản chiếu khá rõ rệt quan điểm thiền học của Chân Nguyên.

Ngộ Đạo Nhân Duyên

Đó là một bài văn chữ Hán, cũng nói về quan niệm thiền của Chân Nguyên, kèm theo nhiều bài thơ và kệ của tác giả. Bài này thấy in trong kỷ trùng khắc năm 1745 của sách *Thiền Tông Bản Hạnh*.

Thiền Tịch Phú

Đây là một bài phú Nôm về chùa Long Động, rất giàu từ ngữ thuần túy Việt Nam. Bài này làm ta nhớ bài Vịnh Hoa Yên Tự Phú của Huyền Quang. Bài phú này được chùa Long Động duy trì và được Thiền Phổ phiên âm và in trong *Đuốc Tuệ* số 7, ra ngày 21.01.1936 tại Hà Nội.

Để có một ý niệm về nghệ thuật phú Nôm của Chân Nguyên, chúng ta hãy đọc một đoạn trong Thiền Tịch Phú:

Am thờ tổ nói lấp gổ lim

Nhà trú tầng vách vôi tường gạch

Mấy bức kẻ chữ triện mực giời

Bốn bên diều câu lơ sọc sách.

Gác rộng thềm chuông đưa ba chập, niệm nam mô nhẹ tiếng boong boong

Lầu cao vót trống điểm mấy hồi, đọc thần chú khua tang cách cách

{...}

Chè Bát đức sẵn đà lưu loát, chẳng phải lo củi nấu kỳ cầm

Bách tam thừa vốn đã chứa chan, nào có nhọc bột dầm thì thạch

Quả Bồ đề ăn ngọt xót, muôn kiếp hằng no

Hoa Ưu bát ngủi thơm tho, ngàn đời chẳng dịch

Sang Tây phương bệ ngọc đứng phơi

Về Đông độ tòa vàng ngồi phịch

Bể Tử bi thềm thang rộng rãi, mặc sức chờ người

Thuyền Bát nhã thăm thẳm bao la, giàu lòng độ khách

{...}

Thích Ca Phật tổ ngồi tuyết sơn khô chẳng gầy gù

Di Lạc Tiên quang di vận thủy đầy đà phục phịch

Đức Huệ Năng bát nguyệt thung phường

Tổ Đạt Ma cứu niên điện bích

Thần quang đoạn tỳ, lúc còn mê mặt khó dăm dăm

Ca Diếp nhãn đồng, thoát chốc ngộ miệng cười khềnh khềch

Dù ai quyết lòng học đạo, hỏi cho hay sừng thỏ lông rùa

Hoặc kẻ đốc chí chân tu, xem cho biết đầu cua tai ếch...

GHI CHÚ:

(46) Louis Bezacier, trong cuốn *L'Art Vietnamien* (Nhà xuất bản Editions de l'Union française, Paris 1954) nói rằng những bản khắc này gần đây đã bị người ta lấy làm củi nấu cơm, cho nên Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội đã cho người đến khiêng về lưu trữ tại Trường.

(47) Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc là con gái của Chúa Trịnh Tráng. Bà là chính cung của vua Lê Thần Tông, tức là Lê Duy Kỳ. Bà sinh ra vua Lê Hy Tông. Bà thường được người ta gọi là Bà Chúa Kim Cương. Khi xuất gia với Chuyết Chuyết, bà được pháp danh là Diệu Viên, hiệu là Pháp Tính. Bà có soạn thảo bộ *Tự Điển Chi nam Ngọc Âm Giải Nghĩa* bằng thơ lục bát, những từ ngữ cả Hán và Nôm cộng lại cả thảy là 20.000 chữ. Từ ngữ Hán được chia ra ba mươi loại như: thiên văn, địa lý, thân thể, nông vụ, cầm thú, hôn nhân, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, thảo mộc, văn nghệ, y lý, dược thảo, tang lễ v.v... (Bia chùa Ninh Phúc ở Bút tháp, dựng năm 1647). Công chúa Trịnh Thị Ngọc Duyên là con của bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh và vua Lê Thần Tông, và là cháu gái của chúa Trịnh Tráng. Bà xuất gia năm 26 tuổi, pháp danh là Diệu Tuệ. Bà học Phật dưới sự chỉ dạy của Minh Hành. Năm 1659, sau khi Minh Hành tịch, bà được chỉ định là tọa chủ chùa Phật Tích. Bà tịch năm 1664, lúc 49 tuổi.

(48) Minh Hành mất năm 1659 tức là năm Kỷ Hợi.

(49) Louis Bezacier, sách đã dẫn.

(*) Theo nhà Phật học Lê Mạnh Thát trong *Chân Nguyên thiền sư toàn tập*, 2 tập, Tu thư Vạn Hạnh, thành phố Hồ Chí Minh, 1980, thì Chân Nguyên có đến 11 tác phẩm, kể cả những cuốn chưa xác định thật chắc chắn: 1. Tôn sư phát sách đăng đàn thụ giới; 2. Nghênh sư duyệt định khoa; 3. Long thư Tịnh Độ văn tự; 4. Long thư Tịnh độ luận, bạt, hậu tự; 5. Tịnh độ yếu nghĩa; 6. Ngộ đạo nhân duyên; 7. Thiền tịch phú; 8. Thiền tông bản hạnh; 9. Nam Hải quan âm bản hạnh; 10. Đạt Na thái tử hành; 11. Hồng môn hành (N.H.C.)

(còn tiếp)



PHẬT GIÁO VÀ CON ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh

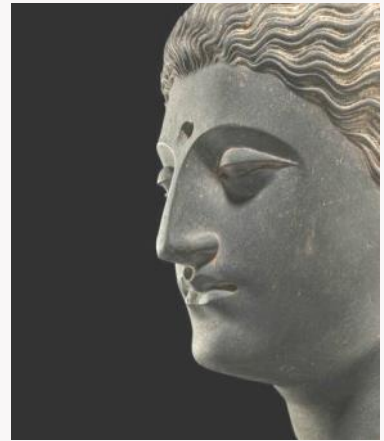
Kỳ 2
(tiếp theo số trước)

Thuyết thực dụng: Theo thuyết này, giá trị đạo đức của hành động phải được phán xét trên kết quả và không cần phải để ý đến phương tiện thực hành. Nếu mục đích ở đời là tìm sống trong hạnh phúc và hạnh phúc được tìm thấy trong quyền lợi thì mục đích của một hành động hợp lý phải là mục đích đem lại thật nhiều quyền lợi cho đại đa số người trong xã hội. Lịch sử đã cho thấy dùng cứu cánh để biện minh cho phương tiện là một suy nghĩ rất tai hại. Nhân danh công bình xã hội và bình đẳng kinh tế và với chủ đích đem lại hạnh phúc cho đại đa số, Stalin sát hại hoặc lưu đày lên Tây Bá Lợi Á hằng triệu dân Nga, và Mao hủy hoại hoàn toàn cơ cấu luân lý cổ truyền của Trung Hoa. Tất cả các nhà độc tài và chính thể chuyên chế dưới mọi hình thức đều vi phạm đạo đức vì chúng tiêu diệt nhân bản. Trước hết chúng đập đổ lý trí với lý luận một chiều khi dùng chính sách nhồi sọ thay vì giáo dục để cai trị dân; nhồi sọ bóp méo lý trí để uốn nắn trí tuệ của người dân theo khuôn khổ của giai cấp lãnh đạo. Chế độ độc tài lúc nào cũng hạn chế tự do đến mức tối đa hay tiêu diệt hẳn tự do. Khi không còn tự do thì trách nhiệm theo đúng nghĩa của danh từ cũng không còn nữa. Nhân bản bị chà đạp. Chế độ chuyên chế dùng cá nhân để phục vụ cộng đồng; chính vì lẽ này mà cá nhân thường bị hy sinh làm vật tế thần cho "hạnh phúc" của cộng đồng. Chủ nghĩa độc tài quên rằng chỉ có nhân bản cá nhân chứ không có nhân bản tập thể.

Dẫu không vĩnh viễn, hạnh phúc trần tục có thật, nhưng quan niệm hạnh phúc rất chủ quan và tương đối. Theo nghĩa thông thường ở đời hạnh phúc là một cảm nghĩ dựa trên tình cảm, và tình cảm thì hay thay đổi và khác biệt từ người này đến người khác. Hạnh phúc tùy thuộc vào quan niệm và suy nghĩ của cá nhân. Một bà hàng xóm hỏi quà phụ sống cạnh nhà tại sao lúc nào bà cũng lo âu buồn bã. Bà trả lời rằng bà rất lo cho hai đứa con trai làm ăn vất vả nuôi bà. Bà buồn khi trời mưa vì sợ đứa con bán mũ không có ai mua, và bà buồn khi trời nắng vì sợ đứa con bán áo mưa phải ế hàng! Bà hàng xóm hỏi tại sao bà không

vui khi trời nắng vì đứa con bán mũ bán đắt hàng, và tại sao lại không vui lúc trời mưa vì đứa con bán áo mưa có nhiều cơ hội! Căn cứ trên biện minh của các lý thuyết gia trong phái thực dụng như David Hume, Jeremy Bentham và John Stuart Mill, James Rachels tóm tắt giá trị luân lý của cá nhân trong liên đới xã hội rằng con người phải "tận dụng cơ hội để hưởng một cuộc sống tốt đẹp trong cùng một lúc tận dụng cơ hội để cho người khác cũng hưởng được cuộc sống tốt đẹp." (1) Chính sách này nghe rất là công bình. Nhưng ai là người định nghĩa thế nào là một cuộc sống tốt đẹp? Định nghĩa của người Taliban về một cuộc sống tốt đẹp ở Afghanistan hoàn toàn khác biệt với định nghĩa ở Hoa Kỳ. Ngay cả khi bạn và tôi chia sẻ cùng một hệ thống đạo đức như nhau, định nghĩa của bạn và của tôi về một cuộc sống tốt đẹp có thể khá khác nhau.

Đối với riêng cá nhân mình trong tuổi hiện nay, tôi sẽ cảm thấy thật lý tưởng khi được để yên một mình không bị quấy rầy trong phòng để suy nghĩ, đọc sách, viết lách và nghe nhạc cổ điển. Tôi không cần phải đi du lịch nhiều nơi, đi hội hè đình đám hay hưởng những tự do đi lại nào khác. Nhưng nếu tôi bị giam trong khám nhưng cũng được quyền để yên một mình để suy nghĩ, đọc sách, viết lách và nghe nhạc cổ điển (như nhiều tù nhân ở Mỹ hiện nay) thì hoàn cảnh có còn lý tưởng nữa chăng? Lẽ dĩ nhiên tôi sẽ không sung sướng khi ở trong tù bởi vì tôi không tình nguyện ngồi tù! Trong ví dụ vừa kể tôi tự mình lựa chọn giam mình trong phòng để làm những việc tôi ưa thích. Tôi có quyền tự do đi ra ngoài mặc dầu tôi không cần hay muốn đi ra ngoài. Điều quan trọng cho hạnh phúc của tôi là quyền tự do lựa chọn. Quyền tự do là điều con người



muốn có mặc dầu chưa chắc đã cần dùng đến. Dân thuộc địa trải qua bao nhiêu đau đớn và khổ nhục tranh đấu để lấy lại độc lập cho quốc gia nhằm mục đích được quyền tự do lựa chọn ở phòng bỏ phiếu mặc dầu sau độc lập, không phải ai cũng đi bầu cử. Ở Mỹ nữ giới và công dân thiểu số đã tranh đấu khó khăn trong quá khứ để được quyền bầu phiếu, và hiện tại vẫn còn tiếp tục tranh đấu để bảo vệ quyền lợi này mặc dầu rất nhiều công dân Hoa Kỳ hiện nay ít khi đi bầu phiếu.

Giúp người chết để chấm dứt đau đớn thân xác:

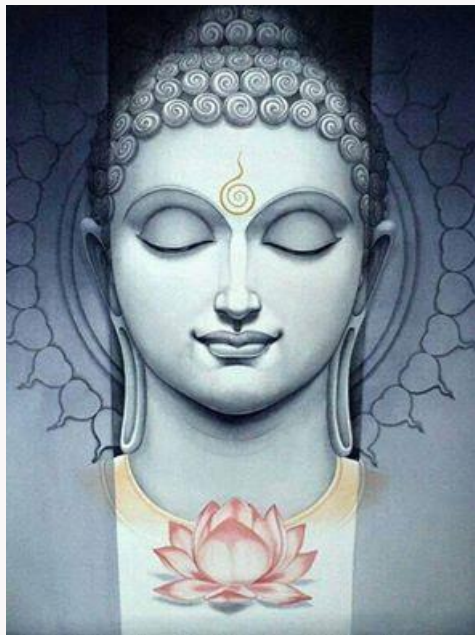
Giúp người khác chết để khỏi còn đau đớn thân xác có đúng đạo đức hay không? Nếu mục đích trong đời sống là tìm hạnh phúc cho chính mình và tạo hạnh phúc cho người khác, và giết làm phước giúp người khác chấm dứt đau đớn xem ra không phản đạo đức nhất là khi được bệnh nhân yêu cầu. Tuy thế, trong khi người bị trọng bệnh hưởng quyền tự do lựa chọn tại sao họ lại không tự tử? Trong trường hợp Matthew Donnelly (2), vì quá đau đớn do bệnh ung thư hành hạ, thay vì tự tử, ông ta yêu cầu ba anh em trai giúp chấm dứt cuộc sống của ông. Rất có thể ông ta không còn đủ sức hay không có phương tiện hay không có can đảm tự giết mình. Tuy nhiên, khi một bệnh nhân bỏ lý trí và từ chối trách nhiệm đối với chính mình để đi nhờ kẻ khác giết mình, người bệnh nhân này đã xâm phạm nhân bản của riêng mình và còn xúi người kia xâm phạm nhân bản của họ nữa. Ai trong chúng ta có thể cả quyết rằng ước muốn được chết của bệnh nhân là tối hậu không bao giờ thay đổi? Chúng ta thường nghe là người biết bơi không bao giờ thành công trong ý định tự tử bằng cách nhảy xuống sông sâu. Bản năng sinh tồn sẽ cứu họ vào giây phút cuối cùng.

Các sinh vật không phải là người: Thú vật không có khả năng suy luận, và tuy có tự do nhưng không có ý niệm về trách nhiệm. Chúng tỏ ra biết nuôi con và bảo vệ con lúc còn nhỏ nhưng phải chăng đây chỉ do bản năng sinh tồn của sinh vật. Bởi vì súc vật không có đủ ba yếu tố lý trí, tự do và trách nhiệm như nhân bản của con người, liệu chúng ta có thể đối xử với chúng nó cách nào cũng được hay giết chúng mà không phạm đạo đức như Kant biện luận? Trước hết, chúng ta tùy thuộc vào môi trường chung quanh để sinh tồn. Súc vật cũng như cây cỏ giúp chúng ta hưởng được tự do khỏi đói lạnh. Khi chúng ta hại chúng, chúng ta tự hại mình và như thế ta đã phạm đạo đức.

Những sinh vật khác người có thể không có những đau khổ về tinh thần hay tình cảm, nhưng vì chúng cũng có tri giác nên chúng tất phải biết đau đớn thể xác. Nếu chúng ta không muốn đau đớn thể xác, tại sao chúng ta lại có thể tàn nhẫn gây đau đớn cho súc vật khi chúng ta biết suy luận? Phải chăng chúng ta đã mất một phần nhân bản lý trí khi chúng ta hành hạ súc vật để mua vui cho mình?

Thuyết trừng phạt báo thù: Kant chống

lại chính sách giam giữ tội phạm vì bất cứ mục đích nào nếu không phải là để bắt buộc họ trả nợ cho xã hội. Kant chống lại chính sách giam giữ tội phạm. Ông ta lý giải rằng đem bỏ tù những kẻ phạm pháp mà không có chủ đích trừng phạt họ nhưng để bảo vệ an ninh cho dân chúng tức là dùng họ như phương tiện để đạt cứu cánh. Ông ta tin rằng bỏ tù với một mục đích như vậy xâm phạm phẩm giá của con người tại vì "không bao giờ ta nên đối xử với một người chỉ để làm phương tiện phục vụ một người khác." (3) Nhiều nhà phê bình thuộc chủ thuyết "trừng phạt để báo thù" phản đối thuyết thực dụng đưa ra ví dụ điển hình cho thấy các trại cải huấn ở nhiều tiểu bang ở Mỹ đã không thành



công trong mục đích cải tạo tù nhân, và họ cho rằng "cải huấn...thật sự chẳng khác gì hơn là một cố gắng uốn nắn con người vào những khuôn khổ mà chúng ta nghĩ là họ nên sống theo." (4) Chính sách cải huấn này nghe giống như dùng mảnh khố để nhồi sọ phạm nhân, và nhồi sọ có nghĩa hoàn toàn khác với giáo dục. Mục đích của cải huấn là để giúp tù nhân sửa chữa cái nhân bản khiếm khuyết của họ, và mục đích này không thể đạt được bằng nhồi sọ vì nhồi sọ bóp méo lý trí khiến người bị nhồi sọ phải suy nghĩ theo một đường hướng đã được định trước và hạn chế tự do tư tưởng của họ. Giáo dục nâng cao kiến thức và khả năng lý luận để người ta có thể tự suy nghĩ cho mình. Ngoài ra cũng có thể còn những lý do khác làm cho các chương trình cải huấn trong nhà tù chưa đạt được kết quả như mong muốn. Có thể những phương pháp cải huấn chưa được áp dụng đủ lâu để chúng ta rút kinh nghiệm và thực hiện một cách hiệu quả hơn. Có thể nhiều nhân viên cải huấn không hết lòng tin tưởng vào khả năng hồi lỗi của con người, và do đó thừa hành trách nhiệm của họ thiếu định kiến, cố gắng và chú tâm.

Kant chủ trương trừng phạt vì chính sách bắt người xấu trả nợ đền bồi cho sự độc ác của họ nghe rất là hữu lý. Nhưng theo thiên ý của

tôi trừng phạt là trả thù, và trả thù là hành động do xúc cảm chứ không do lý trí. Ngoài sự thỏa mãn cảm xúc căm hờn, chúng ta đạt được gì khi trả được thù? Trả đũa để thỏa mãn cảm xúc căm hờn tức giận có giúp phục hồi nhân bản của một con người bất bình thường hay chỉ làm cho cái nhân bản khiêm khuyết của họ càng chìm sâu vào vực thẳm? Pháp luật của Mỹ không xem cường dâm đáng tội tử hình. Tuy nhiên, bạn sẽ phản ứng ra sao trong trường hợp giả sử như sau. Vợ hay con gái của bạn bị hãm hiếp trước mặt mình trong khi bạn bị trói ở cột buồm trên tàu bắt buộc chứng kiến hành động bạo ngược này như chuyện đã xảy ra cho nhiều người Việt vượt biên chẳng may gặp phải hải tặc Thái. Ví dụ bạn gỡ được trói và có súng trong tay, bạn sẽ bắn chết tên cướp biển ngay, hay bạn lý luận rằng tội cường dâm không tàn ác đáng tội xử bắn nên bạn sẽ bắn chỉ thiên dọa cho nó bỏ chạy? Điều không tưởng, có phải không quý bạn? Như thế, trong trường hợp này chính cơn giận cuốn điên của bạn đã thúc đẩy bạn tức khắc giết tên ác nhân. Đây là công lý hay trả thù? Cảm xúc hay lý trí đã quyết định hành động của bạn?

Thuyết hợp đồng xã hội— Phong trào bất tuân luật pháp: Lễ thường xã hội phải được luật pháp cai trị một cách công bình không thiên vị. Nhưng khi luật pháp bất công thiên vị và xâm phạm nhân bản như luật kỳ thị chủng tộc ở Nam Phi Châu trước khi Nelson Mandela được bầu lên nắm chính quyền, hay luật pháp kỳ thị dân da màu ở Mỹ trước phong trào nhân quyền, công dân trong nước có quyền bảo vệ nhân bản của mình bằng cách bất tuân các luật lệ bất công này. Chính sách chống đối bất bạo động của Gandhi và Martin Luther King là một chiến lược hoàn hảo dùng để thiết lập một căn bản đạo đức thật vững chãi để thi hành chính sách bất tuân pháp luật bởi vì chính sách bất bạo động không xâm phạm đến lý trí, tự do và trách nhiệm của những công dân khác trong cộng đồng. Chính sách này cùng một lúc vừa tranh đấu cho nhân quyền và vừa bảo vệ nhân quyền.

Thuyết đạo đức phẩm hạnh—Nói dối: Nói dối không thiếu đạo đức khi nó không xâm phạm nhân bản của người khác. Tuy nhiên, mục đích của nói dối là để lừa phỉnh; và như vậy, nói dối nằm trên biên giới giữa đạo đức và vô đạo đức. Thánh Athanasius không vi phạm đạo đức khi

ngài không nói thật với kẻ có ý hành hại ngài để tự vệ. Chúng ta có thể lý giải rằng ngài không nói dối mà chỉ từ chối không nói thật. Bịa chuyện với mục đích lừa gạt là nói dối vì hành động này làm phương hại nạn nhân. Tránh không nói thật vì sự thật vi phạm nhân bản của chính mình hay của người khác không cùng nghĩa với lừa gạt. Thêm nữa, tuy hành động bẻ ngoài có vẻ như lừa phỉnh của Thánh Athanasius làm giới hạn sự chọn lựa của bạn người đàn áp ngài, bạn người này hẳn đã từ bỏ lý trí và quyền tự do chọn lựa của họ khi họ có ý định xâm phạm nhân bản của người khác. Raoul Wallenberg nói dối với mật vụ của Đức Quốc Xã để che chở người Do Thái ở Hung Gia Lợi trong Đệ nhị Thế chiến không phạm đạo đức. Còn khi một người chồng ngoại tình và đầu vợ hoặc chối khi vợ hỏi thẳng mặt thì sao? Rõ là lý do nói dối trong trường hợp này là để tự vệ nhưng nó vẫn vi phạm đạo đức vì người chồng vi phạm trách nhiệm trong hợp đồng phối ngẫu.

Thế giới vật chất hoạt động trên căn bản của định luật tương đối như Albert Einstein đã chứng minh, định luật tương đối này đã không biến đổi qua thời gian. Có bao giờ định luật này có ngoại lệ hay không? Khoa học vật lý hiện đại chứng minh là có. Con đường đạo đức nhân bản có ngoại lệ hay không? Tôi nghĩ đến trường hợp ngoại lệ khi giết người để tự vệ.

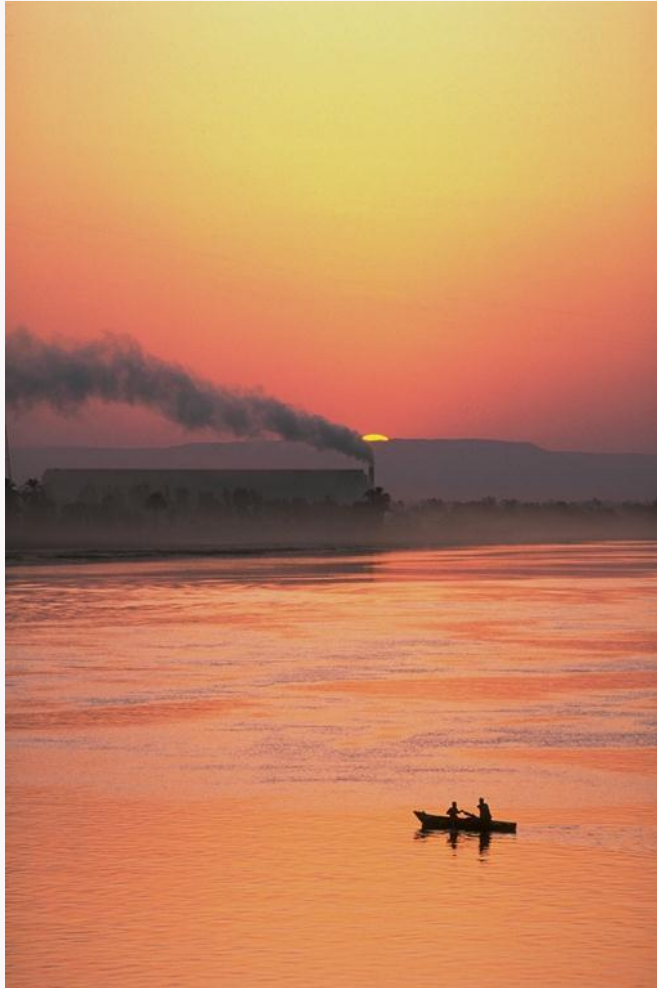
Rachels đề nghị rằng, để có thể gọi là một nguyên tắc, nguyên tắc đạo đức tối thiểu phải đáp ứng được cái mà ông gọi "*quan niệm tối thiểu về đạo đức*," có nghĩa là nguyên tắc này phải hợp lý và công bằng không thiên vị—nó phải được hỗ trợ bằng những luận lý vững chắc nhất và có thể áp dụng rộng rãi ở khắp nơi và không có giới hạn thời gian. Trải qua lịch sử nhân loại từ khi bắt đầu cho đến ngày nay nhân bản có gì thay đổi không? Nói một cách khác, liệu chúng ta có thể định nghĩa nhân bản khi con người còn ăn lông ở lỗ mà không cần cứ vào ba yếu tố lý trí, tự do và trách nhiệm chẳng? Mặt dầu rất có thể là ba nguyên tố này đã không được nghĩ đến rõ ràng như ngày nay trong ý thức của con người tiền sử, chúng phải hiện hữu ngay từ đầu. Chúng ta có định nghĩa hay lý giải cách nào thì ngày nay chúng ta cũng khó mà định nghĩa nhân bản mà không bao gồm lý trí, tự do và trách nhiệm. Chính vì vậy mà những hành động đạo đức là những hành động có tính cách xây dựng ba yếu tố phân biệt nhân tính này.



Ngược lại, những hành động nào hủy hoại ba yếu tố nhân bản lý trí, tự do và trách nhiệm đều vi phạm đạo đức.

Trong khi nhìn chung tất cả những triết lý đạo đức có ảnh hưởng sâu xa nhất nêu ra, trong cuốn sách *Những Yếu tố của Đạo đức học* của triết gia James Rachels, chúng ta không thấy một học thuyết nào có thể cất nghĩa hay giải quyết một cách thỏa mãn những vấn đề đạo đức hiện đại khó xử nhất mà tác giả đã thuật lại vì các học thuyết kể trên không hoàn toàn dựa trên nền móng nhân bản như Phật giáo. Đạo Phật đã tiến xa nhất trong lịch sử văn minh của nhân loại trên phương diện đạo đức học vì Phật giáo hiểu rõ vạn pháp mà cho đến ngày nay khoa học vẫn chưa có đủ khả năng chứng minh được.

Thuyết "nhân quả" của Phật học rất khoa học nhưng khác với khoa học thực nghiệm ở chỗ, theo lý giải của Đức Như Lai, nhân gồm số nhiều và chúng nương tựa vào nhau và vào duyên (các điều kiện thuận lợi) mới khởi sinh ra quả. Chính vì vậy mà cái quả trong Phật giáo không tiền định. Mặc dù hễ có quả thì có nhân nhưng không nhất thiết lúc nào mình có thể tiên đoán được khi nào (kiếp nào) và quả nào (sinh ra sướng hay khổ) một cách chính xác vì thân khẩu ý của mỗi cá nhân có thể tạo ra các cơ duyên thiện hay ác khác nhau. Nhân quả trong Phật giáo không diễn biến theo đường thẳng như trong hiện tượng hữu hình có khả năng được chứng minh bởi thí nghiệm và toán học. Nhiều hiện tượng vật lý có chứa yếu tố ngẫu nhiên hay tình cờ nhưng những yếu tố này là ngoại lệ chứ không phải lệ thường. Nếu thử khai thiên lập địa quả đất không bị một thiên thể bay trong không gian tông vào làm vỡ và tách rời ra một phần và làm nghiêng quả đất thì đâu có mặt trăng, đâu có hủi triều, đâu có bốn mùa, hay cũng có thể không có loài người chúng ta. Trừ những ngoại lệ, toán học và khoa học thực nghiệm có thể tiên đoán được nhiều hiện tượng trong vũ trụ vì các hiện tượng này đi theo định luật bất di bất dịch không có lý trí suy tư nên không có tự do lựa chọn như trong các hành vi của con người. Định luật nhân quả không thay đổi nhưng con người qua thân khẩu ý có tự do chọn lựa cái nhân lành hay nhân bất thiện, và do đó sẽ gặt hái quả ngọt hay chua. Như vậy, theo lý giải của Phật giáo, con người có tự do vì có lý trí để biết so đo chọn lựa, và lãnh chịu trách nhiệm về hậu quả của các chọn lựa của chính mình. Theo lời Phật dạy, chỉ có ta chứ không có thần lực nào ngoài thân khẩu ý của ta giải thoát được cho ta tránh khỏi kiếp trầm luân. Ba yếu tố căn bản phân biệt con người với các loài hữu tình khác là lý trí, tự do và trách nhiệm--ba yếu tố nhân bản. Nhờ lý trí nên ta thấy rõ sự tùy thuộc nhân duyên trong mọi pháp. Vì mọi hiện tượng trong vũ trụ và chính thân ta phải nương tựa vào nhau mà sinh diệt nên khi ta làm hại bất cứ một cái gì trong ta hay ngoài ta thì ta hại



chính ta. Phải chăng đây là nguyên lý đạo đức tối hậu trong mọi quyết định đạo đức?

Nhà bác học vĩ đại nhất của thế kỷ 20, Albert Einstein, nghĩ rằng nếu tương lai của nhân loại đạt đến một tôn giáo đại đồng, Phật giáo có thể chính là tôn giáo đó. Ông nói rằng, "Nếu có một tôn giáo nào có thể đối phó được với nhu cầu của khoa học hiện đại, đó sẽ là Phật giáo" vì lẽ, cũng như khoa học, Phật giáo hoàn toàn để tâm tìm hiểu thế giới ở quanh mình. Nhà triết học lừng danh của Pháp, Bertrand Russell, bảo rằng Đức Phật là vị thầy duy nhất mà ông kính trọng vì Ngài "hiểu rõ chân tướng của vạn vật."

Tôi hy vọng một con đường đạo đức xây dựng trên ba yếu tố nhân bản lý trí, tự do và trách nhiệm có thể dẫn chúng ta đi đúng hướng trong những lúc không may lạc vào những trường hợp khó nghĩ chẳng biết "sống thế nào cho phải."

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh, Ph.D.

Notes:

- 1) *The Elements of Moral Philosophy*, p. 199.
- 2) *The Elements of Moral Philosophy*, pp. 93-94
- 3) *The Elements of Moral Philosophy* p. 131.
- 4) *The Elements of Moral Philosophy*, p. 136.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8

BAN TỔ CHỨC
THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII

1105 Hina Iuka Drive, Honolulu, HI 96821
ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com

THÔNG BẠCH (SỐ 1)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mẫu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiển Đức Tăng - Ni
Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử

Được sự ủy nhiệm của Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, thừa lệnh tăng sai, trên tinh thần "Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bản hoài". Và để Chư Tôn Đức Tăng Ni và Thiện nam tín nữ Phật Tử khắp nơi có cơ duyên cùng được câu hội về một trú xứ huân tu đạo nghiệp, góp phần làm cho mạng mạch Phật Pháp được trường lưu, từ chúng hoà hợp cộng tu, trường dưỡng đạo tâm ngõ hầu thấp sáng lên ngọn đuốc Từ Bi và Trí Tuệ giữa bóng đêm vô minh phiền não khổ đau. Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 năm tới - 2018 sẽ do Thiện Viện Chân Không - Hawaii đảm nhiệm việc tổ chức, địa điểm và thời gian được sắp xếp như sau:

- **Địa điểm:** ALA MOANA HOTEL
410 Atkinson Drive, Honolulu, Hawaii 96814
- **Thời gian:** Từ Thứ Năm đến Thứ Tư, ngày 13-19 tháng 9 năm 2018.
(Chương trình tu học sẽ được ghi rõ trong Thông Bạch Số 2)

Chúng con kính trình lên Chư Tôn Thiển Đức Tăng Ni chứng minh, cầu thỉnh quý Ngài gia tâm cầu nguyện và nhất tâm kiên thành quý Ngài hoan hỷ quang lâm chứng minh yểm trợ cho Khóa Tu Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 này được thành tựu viên mãn. Đồng thời, kính thông báo đến Quý Phật Tử cùng biết để sắp xếp thời gian và công việc gia đình ghi danh tham dự Khóa Tu, thể hiện tinh thần quý trọng Pháp Bảo hiện có mà chúng ta được phước duyên để tu học.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu, đạo thọ miên trường, mãi mãi là bóng đại thọ che mát cho hàng hậu học. Kính chúc quý Phật Tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường, Bồ đề tâm kiên cố để nỗ lực thăng tiến trên con đường giác ngộ, giải thoát.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



Hoa Kỳ, ngày 20 tháng 7 năm 2017

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

Tỳ Kheo THÍCH THÔNG HẢI

MÙA THU, HƯƠNG LÚA VÀ THƠ

Cánh cò trắng
Điểm đồng xanh
Hiu hiu con gió, mong manh nắng vàng
Chiều xa
Xóm nhỏ
Thu sang
Mây về dệt mộng trên ngàn khói sương.
“Thu không”
Nào thuở quê hương
Cảnh thanh bình
Vân chiều buông cuối ngày
Hữu cơ, từng năm trong tay
Em tung rải
Hạt ngọc đầy ruộng xa.
Mai sau
Cây lúa nên hoa
Đông thơm hương lúa, quê nhà thêm hương
Còn tôi
Đời vẫn tha phương!
Ươm bao ý sống tình trường vào thơ.
Lòng trang trải
Bước sông hồ
Vui buồn mấy cuộc tung hô thăng trầm.
Như cây lúa vẫn âm thầm
Tỏa hương từ thuở ngàn năm quê mình.
Như tình thơ
Vẫn tồn sinh
Tiếp cho tim máu dùm dành cuộc chơi
Em mang hương lúa vào đời
Tôi gom ý sống cho lời thơ xanh.
Nghìn thu
Cát bụi du hành
Góp hương cho cuộc phù sinh muôn trùng.



CHO MÙA THU CŨ

Mời hôm nào đó... lá vàng rơi
Nay tiếng thu xưa lại đến rồi!
Dây bạc lưng trời sương gói mộng
Chiều xanh đáy nước nắng nghiêng đời.
Thoáng nghe hồn đá đìu hiu quạnh,
Chùng thây mây ngàn lãng đãng trôi.
Ta gởi câu thơ theo cánh nhạn
Cho mùa hoa lệ, dẫu xa xôi!

(South Dakota, USA, tháng 9. 2017)

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

NHỮNG NGƯỜI PHẬT TỬ JUBU

Nguyễn Giác

Trong khi có những người mang hai quốc tịch một cách thoải mái... lại rất hiếm người tự nhận là theo hai tôn giáo cùng một lúc. Hiển nhiên, đầu với nước rất khó hòa hợp. Bạn cứ nhìn lại những cuộc thánh chiến nhiều ngàn năm nay là biết: không dễ có thái độ bao dung để theo cùng lúc hai tôn giáo một cách hòa hợp. Thực tế lịch sử cho thấy, bao dung nhất vẫn là Phật giáo – một tôn giáo chưa từng khởi dậy thánh chiến bao giờ. Nhưng rồi một số nơi ở Miền Điện vẫn xảy ra xung khắc giữa Phật tử bản địa và người Hồi giáo Rohinya vào tận nay.

Nhìn về phía Hoa Kỳ, có một hiện tượng dị thường: rất nhiều người Do Thái trở thành Phật tử, và theo cả hai tôn giáo cùng lúc.

Một Phật Tử Do Thái Giáo, tiếng Anh gọi là Jewish Buddhist (còn viết tắt là Jewbu, Jew-Bu, Jewboo, Jubu, Buju, vân vân), theo định nghĩa từ Wikipedia là một người trưởng thành trong môi trường Do Thái Giáo và tu tập một phương cách thiền định của Phật Giáo.

Chữ Jubu đầu tiên sử dụng trong tác phẩm *The Jew in the Lotus* (1994) của tác giả Rodger Kamenetz. Trong vài trường hợp, chữ Jubu có thể chỉ cho người thực tập cả hai tôn giáo đó; một số trường hợp khác, chỉ có nghĩa là người sắc tộc Do Thái nhưng tôn giáo chính yếu là Phật Giáo. Trong trường hợp khác, Jubu là người gốc Do Thái có quan tâm về Phật Giáo hay thiền tập, hoặc đã trở thành Phật Tử thuần thành.

Và không chỉ sống với hạnh nguyện Phật Tử, rất nhiều người Jubu đã trở thành cột trụ cho Phật Giáo Hoa Kỳ.

Vì Tam Tạng Pháp Sư nổi tiếng trong giới Phật học Hoa Kỳ cũng là một Jubu: Bikkhu Bodhi ra đời năm 1944 tại Brooklyn, New York, từ ba mẹ cùng là sắc tộc Do Thái. Nhiều thiền sư hay trí thức Phật Tử Hoa Kỳ nổi tiếng khác cũng mang dòng máu Do Thái trong người: Aya Khema, Thubten Chodron, Philip Kapleau, Jack Kornfield, Leonard Cohen, Surya Das, Richard Davidson, Robert Downey Jr., Mark Epstein, Anthony Ervin, Zoketsu Norman Fischer, Allen Ginsberg, Tetsugen Bernard Glass-

man, Philip Glass, Craig Taro Gold, Natalie Goldberg, Daniel Goleman, Joseph Goldstein, Dan Harris, Jack Kornfield, Larry Rosenberg, Sharon Salzberg, Nyanaponika Thera, vân vân.

Trong các Jubu đó, nổi bật cũng có nữ tài tử Goldie Hawn, người sáng lập hội Hawn Foundation để dạy pháp Thiền Chánh Niệm tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Và một Jubu nổi bật khác trong các trường đại học y khoa: Jon Kabat-Zinn, người soạn ra chương trình 8 tuần lễ chánh niệm giảm căng thẳng để chữa bệnh thân và tâm có tên là Mindfulness-based Stress Reduction (MBSR) đang được áp dụng tại nhiều bệnh viện, trường học, nhà tù...

Như thế, cho thấy sức quyến rũ mạnh mẽ của Phật giáo đối với học giới Hoa Kỳ, đặc biệt với người Mỹ gốc Do Thái. Và rồi với nhiệt tâm tu học, nhiều vị trong đó đã trở thành các Phật Tử cột trụ hoằng pháp.

Có một câu chuyện được kể, ghi lại trong tác phẩm *Awakening the Buddha Within: Eight Steps to Enlightenment* (*Đánh Thức Đức Phật Trong Tâm: Tám Bước Tới Giác Ngộ*) nơi trang 4, ấn bản 2009

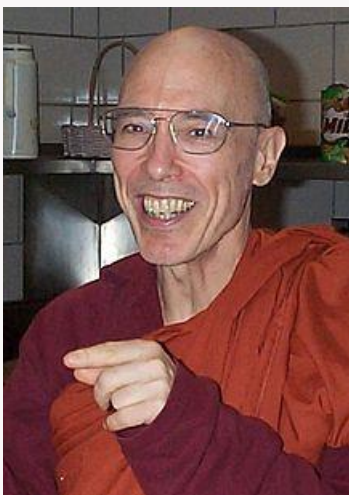
của tác giả Lama Surya Das, một nhà sư người Mỹ gốc Do Thái tu học theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng.

Chuyện được hiểu là để cười cho vui, nhưng đã cho thấy nhiệt tâm tu học của một thanh niên Mỹ gốc Do Thái và trở thành một đạo sư trên các đỉnh Hy Mã Lạp Sơn. Đọc chuyện này, có thể hiểu là để cười cho vui, những cũng có thể là truyện đời thật của một vị sư nào đó, nhưng có lẽ vị đó không muốn đem chuyện nhà ra kể.

Bà cụ Margie Smith đi tìm con đã biến mất từ lâu, sau nghe phong thanh chi đó, mới tới một đại diện văn phòng du lịch.

Bà Smith nói, "Tôi phải lên Hy Mã Lạp Sơn để nghỉ hè. Tôi phải nói chuyện với vị đạo sư nơi đó."

Người đại diện văn phòng du lịch nói, "Hy Mã Lạp Sơn, thưa bà Smith! Bà có thực muốn nghỉ hè trên đó? Sẽ là chuyến đi dài đó, ngôn ngữ dị biệt nữa, thức ăn rất là tức cười, các xe bò hôi rình khắp nơi. Sao bà không đi London,



BIKKHU BODHI



NỮ TÀI TỬ GOLDIE HAWN

hay Florida? Thời điểm này trong năm, Florida rất là tuyệt vời.”

Bà Smith kiên quyết, không đổi ý. Bà phải đi Hy Mã Lạp Sơn để nói với một đạo sư. Do vậy, bà Smith, mặc bộ trang phục màu xanh da trời đẹp nhất, hướng về Phương Đông, đi một chuyến bay, rồi qua một chặng đường xe lửa, rồi

một chặng xe buýt, và rồi ngồi trên một chiếc xe bò hôi rình, cho tới khi bà tới một tu viện Phật Giáo xa xôi ở Nepal.

Nơi đó, một vị Lạt ma già trong áo nhà sư màu đỏ vàng bước ra, nói với bà rằng vị đạo sư bà tìm đang ngồi thiền trong một hang động trên đỉnh ngọn núi, và không ai có thể quấy nhiễu. Nhưng bà Smith đã đi từ gần như tận cùng địa cầu, bà quyết tâm không bỏ cuộc.

Cuối cùng, vị Lạt ma già mới nói, “Thôi thì. Nếu tín nữ phải gặp, thì gặp. Nhưng có một số quy định. Tín nữ không thể ở lâu, và khi nói với vị đạo sư, tín nữ không có quyền nói quá 10 chữ. Vị đạo sư kia đang sống nơi đó đơn độc, trong im lặng và trong thiền định.”

Bà Smith đồng ý, và nhờ giúp đỡ từ một vài vị Lạt ma, nhà sư và những người mang hành lý, bà bắt đầu trèo lên núi. Chặng trèo núi gian nan, nhưng bà không bỏ cuộc. Với nỗ lực tận cùng bình sinh, bà trèo tới đỉnh núi xong, tới trước cổng hang động, nơi vị đạo sư ngồi thiền bên trong. Nhiệm vụ hoàn tất, bà Smith đứng nơi cổng hang động, và với giọng nói rõ ràng bằng Anh ngữ, từng chữ, bà nói một câu mà bà chờ đợi để nói từ nhiều năm, từ khi con bà bước ra khỏi nhà:

“Sheldon.... Đủ rồi. Má đây con. Về nhà đi con.”

Nhà sư Lama Surya Das cho câu chuyện ngưng ở đó. Người ta không rõ vị đạo sư có rời thiền định để bước ra hay không. Nhưng chuyện này được kể nhiều trong giới Jubu, không rõ thực hư bao nhiêu phần trăm.

Theo nhà văn Ellen Frankel, viết trên trang Huffington Post ngày 24 tháng 1/2013, rằng ước tính tới 30% Phật Tử Tây Phương (hiểu là Hoa Kỳ, Anh, Pháp...) có mang trong người dòng máu Do Thái.

Nhà khoa học gốc Do Thái nổi tiếng nhất thế giới là Albert Einstein. Ông sinh trong một gia đình Do Thái thế tục tại Đức quốc, học bậc tiểu học trong một trường Công giáo ở Munich. Có một số email thường gặp trong cộng đồng người Việt nói rằng Einstein đồng ý với quan điểm Phật Giáo, một số khác nói rằng ông theo

Ky Tô Giáo. Thực sự phức tạp hơn nhiều.

Einstein dùng nhiều nhãn hiệu để tự nói về quan điểm tôn giáo của ông ([https://en.wikipedia.org/wiki/](https://en.wikipedia.org/wiki/Religious_and_philosophical_views_of_Albert_Einstein)

[Religious and philosophical views of Albert Einstein](https://en.wikipedia.org/wiki/Religious_and_philosophical_views_of_Albert_Einstein)

) trong đó nói rằng ông chủ trương "agnostic" (bất khả tri), "religious nonbeliever" (kể không tin vào tôn giáo), và là một người tin vào "Spinoza's God" (mô hình Thượng Đế của Spinoza, nghĩa là Thượng Đế như nguyên lý, chứ không phải vì Thần Linh hình người). Einstein nói rằng ông không tin vào những câu chuyện trong Kinh Thánh Ty Tô ông học thời nhỏ, và Do Thái Giáo cũng chỉ là dị đoan rất trẻ con (... *the Bible a collection of honourable, but still primitive legends which are nevertheless pretty childish* — link: <https://www.theguardian.com/science/2008/may/12/peopleinscience.religion>). Có lúc Einstein tự nói về mô hình Thượng Đế như "pantheistic" (phiếm thần, nghĩa là Thượng Đế đồng nhất với vũ trụ), nhưng rồi có lúc ông nói là ông cũng không phải phiếm thần.

Có một câu nói thường được trích dẫn và ghi là của Einstein, nhưng nhiều nhà nghiên cứu nói rằng Einstein chưa bao giờ nói câu này: “*Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo vũ trụ... Nếu có bất kỳ tôn giáo nào đáp ứng được nhu cầu khoa học hiện đại, đó sẽ là Phật Giáo.*” Thực tế, người ta không hề tìm ra câu nói đó trong bất kỳ tác phẩm nào của Einstein.

Theo giáo sĩ Do Thái Giáo Rabbi Rami trong bài viết trên tạp chí *Spirituality & Health* và đăng lại trên trang nhà riêng của ông, có nhiều lý do Phật Giáo quyến rũ nhiều người gốc Do Thái.

Một số lý do quan trọng nhất là, theo Rabbi Rami:

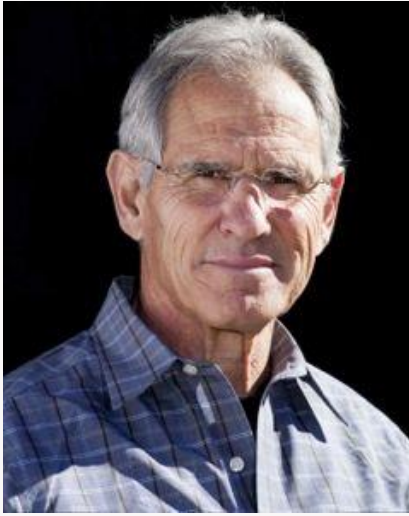
- Người ta có thể tu học Phật pháp mà không cần học tiếng Pali (Nam Phạn), tiếng Sanskrit (Bắc Phạn), Tạng ngữ, Hoa ngữ, Nhật ngữ. Trong khi đó, theo Do Thái Giáo mà không học cổ ngữ Hebrew là hỏng.

- Phật Giáo là vô thần, không tin một Thượng Đế Tạo Hóa; trong khi hầu hết (nếu không phải đa số) người Do Thái Giáo Hoa Kỳ nghĩ rằng Đấng Thượng Đế Tạo Hóa kia đã chết trong lò thiêu người ở Auschwitz.

- Không giống như tín đồ Công Giáo, Tin Lành và Hồi Giáo, Phật Tử không bao giờ tìm cách cải đạo, ép buộc, tra tấn và tàn sát người Do Thái Giáo.

- Bạn có thể tu học Phật Pháp mà không cần chính thức quy y.

- Phật Pháp có thể thử nghiệm, có thể ứng dụng... và có thể chứng minh. Phật Tử nói về bản chất khổ, về dứt khổ, về tương tác (duyên khởi) của đời sống, về vô thường. Tất cả những điều nói lên đó, ai cũng có thể chứng ngộ qua thiền tập. Trong khi Do Thái Giáo nói về Thượng Đế Tạo Hóa, về dân tộc Do Thái được Chúa chọn riêng, về đức tin mà không cần chứng minh. Nhưng đức tin đó không còn bao nhiêu ở người Do Thái Hoa Kỳ. Phật Giáo nhiều phần là khoa học, hơn là tôn giáo, và



GIÁO SƯ JON KABAT-JINN

như thế phù hợp với tâm thức người Do Thái Hoa Kỳ. Đó là lý do dân Do Thái Hoa Kỳ ưa thích Phật Giáo.

Tới đây, chúng ta có thể nghĩ tới một tương lai: sẽ có thêm rất nhiều người Jubu rời bỏ luân Do Thái Giáo để sống thuần túy là Phật tử, vì với thời gian, khoa học sẽ ưu thắng hơn, trong khi Phật Pháp sẽ hiển lộ thêm sức quyến rũ thực tiễn, lợi ích và khả dụng. Phong trào đưa thiền tập vào sử dụng ở bệnh viện, trường học, quân đội, nhà tù... cũng là một cách tiếp cận mới. Không cần cải đạo ai, không cần ép buộc ai... trong khi hạnh phúc và lợi ích ai cũng có thể chứng nghiệm được tức khắc, ngay khi tu học Phật pháp, ngay ở đây và bây giờ.

Như thế, người Do Thái Hoa Kỳ không cần cầu nguyện Đấng Tạo Hóa nào, không cần mơ tới thiên đàng nào, những đấng và cõi mà Albert Einstein gọi là chuyện của trẻ con.

Và trong cương vị cá nhân, mỗi khi người viết mở ra những bản Anh dịch của Nyanaponika Thera, của Bhikkhu Bodhi... sâu thẳm trong lòng vẫn biết ơn các Phật Tử Jubu vô cùng tận— họ đã sống chánh pháp, và rồi đã hộ pháp, đã hoằng pháp trong những cách siêu xuất tuyệt vời.

CÁT HOA

*Lưu ly trong tỏ xưa thân cát
Say đắm yêu thương đến thần thờ
Bồng dung chợt thấy mình hoa cát
Vô tướng vô tình rỗng chữ thơ.*

ĐI RONG

*Mỗi sáng khi vừa tỉnh
Nhẹ nhàng mở mắt ra
Nhìn trông xem vào những
Nắng sớm có về qua*

*Lắm khi tia nắng ấm
Sáng rỡ óng mượt mà
Huyền ảo lung linh tuyệt
Ngây ngất ánh màu hoa.*

*Đôi khi tia nắng ấy
Dịu quá đã không qua
Lãng đãng trời vào lạnh
Mây xám vương là đà*

*Và rồi trời lặng trong
Mây xám đã đi rong
Ánh rực vàng dương sáng
Trống chi như còi lòng.*

thơ HOA CÁT PHAN VĂN



TRÁI CÂY

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Trái cây hay quả được thành hình từ phần bầu nhụy của hoa. Trái cây thường có hai phần: phần thịt mọng nước có thể ăn được và hạt cứng.

Ngược lại với rau được dùng như món ăn chính, trái cây thường là món ăn thêm, điểm tâm, tráng miệng hoặc ăn vặt. Trái cây là thực phẩm ưa thích của loài người vì tính cách bổ dưỡng và tiện lợi của nó.

Thành phần dinh dưỡng

Nhiều nhà dinh dưỡng quả quyết rằng trái cây là "bạn đường của sức khỏe" vì nó có đầy đủ những chất dinh dưỡng cần thiết để duy trì một đời sống lành mạnh.

1. Nước

Cơ thể cần từ 2-3 lít nước mỗi ngày để giữ nhiệt độ bình thường, để làm trơn các khớp xương, để lưu chuyển dưỡng chất nuôi tế bào, để làm huyết tương chứa hồng cầu, bạch cầu, để làm vật chống đỡ cơ thể...

Nước trong trái cây rất nhiều, tươi mát mà lại là loại nước tinh khiết, không nhiễm trùng hay virus. Nước từ lòng đất, được cây hút lên, chế biến, đặt vào trái để ta dùng mà không cần mất công đun nấu, gạn lọc. Dùng nước này ta không còn sợ bị các bệnh như tiêu chảy, khó chịu bao tử, không sợ bị những ô nhiễm của bụi đất hay hóa chất trong không gian.

2. Chất đạm

Chất đạm cần thiết cho sự cấu tạo các loại tế bào, chế tạo kích thích tố trong cơ thể.

Thường thường khi nói tới chất đạm là ta nghĩ ngay tới một miếng bit-tết, một đùi gà quay... vì đây là nguồn cung cấp chính. Nhưng loại chất đạm này có nhiều mỡ béo mà gần đây con người đã lạm dụng và phụ thuộc nó, nên gây ra nhiều bệnh hoạn.

Rau trái cũng có một nguồn chất đạm đáng kể, tất nhiên là ít hơn thịt cá, nhưng dễ tiêu và không có cholesterol. Ta hãy nhìn vào các vị tu hành, không ăn thịt động vật, chỉ ăn rau trái, mà cũng đủ chất đạm cho cơ thể, sức khỏe vẫn tốt, thần sắc hồng hào, tinh thần minh mẫn, phục vụ đạo giáo và tín đồ không mỏi mệt.

Đạm trong trái cây có đủ tám loại amino acid cần thiết mà cơ thể không tự tạo ra được và phải do thực phẩm cung cấp.

Những trái hạt như đậu phộng, hạt hạnh nhân, quả óc chó (walnut), trái bơ... có rất nhiều đạm.

Một ưu điểm khác của chất đạm từ thực

vật là chúng được tiêu hóa dễ dàng. Ăn một miếng thịt cần 8 giờ để chuyển hóa, trong khi đó ăn một hỗn hợp trái cây chỉ cần nửa giờ là cơ thể đã có đầy đủ số lượng chất đạm này.

3. Chất carbohydrat

Carbohydrat cung cấp năng lượng cho chức năng của cơ thể dưới hình thức các loại đường hoặc tinh bột.

Trái cây có loại đường đơn thiên nhiên *fructose*, sẵn sàng được hấp thụ và có khả năng cung cấp năng lượng mà cơ thể cần ngay. Đường này dễ tiêu, nhập vào máu từ từ nên không gây xáo trộn cho mức độ insulin do tụy tạng tiết ra.

4. Chất béo

Khi ăn nhiều chất béo thì không tốt, nhưng cơ thể cần một lượng tối thiểu để duy trì sự tăng trưởng của tế bào, tích trữ năng lượng, cấu tạo thành phần của hệ thần kinh, sản xuất kích thích tố. Trái cây như chuối, bơ, oliu, đào lộn hột... có một ít chất béo và hầu như không có cholesterol.

5. Khoáng chất và sinh tố

Cơ thể cần một lượng rất nhỏ khoáng chất và sinh tố để điều hòa mọi chức năng cũng như để tăng trưởng, sinh sản. Trái cây có đầy đủ những chất này dưới dạng hoàn toàn tự nhiên, không pha lẫn hóa chất, dễ tiêu và vừa đủ cho nhu cầu hàng ngày. Tuy nhiên trái cây thường không có hoặc có rất ít sinh tố B12.

Lựa và cất giữ trái cây

Trái cây là sản phẩm mà thiên nhiên cung cấp, sẵn sàng để con người sử dụng mà không cần nhiều thời gian biến chế, sửa soạn.

Để trái cây thêm ngon, cần có sự lựa chọn



kỹ càng, cất giữ đúng cách, rồi ăn đúng lúc.

Khi bày bán trên thị trường, người ta thường phun hóa chất lên trái cây để giữ trái lâu hư cũng như để trái cây có vẻ tươi, đẹp, hấp dẫn. Vì thế, cần rửa sạch hoặc gọt vỏ trước khi ăn.

A) Trái cây tươi

Mùa nào trái đó. Mua đúng mùa đúng lúc thì trái cây ngon hơn và rẻ hơn.

Lựa trái cây không khó khăn nếu ta để ý một chút. Điều cần nhớ là không mua vì giá rẻ nhưng mua vì dùng được hoặc để dành được. Nếu không có nhu cầu trang trí, chúng bày cho đẹp mắt thì bề ngoài của trái hơi có tí vết một chút cũng không ảnh hưởng tới phẩm chất của trái.

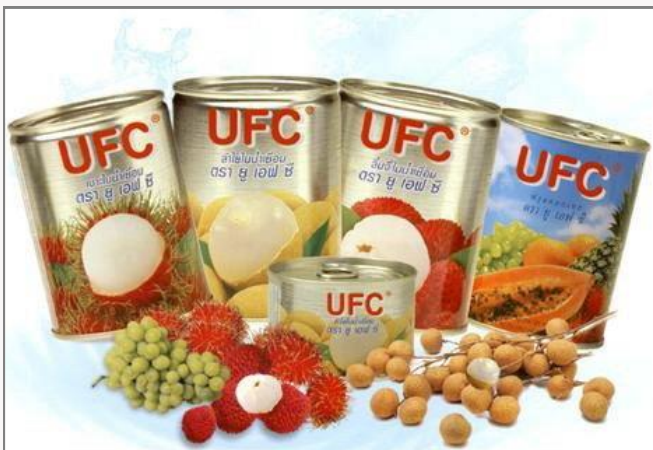
Cũng nên nhớ rằng, hầu hết trái cây được xịt một lớp hóa chất để tăng màu tươi, tạo vẻ ngoài đẹp hơn, nên nhiều khi "thấy vậy mà không phải vậy".

Khi mua về, trái chín cần được giữ trong tủ lạnh để tránh mau hư. Trước hết, lựa riêng trái hư, trái chưa chín hẳn. Không nên làm trái mau chín bằng cách phơi nắng vì các tia tử ngoại, hồng ngoại có thể làm phân hủy vài loại sinh tố.

Rửa và lau khô những trái cây có vỏ cứng và trơn tru. Trái có vỏ mỏng như nho, quả anh đào (cherry), các loại trái nhỏ mong nước (berry) như phúc bồn tử (raspberry), ô rô (holly berry), trái mâm xôi đen (black berry)...thì không cần rửa khi cất giữ vì nước đọng làm trái mau hư, nhưng đừng quên rửa trước khi ăn.

Đừng vật bỏ cuống hoặc chóp của trái, tránh làm tổn thương tới tế bào của trái.

Tủ lạnh cần giữ ở nhiệt độ từ 15°C tới 21°C, không ẩm. Tốt hơn hết là giữ trái trong hộp kín để không khí không làm khô trái, nhưng nếu đựng trong túi nylon thì lại nên chọc thủng vài lỗ nhỏ để thoát hơi và độ ẩm. Giữ kỹ như vậy, trái có thể để dành được khá lâu.



B) Trái cây đóng hộp

Với trái cây đóng hộp, cần coi kỹ nhãn hiệu có ghi rõ ràng tên trái cây, số lượng, tên và địa chỉ nhà sản xuất, nhất là hạn sử dụng.

Tuyệt đối không mua sản phẩm quá hạn dù giá rẻ.

Tránh những hộp bị rò rỉ, không khí vào làm hộp phồng lên. Hộp móp vào không sao, trừ phi vết lõm làm rách hộp và để không khí lọt vào.

Trái cây hộp thường được bảo quản bằng nước đường cho khỏi hư và đường càng ngọt thì giá càng cao nhưng thời gian bảo quản lâu hơn. Đôi khi trái cây được giữ gìn với nước thường hoặc nước ép trái cây.

Trái cây hộp có thể giữ trong phòng ở nhiệt độ không quá 25 °C, thoáng khí, không ẩm và có thể để dành cả năm mà phẩm chất vẫn tốt, miễn là hộp không rò rỉ và không quá hạn sử dụng do nhà sản xuất ghi trên hộp.

C) Trái cây đông lạnh

Trái cây này cũng rất ngon.

Khi mua lựa thứ đông cứng nguyên cục, chứ nếu chảy nước hoặc hơi mềm là bắt đầu rã đá và hư. Mang về, nếu chưa ăn, cần bỏ vào tủ đông lạnh với nhiệt độ bằng hoặc dưới độ đông lạnh. Giữ như vậy trái vẫn còn tốt tới một năm.



D) Trái cây khô

Trái khô cần được bán trong túi sạch sẽ và bọc kín. Trái phải mềm dẻo nhưng chắc, màu tươi sáng, không lốm đốm mốc meo. Trái khô có thể giữ ngoài tủ lạnh, với nhiệt độ trong nhà dưới 75°C trong vòng nửa năm. Nếu trời nóng quá và ẩm quá thì nên để trái cây khô trong tủ lạnh, nhất là sau khi đã mở ăn dở dang, để tránh nấm mốc.

Nướng trái cây

Khi nướng, trái cây có thể là món ăn phụ thay thế cho thịt. Nướng không mất nhiều thì giờ, nhưng cần được ăn ngay.

Trái được gọt vỏ, cắt đôi, xếp úp lên vỉ hoặc chảo, quét bơ và nước trái chanh lên mặt, nướng độ mười phút cho tới khi mặt trái hơi nâu. Giở sang mặt kia rồi cũng quét bơ, nước chanh thêm chút đường, quế bột, nướng thêm vài phút cho tới khi nâu vàng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

THẦN CÂY ĐA

Thời xưa và cả thời nay
Số người mê tín, buồn thay, quá nhiều!
Họ mê muội tin đủ điều
Gặp cây cổ thụ họ đều van xin
Tin rằng chắc có thần tiên
Nơi đây cư ngụ đầy quyền phép cao
Tin rằng cầu khẩn ước ao
Nếu thần giúp đỡ thế nào cũng xong.

*

Nơi miền bắc Ấn mênh mông
Có cây đa mọc trong vùng Ka-Si
Thân to lớn, đáng lạ kỳ
Nên chàng buồn nợ đang đi chợt dừng
Ghé vào khấn chẳng ngại ngừng
Tin rằng thần ngự trên từng cây cao
Giúp anh thoả nguyện ước ao
Thời anh lẽ tạ đâu nào dám quên
Sát sinh để cúng tế liền
Trà ơn thần thánh linh thiêng giúp mình.
Bất ngờ ước nguyện đạt thành
Nào ai hay biết duyên lành từ đâu
Thánh thần quyền phép nhiệm mầu?
Hay là ma quỷ giúp nhau chuyển này?
Riêng anh tin chính thần cây
Đáp lời cầu khẩn ra tay giúp mình
Nên anh muốn đáp ân tình
Vội lo tổ chức sát sinh cúng thần.
Lời cầu xin lớn bội phần
Cho nên lẽ tạ cũng cần lớn theo,
Anh mua súc vật rất nhiều
Dê, lừa, cừu với bao nhiêu là gà
Cúi gom gần gốc cây đa
Chỉ chờ châm lửa thiêu là cúng ngay
Lễ xin dâng cúng thần cây,
Tội thay súc vật đọa đày xác thân.

*

Chợt đâu xuất hiện vị thần
Nhìn anh lên tiếng khuyên răn chân thành:
"Anh từng khấn hứa thần linh
Giúp cho công việc của mình thành công
Giờ đây kết quả đã xong
Bày ra cúng tế cầu mong đáp đền.
Nhưng sát sinh chỉ thêm phiền
Chỉ mau sa đọa vào miền đốn đau
Việc làm độc ác trước sau
Thời bao quá xấu đến mau tức thời
Phải qua nhiều kiếp luân hồi
Luân phiên trả nghiệp ai người thoát qua

Ngưng ngay hành động xấu xa
Để cầu giải thoát thân ta sau này!
Còn như anh nghĩ tại đây
Quả là có vị thần cây ẩn tàng
Thì sao anh lại nghĩ rằng
Thần linh chỉ thích được dâng thịt thà
Mà không chỉ hưởng hương hoa?"
Thần cây khuyên nhủ xong là biến đi.

*

Chàng buồn mê tín ngu si
Nghe xong chợt hiểu những gì đúng, sai
Kể từ ngày đó gặp ai
Chàng luôn can gián mọi người sát sinh:
"Chớ hề giết loài hữu tình
Sống theo chánh pháp, nghiệp mình hưởng vui!"

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi

THE GOD IN THE BANYAN TREE

của Ven. Kurunegoda Piyatissa & Tod Anderson)



NHẬN DIỆN TIỀN THÂN
Vị thần trên cây đa là tiền thân Đức Phật.

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



DU SĨ

Xưa có vị du sĩ vân du bốn phương trời để tìm hiểu cái nhà, trải qua tháng năm mà vẫn chưa thấy, cho đến một hôm ông đứng trước một cái mà ông tin là nhà:

- Cuối cùng ta cũng thấy được cái nhà.

Vừa lúc ấy có tiếng thì thầm:

- Bọn tôi là gạch, đá, gỗ, thép, công thợ... hợp lại với nhau, mai kia hết duyên chúng tôi lại tan ra chúng tôi không phải là nhà và cũng không biết nhà là gì!

Bấy giờ thì ông ấy chợt tỉnh ra bèn cười toáng lên:

- Ngã là ta, ta tỉnh ra, ta không ngã.



MỘT GIẢI CHIA HAI

Vận nước dờ dang, thầy cùng tứ chúng phiêu bạc bốn phương, cuối cùng cũng đậu được bến bờ bình an. Thầy tiếp tục hoằng pháp lợi sanh, có lần thầy bảo:

- Trong họa có phước, chúng ta lưu lạc nhưng lại gặp được môi trường sống tốt hơn lại còn tự do truyền bá chánh pháp nhưng lòng thầy vẫn nhớ thương cố quận.

Một đêm trăng nọ thầy đi dọc bờ biển vắng và vạch lên bãi cát:

Một đêm biển vắng thì thăm

Thái bình đồng vọng triều âm hải hà

Trăng rằm trên sóng hằng sa

Nước non một giải Ta- Bà chia hai.

TIỀN BẠC

Mồ mè tiền lắm, cắc ca cắc cùm để dành, chẳng dám chi tiêu. Vợ con khổ sở vì tánh tham lam keo kiệt của mồ:

- Cửa nặng hơn người!

Bao nhiêu nước mắt đổ ra cùng những lời tâm huyết nhưng mồ chẳng động tâm, cuối cùng chịu hồng nổi phải bỏ đi, ấy vậy mà mồ còn nói:

- Đi đâu thì đi, tiền của ta không đi là được rồi!

Rồi mồ chết, hồn đọa nhưng vẫn tiếc tiền ngày đêm quanh quẩn nơi chôn bạc nhưng chẳng làm sao thỏa mãn được. Mồ khóc:

- Ta có bạc với tiền đâu mà tiền bạc với ta!

VĂN TỰ

Quốc độ bất an, dân tình bí bách, triều đình xa họa, quan lại hà khắc, xã hội nhiều nhưng, đạo đức suy đồi... Nhiều người nặng lòng với nước bèn lên tiếng kêu gọi chấn tác. Những tướng triều đình lắng nghe nào ngờ bị xoi mói từng câu chữ, bị đánh đập, thậm chí phong tỏa cả đường sống. Đã thế còn nuôi một lũ lâu la ngày đêm rình mò dò xét lời ăn tiếng nói. Nhiều người ta than:

- Xưa có ngục văn tự, nay có họa văn tự!

Quan cười gằn:

- Ông bỏ tù hết ráo, kẻ nào dám bôi nhọ triều đình!

MÀY XỎ XIÊN TAO

Bão tan, quan cùng bộ sậu mừng:

- Minh khai khống xin tiền.

Nói xong kéo nhau đi thị sát thấy nhà cửa tan hoang, cột điện gãy trơ lõi không sắt, nhiều công trình sập... đặc biệt nhiều cây to đổ. Tay trợ lý lanh chanh:

- Cây to sum xuê vậy mà gốc rễ không có, ruột mục rỗng... nên đổ là phải!

Quan khen:

- Ừ, người nói chí phải!

Chứng lát sau quan giật mình chợt dạ:

- Hừm, mây xỏ xiên tao phải không?

Gã đàn em biết mình hớ, sụp lạy:

- Cẩn cơm cắn cỏ, em thề không có ý đó, em trung thành với anh!

ĂN VẠ

Quận Bắc Cao nghèo nàn lạc hậu, dân thống khổ trăm bề thậm chí chết đói. Ấy vậy mà thái thú họ Trư vô cùng tàn độc, y có bảo bối có thể giết vạn nên dùng nó để ăn vạ:

- Ông sẽ hủy diệt chúng mày, cho chúng mày thành bình địa!

Các quận láng giềng sợ vạ nên rù nhau góp cho y bị bạc, trở ăn vạ thế mà có hiệu lực kể từ đời cha của y. Giang hồ giận lắm nhưng không làm gì được. Thiên hạ kháo nhau:

- Y ngông cuồng vì hai đại ca: Bạch Hùng và Hồng Long bảo kê!

Thành Ất Lăng, 10/2017



Vui trong đau khổ

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

Một hôm, Đức Phật cùng đệ tử vào thuyết pháp trong thành La Duyệt Kỳ, lúc ra về gặp chành thanh niên đang lừa một bầy bò vừa ăn no, chúng nhảy vọt vào húc nhau. Thấy vậy, Đức Phật nói mấy bài tụng sau đây:

"Người đi chăn đưa roi chăn, lừa bầy bò; Cũng như thế già chết chăn nuôi và lừa kéo sinh mạng đi mà nào ai có biết!"

Xưa nay, hàng trăm hàng ngàn người chứ không phải một, chứa chất của cải cho lắm, cung dưỡng thân thể cho nhiều, nhưng rồi không ai khỏi điêu tàn chết chóc.

Sống nghĩa là ngày đêm sinh mạng bị công kích, bị tước dần, cho nên sự sống bị tiêu mòn đi in như bở đất bị nước soi lở."

Lúc về Tịnh xá, tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vừa rồi

trên đường về Đức Phật có nói ba bài tụng nhưng chúng con không hiểu hết ý nghĩa, xin Thế Tôn từ bi chỉ giáo cho.

- A Nan! Trên đường về vừa rồi ông có thấy người lừa bầy bò không?

- Bạch có.

- Người ấy là người thợ thịt. Bò của anh ta cố đến ba ngàn con, cứ ngày lừa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tốt cho ăn rồi lừa con nào to béo thì làm thịt để bán. Giết hơn một nửa rồi mà bầy bò ấy không con nào biết số phận của mình ra sao cả. Chúng vẫn thản nhiên vui vẻ, húc nhau, nhảy vọt, kêu rống, ăn chơi... Ta cảm thương chúng nó nên mới nói mấy bài tụng vừa rồi. Nhưng A Nan này! Có phải riêng chỉ người chăn bò và bầy bò ấy mới như thế đâu, nhân loại cũng có lắm người vui mình trong hoàn

cảnh tương tự như thế. Họ chấp trước "Bản Ngã," không biết bản ngã chỉ là sự chuyển biến liên tiếp, vì thế, họ tham lam dục lạc, cung dưỡng thân xác, rồi sung sướng khoái chí họ sát hại lẫn nhau, húc chết sự sống của nhau mà không biết là mình đang húc nhau với cái chết! Trong khi đó, bên cạnh sự sống, vô thường chết chóc nhanh lẹ tiến đến, thế mà họ vẫn ngang nhiên không hay không biết, có khác gì bầy bò kia?

Phật dạy như thế, trong số được nghe có những người xưa nay cung dưỡng thân thể quá đáng liền tình ngộ, tự cố gắng khuyến khích mình sống theo sự thật. Nhờ thế, nên không bao lâu họ đều chứng được vô sanh.

Hồng Mai



MẸ VÀNG TRĂNG THÁI KHÔNG

Mẹ vàng trăng sáng tỏ
Soi nẻo đường con đi
Càng ngày con càng rõ
Tâm Mẹ luôn từ bi.

VỀ ĐẸP QUANH TA

Con đường mới quanh co khúc khuỷu
Từng bước chân thanh thản điềm nhiên
Cây cao thấp giữa thiên nhiên
Có cùng vẻ đẹp triền miên bạt ngàn!

NGÔI THIÊN DƯỚI TRĂNG

Ngôi Thiên gió mát trăng thanh
Lung linh ánh nguyệt
Long lanh tâm mình.
Tâm lặng lẽ
Giữa sinh linh
Rõ ràng thường biết
Cõi tình
N hư Lai.

BẮT ĐỘNG

Trăng thanh vàng vặc sáng
Giữa núi đồi còn con
Tiếng côn trùng ní non
Phật ngồi yên bất động

Ta có đi trong mộng?
Hay thánh địa linh thiêng
Rõ ràng chốn thiên viên
Tâm bất sinh bất diệt.

HƠI THỞ NHẸ

Sáng nay Trăng qua núi
Vân thanh tao nhẹ nhàng
Nhìn Trăng không dính mắc
Hơi thở này nhẹ tan.

NHÌN TRĂNG THẤY GÌ?

Nhìn trăng ánh sáng tám chiều
Tưởng gần, không phải, mỹ miều rất xa
Tịch lặng Phật tánh trong ta
Trở về tánh Phật rỗng rang nhiệm màu

BỨC TRANH BAN TRƯA

Ngôi đây gió mát nắng hanh
Phong cầm sáu nhịp xanh xanh cõi này
Duy trì tỉnh thức quanh đây
Ô kìa thanh thoát áng mây qua đồi.

Thấy trăng tạp niệm trong đầu
Khởi lên, bỏ xuống dính đầu niệm này
Ánh trăng vàng vặc lung lay
Điều thân hơi thở mây may nhẹ nhàng

Trăng vàng cùng gió mùa sang
Từ bi, tĩnh lặng bước ngang tâm mình
Rọi soi Phật tánh lung linh
Thường hằng thanh tịnh lặng thình mỉm cười.



thơ BẠCH XUÂN PHÊ

CHÁO DƯỠNG SINH

Tâm Diệu



Nói đến cháo, đối với những người Phật Giáo là phải nhắc đến một chi tiết nhỏ nhưng vô cùng quan trọng vào thời kỳ bình minh của Phật Giáo. Đó là bát cháo sữa do tay nàng Sujata nấu dâng cúng Đức Thích Ca trước khi Ngài thành đạo. Sau khi thọ dụng bát cháo nhiều dinh dưỡng ấy Ngài đã ngồi thiền định suốt 49 ngày liền và sau đó Đức Thích Ca đã giác ngộ thành Phật. Có lẽ bát cháo đã giúp sức cho Ngài và nó đã trở thành món ăn quan trọng trong tăng đoàn, được xem như là một thứ dược phẩm và thường được Đức Phật nhắc đến trong kinh điển.

Ngày nay món cháo rất đa dạng, phổ thông và thịnh hành, từ thôn quê đến thành thị, từ nước nghèo đến nước giàu đâu đâu cũng có món này. Cháo mặn có nhiều thứ và cháo chay cũng nhiều thứ. Trong phạm vi bài này người viết xin giới thiệu món cháo chay nhiều bổ dưỡng cho sức khỏe mà người viết đã áp dụng trong suốt 20 năm qua. Đó là món CHÁO DƯỠNG SINH.

Trước đây, thành phần chính của cháo là gạo, nhà giàu dùng gạo trắng còn nhà nghèo dùng gạo xấu, chưa chà sắt, nấu chung với các thành phần phụ khác là một hay nhiều loại đậu khác nhau và một ít củ quả. Ngày nay, theo các nghiên cứu khoa học thì gạo cho rất nhiều chất tinh bột (99%), rất ít chất đạm và rất ít chất xơ, nên không mấy tốt cho sức khỏe. Vì thế họ đã khuyến khích nên dùng hạt yến mạch (oatmeal) thay thế gạo trong việc chế tác các món ăn như món cháo chẳng hạn.

Ngoài ra, theo các nhà nghiên cứu khoa học ngày nay cho biết 90% các chứng bệnh mãn tính ở Mỹ như bệnh tim mạch, ung thư đường ruột đều có thể tránh được nếu biết dinh dưỡng đúng phép. Họ khuyến khích nên ăn sáng bằng những loại ngũ cốc có nhiều chất xơ như oat meal, quinoa và gần đây loại hạt Chia seed (Salvia Hispaniola) vì chúng có nhiều chất omega 3 acid và giúp cho no lâu, có nhiều năng lực. Hạt Chia giúp tránh được bệnh tiểu đường và bệnh tim mạch hết sức phổ biến ở Mỹ. Hiện nay ở Mỹ có khoảng 22 triệu người bị bệnh tiểu đường làm cho ngân sách Y tế tốn trên 200 tỷ USD mỗi năm.

Bữa ăn sáng rất quan trọng, giúp cho cơ

thể có đủ năng lực hoạt động trong ngày và đường trong máu được ổn định. Vì thế món cháo chúng tôi đề nghị bao gồm năm thứ hạt mà chủ yếu là yến mạch. Bốn thứ còn lại là kiều mạch (buckwheat), hạt kê (tên phổ thông là millet, tên khoa học là Panicum milia-ceum), hạt quinoa, hạt Chia. Những hạt này đều giàu chất xơ, chứa nhiều loại vitamins, chất omega 3 acid và khoáng chất, lại có chỉ số đường huyết thấp, có khả năng làm giảm lượng cholesterol trong máu, giúp giảm áp huyết và ổn định đường huyết cùng là ngăn ngừa bệnh ung thư kết tràng.

Trước khi đi vào cách nấu cháo, chúng ta hãy tìm hiểu xem thành phần món cháo này như thế nào dưới con mắt của các nhà nghiên cứu khoa học.

(1) YẾN MẠCH (OATMEAL): Hạt yến mạch thường được các nhà thương mại hấp rồi cán thành những miếng dẹp nhỏ để bán trên thị trường. Có thể ăn sống hoặc nấu chín. Hàng ngày ăn 3/4 chén oatmeal (3/4 cup) có thể làm hạ cholesterol xấu, làm chậm tiến trình chuyển hóa thực phẩm [1], và ổn định mức đường trong máu vì oatmeal chứa loại chất xơ hòa tan (soluble fiber) [2]. Trong năm 1997 cơ quan FDA của Mỹ đã quyết định cho dán nhãn hiệu chứng nhận là "có khả năng giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch" vì có nhiều water-soluble fiber và beta-glucan trong oat-meals [3]. Ngoài ra oatmeals còn chứa 7 thứ B vitamins, vitamin E, và 9 loại chất khoáng minerals, bao gồm chất iron và calcium. (Hình bên trái)





(2) DIÊM MẠCH (QUINOA): Hạt quinoa [4] được mệnh danh là “Queen of Grains” hay “Supergrain”, là món quà của Thượng Đế dành cho dân tộc Incan Nam Mỹ. Nó trông giống như hạt kê nhưng có màu xám, là một loại thực phẩm toàn hảo vì cung cấp hầu hết các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Quinoa cung cấp những lượng đáng kể của 20 loại amino acid khác nhau mà cơ thể sử dụng để bảo trì và sửa chữa các mô tế bào, kể luôn tất cả những “bloc” kiến tạo amino acid- protein thiết yếu mà cơ thể không thể tạo ra được và phải trông cậy vào thực phẩm (*các protein động vật cũng làm được việc này nhưng thường có nhiều calori và chất béo hơn quinoa*). Về hàm lượng vitamins, calcium, khoáng chất và fiber thì quinoa cũng hơn hẳn những loại ngũ cốc khác như lúa gạo, lúa mì, lúa mạch và bắp. Một nửa (cup) quinoa cung cấp khoảng 50% nhu cầu hàng ngày về magnesium, cũng như một đôi chút chất sắt và potassium. Chúng cung cấp gấp 2 lần lượng chất xơ và protein so với gạo. Những protein đó bao gồm cả một hỗn hợp amino acid gần như hoàn hảo, khi vào cơ thể sẽ được tập hợp lại dưới dạng những protein mới. Đặc biệt, quinoa không có chất gluten mà gần đây có nhiều nghiên cứu cho rằng tạo nên một số chứng bệnh ở trẻ em như Autism, ADHD hoặc gây dị ứng cho một số người. Ngoài ra, “theo một nghiên cứu của Đại học Wisconsin cho biết quinoa có hàm lượng chất đạm rất cao từ 15 đến 22% tùy từng loại, trong khi đó thì gạo lúc chỉ có 7.5%, lúa mì 12% và có gluten và gạo trắng thì thấp nhất chưa tới 2%”. [5]

(3) KIỀU MẠCH (BUCKWHEAT) Kiều mạch tên tiếng Nhật là soba, rất được người Nhật ưa chuộng. Họ thường pha 20% vào gạo để nấu cơm và biến chế thành loại mì gói tươi nổi tiếng với nhãn hiệu SOBA. Tương tự như quinoa, kiều mạch có đặc điểm không có chất gluten [6] và có chỉ số đường trong máu Glycemic thấp, gây tiến trình chuyển hóa đường glucose chậm hơn, làm đường trong máu cũng tăng chậm hơn [7] và do đó góp phần làm

giảm nhu cầu ăn vặt của con người, đồng thời gián tiếp làm giảm nguy cơ bị béo phì do ăn uống quá mức.

Thành phần dinh dưỡng chính của kiều mạch là chất Rutin lecithin và tám axit amin thiết yếu. Chất rutosid (Rutin) có đặc tính chống oxy hóa mạnh, có tác dụng tăng tính bền của thành mạch, giúp ngăn ngừa xơ vữa động mạch, tăng huyết áp (viêm võng mạc, ban xuất huyết) và làm giảm khả năng gây độc của cholesterol. Ngoài ra rutosid (Rutin) còn có tác dụng chống đông máu do làm giảm quá trình kết dính tiểu cầu. Dân chúng một số nơi dùng lá nấu canh ăn để tiêu và làm cho sáng mắt, thính tai. Các nhà khoa học Bệnh viện y học dân tộc quân đội (Trung Quốc) đã dày công nghiên cứu về kiều mạch và được ứng dụng tại bệnh viện để điều trị chứng mỡ máu cao cho hiệu quả rất cao [8]. Ngoài ra, trong kiều mạch còn có chứa 18% xen-lu-lô, giúp ngăn ngừa viêm dạ dày, ung thư trực tràng và ung thư kết tràng. Tại Việt Nam, vùng đồi núi Đồng Văn tỉnh Hà Giang có trồng nhiều kiều mạch.

(4) HẠT KÊ (MILLET) Hạt kê thuộc loại ngũ cốc có vỏ trấu như lúa mạch và lúa mì. Kê là một loại ngũ cốc không có gluten và được trồng khắp nơi trên thế giới. Khi nấu kê cũng cứng như gạo và có thể thay thế gạo được, ngoài ra hạt kê có chứa nhiều dinh dưỡng hơn gạo. Tuy hạt kê có ít chất xơ hơn trong các loại ngũ cốc khác, nhưng nó chứa rất nhiều chất khoáng, đặc biệt lượng sắt rất cao. Lượng Fluor trong hạt kê có tác dụng chống sâu răng. Nghiên cứu của các nhà khoa học tại Viện Dinh dưỡng Ấn Độ cho thấy, hạt kê còn có tác dụng lợi tiểu, ngừa sỏi thận, tiêu chầy và tiểu đường. Riêng những ai hay bị đau bao tử, mắc chứng khó tiêu dùng hạt kê trong chế độ ăn hằng ngày cũng sẽ có lợi. Kê còn giúp làm sạch miệng, chống hôi miệng do có công dụng làm chậm quá trình sinh sôi nảy nở của các loại vi khuẩn trong miệng. Dân chúng các quốc gia giàu có như Nhật Bản, Hàn



Quốc, thường dùng kê làm bánh truyền thống trong các dịp lễ tết. Ngoài ra họ còn thường xuyên pha trộn 10-20% hạt kê vào gạo nấu cơm ăn hàng ngày. Có thể đó cũng là một phần nguyên nhân tuổi thọ người dân Nhật bản, Hàn quốc ngày càng tăng cao. Tại Việt Nam, tỉnh Thái Bình có trồng nhiều loại kê này. (Hình bên phải)

(5) HẠT CHIA (CHIA SEED) Từ xưa hạt Chia là một loại thảo mộc đã được người Aztec miền Trung Mỹ trồng làm thực phẩm dành riêng cho các chiến sĩ ra ngoài mặt trận hoặc phải đi công tác xa, để giúp họ có được một sức chịu đựng dẻo dai khác thường. Hiện nay đã có nhiều khảo cứu công nhận khả năng chống lại bệnh tiểu đường và tim mạch của loại hạt này. Chia có tên khoa học là *salvia Hispaniola*, hạt nhỏ giống như hạt mè hoặc hạt é.

Những thí nghiệm cho thấy là hạt Chia khi được pha với nước thì có thể nở lớn gấp 12 lần và tạo nên một lớp gel mềm do chất soluble fiber. Nhờ lớp gel nên chất đường trong bao tử được thấm chậm và đều hơn nên có trị số glycemix index thấp, giúp tránh được bệnh tiểu đường. Nhờ có nhiều chất soluble và insoluble fiber nên hạt Chia giúp tránh được nhiều chứng bệnh đường ruột, kể cả ung thư ruột già. Về chất đạm protein thì hạt Chia có khá nhiều và dễ tiêu hơn là protein từ thịt. Đặc biệt nhất là hạt Chia có **loại lipid Omega 3, gấp 3 lần những loại hạt khác như flax seed hay lấy ra từ cá hồi, salmon**. Chia cũng có nhiều chất linolein acid, rất quan trọng cho việc biến dưỡng của protein và các hormones trong cơ thể. Ngoài ra còn một số khoáng chất quan trọng như calcium, boron và nhiều loại hóa chất gọi là long chain triglycerides chống lại bệnh đau tim nhờ bảo vệ các thành mạch máu, artery walls. [9]

Sau đây là công thức:

Nguyên liệu:

- Yến mạch (oatmeal) (3/4 cup)
- Kiêu mạch (buckwheat) (1/8 cup)
- Diêm mạch (quinoa) (1/8 cup)
- Hạt kê (millet) (1/8 cup)
- Hạt Chia xay nhuyễn (chia seed) (2 table spoons) hay Flax Seed

Cách làm:

Cho **kiêu mạch, diêm mạch** và **hạt kê** và **nước** vào một nồi tay cầm hoặc nồi thường.

Nấu 3 thứ này sôi lên và để nhỏ lửa khoảng 20 phút, sau đó thêm vào ¾ cup yến mạch và 2 table spoons **hạt Chia**. Chờ cho sôi lại rồi tắt lửa, đậy nắp và để yên khoảng 20 phút hoặc lâu hơn.

Nấu sôi cháo trở lại khoảng 5 đến 10 phút trước khi dùng.

Múc cháo vào từng tô, cho thêm chuối sắt lát, dâu Tây khô hay nho khô và dùng nóng.



LỤC BÁT CUỐI CHIỀU

*Lục bát viết lúc cuối chiều
 Nghe trong hơi gió động nhiều ru tư
 Lòng cảm như bị cầm tù
 Hắt hiu dồn lại mối dư ước mong
 Buồn thì ra ngắm phố đông
 Tội gì đóng cửa mà đong cơn sầu
 Buồn thì ta lại yêu nhau
 Tội gì ủ rũ cho mau cái già
 Ngoài phố những hoa là hoa
 Mua về ta cắm chặt nhà mới thôi
 Yêu đi cho trọn kiếp người
 Kẻo mai thác lại tiếc đời buồn tênh...*

thơ **BÙI KIM ANH**

CHÚ THÍCH

[1] Mỗi loại thực phẩm có tốc độ khác nhau để chuyển thành glucose lưu hành trong máu và trực tiếp cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động. Thực phẩm chuyển hóa nhanh làm tăng đường glucose trong máu nhanh. Đường glucose trong máu cao không dung hết sẽ được tự động chuyển sang chất béo để dự trữ, và hậu quả sẽ lên cân.

[2] Mayo Clinic Staff. Cholesterol: The top five foods to lower your numbers. MayoClinic.com, <http://www.mayoclinic.com/health/cholesterol/CL00002>.

[3] <http://en.wikipedia.org/wiki/Oatmeal>

[4] Diêm mạch

[5] The Asian-American Journal of Medicine Vo. XVI, 09-10-11 2010

[6] Thành phần chính để tạo nên độ dẻo dai của bột.

[7] Những món ăn có chỉ số đường huyết hay còn gọi là lượng đường trong máu sẽ có khả năng sản sinh nhiều hoocmon trong bộ máy tiêu hóa giúp ngăn chặn sự xuất hiện của "bệnh đói" và tạo cảm giác no.

[8] http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BB%81u_m%E1%BA%A1ch

[9] The Asian-American Journal of Medicine Vo. XVI, 09-10-11 2010

THỂ NÀO THÌ GỌI LÀ THƠ

Phan Quỳnh Trâm

Có lẽ thời điểm những câu “không phải thơ” xuất hiện nhiều nhất trong lịch sử văn học Việt Nam là vào thập niên 1930 trong cuộc tranh luận giữa Thơ Mới và thơ cũ. Cuộc tranh luận này kéo dài nhiều năm và đã được nhiều người nhắc nhở, bởi vậy tôi xin phép khôi nhắc lại đông dài. Tôi chỉ xin phép nêu ra vài ví dụ thú vị. Chẳng hạn, khi bài thơ “Tình già” của Phan Khôi ra đời và được các nhà thơ mới đón chào nồng nhiệt, coi đó như là một sự mở đường cho một trào lưu mới thì có không ít người phản đối, cho nó không phải là thơ. Ông Trình Tùng làm thơ chế giễu Phan Khôi và những người làm thơ mới như sau:

*“Trách bác Phan Khôi khéo rắc rối,
Nơi gương Hồ Thích làm thơ mới
Câu dài, câu ngắn chẳng ra sao,
Văn đụp, văn đơn nghe thật thối,
Hăng hái, Thị Kiêm diễn thuyết khen,
Nhiệt thành, Thế Lữ lao công mãi.
Phải chẳng muốn diễn ý tân kỳ?
Hay tại làm thơ cũ kém giỏi?”*

Những người thuộc phái thơ cũ chê thơ mới không phải là thơ; còn những người thuộc phái thơ mới thì cũng chê những người thuộc phái thơ cũ không tiếc lời. Với họ, thơ cũ không phải là thơ. Lưu Trọng Lư có mấy câu chế giễu thơ cũ:

*“Đôi lời nhắn nhủ bạn làng Nho
Thơ thần, thần thơ, khéo thần thơ
Nắn nét miến sao nên bốn vế
Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ.”*

Điều thú vị là ngay chính những người theo phong trào thơ mới cũng công kích thơ mới của nhau. Theo Thanh Lăng, trong cuốn Phê Bình Văn Học Thế Hệ 1932, trên báo Phong Hóa, Thạch Lam nhận xét về thơ mới của những nhà thơ mới không... mới theo kiểu mới của ông:

*- Cái đặc tính thứ nhất - và cũng lạ lùng nhất - là những bài đó không phải là thơ.
- Cái đặc tính thứ hai là không có vần.
- Cái đặc tính thứ ba là đọc lên nghe sang sảng như những mảnh sắt vụn người ta để trong bao gai mà xóc lên.
- Cái đặc tính thứ tư là không có nghĩa lý gì hết.
- Còn cái đặc tính thứ năm nữa, cái đặc tính này không phải của thơ, mà của người viết ra những thơ đó, cái đặc tính ấy là... xuẩn.*

Cũng trên Phong Hóa, Lê Ta (tức Thế Lữ), một trong những người được gọi là tiên phong

trong phong trào thơ mới, phê bình thơ của Nguyễn Vỹ rằng: *“Am hiểu âm luật, biết nói đến những chữ trật tự, quy tắc, biết chê sự hỗn độn, hồ đồ, lại biết ghét những cái ngớ ngẩn ngây ngô, mà viết ra những thơ như trên kia, thì viết làm gì?”* [1]

Rồi vào giữa thập niên 1950 khi thơ tự do của Thanh Tâm Tuyền xuất hiện, nhiều người cũng công kích kịch liệt. Họ cho đó là lối viết cầu kỳ, lập dị, tối tăm, làm dáng, và... không phải là thơ. Dĩ nhiên những người trong nhóm Sáng tạo cũng không phải là hiền lành. Họ cũng mạt sát lại những người chê bai họ với lý do thơ của những người ấy không phải là thơ. Các cuộc tranh luận về thơ tự do vào cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960 tuy không sôi nổi như cuộc tranh luận về thơ cũ và thơ mới trước đó những cũng kéo dài dây dưa khá lâu. Có người lúc trước đã kích thơ Thanh Tâm Tuyền nhưng sau đó lại hết lời ca ngợi ông (như trường hợp của Lê Huy Oanh trên tạp chí Văn, số đặc biệt về Thanh Tâm Tuyền).

Gần đây, trước những bài thơ đối mới của nhiều nhà thơ trẻ, một số người cũng chê bai tương tự. Họ cho đó không phải là thơ. Trước những lời chê bai ấy, nhà thơ Lý Đợi thuộc nhóm Mở Miệng, mỉa mai:

“Còn quý vị, những người đương thời của chúng tôi, không nhìn thấy chúng tôi (dù chúng tôi có cần hay không cần quý vị), bởi quý vị cứ nghĩ rằng chúng tôi không làm thơ. Vậy thôi, vậy là đủ đóng cửa nhận thức của mình lại mãi mãi, cho đến khi xuống mồ. So với thắm mỹ của quý vị, trong thắm mỹ của quý vị, từ lâu rồi chúng tôi đâu còn làm thơ.” [2]

Qua một số ví dụ kể trên, chúng ta thấy vấn đề thơ hay không phải là thơ là một vấn đề đã có từ lâu và rất phức tạp.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn mở đầu cuốn *Tìm Thơ trong Tiếng Nói* (Thanh Văn xuất bản ở Mỹ năm 1992) bằng cách nhắc lại một câu nói của Cao Bá Quát ngày xưa: “Phủ, thi chi, nan ngôn dã” (Ôi, cái chuyện thơ, nói thật là khó vậy). Tại sao thơ lại khó nói? Ngày xưa người Tàu cho là vì thơ ở ngoài lời (ý tại ngôn ngoại). Ngày nay người Tây phương cho là tại không thể làm các cuộc xét nghiệm DNA cho thơ được (“There is no DNA test for poetry”). [3] Shira Wolosky mở đầu cuốn *The Art of Poetry* (2001) bằng lời khẳng định: “Thơ có thể là nhiều thứ” (Poetry can be many things). Giannina

Braschi (người Puerto Rican, sinh năm 1953), một nhà thơ đa ngữ nổi tiếng (tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh-Tây Ban Nha, Spanglish) diễn tả hay hơn:

"Thơ là người đàn bà điên la hét. Mọi thứ đều dường như là thơ. Người điên nhìn lên cao. Mọi thứ đều dường như rõ đại. Người điên không hề sợ mặt trăng, không hề sợ lửa. Những vết cháy của xác thịt là thơ. Những vết thương của người điên là thơ. Tội ác của phù thủy đã là thơ. Điều kỳ diệu biết cách tìm thấy thơ của nó. Tinh tú không là thơ trước khi người đàn bà điên phát hiện ra nó."

(Poetry is this screaming madwoman. Everything seems poetry. Madmen gaze high. Everything seems madness. Madmen fear no moon, fear no fire. Burns of flesh are poetry. Madmen's wounds are poetry. The witch's crime was poetry. Magic knew how to find its poetry. The star wasn't poetry before the madwoman discovered it.)

Khi dịch thơ, tôi cũng tìm đọc khá nhiều lời phát biểu về thơ của các thi sĩ lớn và tôi nhận ra hình như không có quan điểm nào là được mọi người đồng ý. Người xưa cho thơ là sự tuần tra của cảm xúc và sự thể hiện của cá tính, T.S. Eliot, trong bài "Tradition and the Individual Talent" (1919), lại cho thơ là sự trốn thoát khỏi cảm xúc và khỏi cá tính ("an escape from emotion" và "an escape from personality"). Người xưa cho thơ là phải có ý, Stéphane Mallarmé lại cho người ta làm thơ không phải với ý mà với chữ ("You don't make a poem with ideas, but with words"), v.v...

Một điều khác tôi cũng nhận thấy là hình như không có ai dám tuyên bố dứt khoát mình

biết thơ là gì. Nhà thơ gần đây tôi thích và đọc nhiều nhất là Nicanor Parra thì tự nhận thơ ông không phải là thơ, chỉ là thơ-phản-thơ. Vậy mà giới phê bình lại đánh giá ông cao, cho đó mới đích thực là thơ. Hoàng Ngọc-Tuấn gọi đó là hành động "phản thơ để cứu thơ."

Người-cứu-thơ ấy đã khuyên các nhà thơ trẻ như thế này:

*"Những nhà thơ trẻ:
Hãy viết bất cứ cách nào bạn thích
Quá nhiều máu đã chảy dưới cầu
để còn tiếp tục tin
rằng chỉ có một con đường là đúng.
Trong thơ mọi sự đều được phép."
(Hoàng Ngọc-Tuấn dịch)*

Việc trích dẫn có thể kéo dài vô tận. Tuy nhiên, có thể nói tóm lại, phân biệt thế nào là thơ, thế nào không phải là thơ là một điều cực kỳ phức tạp. Quan niệm về thơ thay đổi theo từng trường phái và thời đại. Ngay trong một trường phái và một thời đại thì chúng cũng có sự khác biệt lớn giữa người này và người kia. Không một ai dám đưa ra một danh sách những tiêu chí rõ ràng về thơ như một khuôn mẫu để chỉ cần đưa vào cái "khuôn" ấy một bài thơ vào là có thể khẳng định nó... lộn khuôn hay trật khuôn.

[1]<http://chimviet.free.fr/vanhoc/thanhling/thll054b.htm>

[2]<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=1589&rb=0306>

[3]<http://www.abc.net.au/rn/arts/poetica/whatispoetry.htm>



Chiêm bao hạc trắng

HUỆ TRÂN

Trong kiếp phù sinh, biết bao người đột đốc tìm tri kỷ mà lúc nhắm mắt xuôi tay cũng vẫn ngậm ngùi ôm mối cô đơn.

Tri kỷ là thế nào mà hiếm hoi như vậy? Bá Nha một đời nhịp phách mà vắng Tử Kỳ cũng phách rã nhịp lối! Phạm Thái lên yên, vó ngựa mãi dậm trường cát bụi thì Trương Quỳnh Như thà ngọc nát vàng phai!

Thế mà, một kẻ ngây ngô giữa chốn ta-bà như tôi lại có tri kỷ ngay từ lúc mở mắt chào đời. Đó là cha tôi, người thường ôm tôi trên cánh tay nôi hồng, ru tôi bằng những câu hát:

"Hồng Hà mệnh mông trôi cát tới chân làng quê. Dưới sông, nhiều bến ai về có thấy đồng mía nương chè, với những tình thắm trên làng quê? Hồng Hà chơi vợ, giòng nước trên nguồn về khơi. Sông Thao, ngoài bến Việt Trì, có những chàng áo nâu về. Say mê giòng nước vui tràn trẻ..." (1)

Tôi nghe kể lại rằng, mẹ tôi buồn cười lắm khi nghe cha hát ru tôi như thế vì đối với mẹ, đó không phải là những câu ru con ngủ. Ru con phải: "À... ơi... Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa. Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh..." Hay: "Con cò cọn vạc cọn nông. Sao mà dậm lúa đồng ông hỡi cò? ..." Mẹ tôi chất phác như thế nên càng chế nhạo khi cha ru tôi bằng những câu hát rục rủa đầu tranh hơn:

"Sông Lô, sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau, núi rừng âm u. Thu ru, bến sóng vàng từng nhà mở biếc chim một màu khói thu. Sông Lô, sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa đã tàn thôn trang. Ai qua

bến nắng hồng lặng nhìn màu nước sông Lô xưa..." (2)

Tình tự dân tộc và tình yêu quê hương đó đã đưa tôi vào những giấc mộng êm ái đầu đời chứ không phải "Con cò, con vạc, con nông ..." Tôi nói rằng tôi may mắn có tri kỷ ngay từ khi mở mắt chào đời là như thế.

Cha không phải chỉ cho tôi máu thịt xác thân mà trong sự nhiệm mầu không thể giải thích, cha còn khai sinh cho tôi một đời sống tâm linh phong phú.

Là con gái mà tôi tâm sự với cha những chuyện đáng lẽ chỉ nói với mẹ. Tôi hoàn toàn an tâm khi cha biết tôi đang nghĩ gì và làm gì. Cha luôn là người đầu tiên đọc những bài thơ non nớt mà tôi cặm cụi "sáng tác." Chẳng phải cha chỉ đọc thoi mà còn lấy những câu đặc ý, để dưới mắt kính trên bàn làm việc. Cha vào tiệm vào mua lụa trắng cho tôi may áo khi thấy áo tôi bị vấy mực, tế nhị và kín đáo kẹp vào tập sách những tờ giấy bạc mới để tôi chi tiêu,

khẽ khàng trách mẹ tôi khi tôi bị la rầy vì đôi điều lật vạt trong bếp núc... Lúc nào cha cũng ở đó, bên tôi, và trong tâm hồn tôi như bóng với hình.

Vậy mà!!!...

Cơn hồng thủy tháng tư 75 đã bứt tôi ra khỏi núm ruột! Tôi nổi trôi bến bờ xa lạ.

Cha vào tù trả nợ nước non.

Bá Nha đập đàn khi Tử Kỳ ngã gục.

Phạm Thái si cuồng vì oan khuất Quỳnh Như.

Thư nhà gửi sang, kèm mảnh giấy nguệch ngoạc cha viết khi đi nhận gói quà đầu tiên của con gái:

"Trời mưa, gió giật, cầu khỉ trơn như mỡ, giấy dệp là đất sinh lại càng trơn, sợi giấy kềm để vịn tay đu đưa liên hồi, kẻ bật ra xa, người co lại gần, mất thăng bằng tạo ra mất thăng bằng liên tục. Mới nhích được một phần tư cầu, cha nhìn xuống con suối, nước chảy xiết dưới chân mà hoa cả mắt. Rồi cũng phải nhìn lên, trấn tĩnh lại, cố nhích dần cho người khác lướt tới. Sợi giấy kềm quai ác hết lòi cha ra, lại đẩy cha vào. Gió giật liên hồi, đôi giấy toẹt đất bùn trên thân cây gỗ chỉ còn là sinh trơn nước mưa, như không có cái gì khả dĩ giúp cha đi tiếp được nữa. Cha đành đứng yên tại chỗ, nhìn ra mới được nửa con suối, liếc sang bên bạn đồng tù, mặt ai cũng trắng bệch thì biết chắc mình cũng



tái mét. Thật là nghìn cân treo sợi tóc, lui chẳng được, tiến cũng chẳng xong... Nhưng nghĩ đến mẹ, đến các con, cha nhất định không để giòng suối cướp mất gói quà, nên dưới mưa ấy, gió ấy, cha xoay ngang chân mà nhích đi, thẳng nhìn lên, không màng đến giòng suối cuộn cuộn dưới chân. Cha thăm khẩn Trời Phật, còn để có hôm nay, không lẽ lại cướp đi tình thương của một người tưởng chừng tuyệt vọng!..."

Mảnh giấy đó, với thời gian, càng cũ nát thì nét chữ như lại càng hiển hiện.

Khi cha về với Phật thì từng hàng chữ trở thành từng nét khắc chạm trong đáy hồn tôi.

Với những nét khắc chạm đó, tôi lao vào giòng sông lịch sử, tìm cha như đi tìm chính mình. Và nơi giòng sông đó, một chiều mưa bay, tôi run rẩy cảm nhận những vết khắc trong hồn mình mờ ảo, lung linh, giòng sông lên lóng lánh trên cõi lòng người con vọng về cha.

Đó là khi tình cờ đọc một bài thơ.

Không phải, không đơn giản thế! Đó không chỉ là bài thơ. Với tôi, bài thơ này là một trang kinh, là tiếng khóc rạt rào sông thương biển nhớ từ tròn kiếp nhân sinh của một người con hướng vọng về đấng sinh thành:

*"Mười lăm năm, một bước đường
Đau lòng lữ thú đoạn trường Cha đi!
Đêm dài tưởng tượng Cha ngồi
Gối cao tóc trắng rã rời thân con
Phụ sinh một kiếp chưa tròn
Chiêm bao hạc trắng hải hùng thiên cơ
Tuần trắng cũ nước tình cờ
Lạc loài du tử mắt mờ viễn phương
Tàn canh mộng đổ vô thường
Bơ vơ quán trọ khói sương đọa đầy"* (3)

Hơn mười lăm năm tung kinh cho Cha, đến "trang kinh" này tôi đã bất ngờ bật khóc. Khối uẩn tình òa vỡ như mặt trời chiếu rọi đỉnh băng sơn. Nước mắt chảy trên những vết khắc thời gian, nhòa dần oan khuất để Cha nhẹ nhàng hạc trắng vỗ cánh thân thang.

Tôi thấy được Cha qua hình bóng Cha Lạc Long Quân chưa từng bao giờ rời xa con trẻ, dù trong hạnh phúc hay nơi khổ đau, dù trên thiên đàng hay dưới địa ngục, vì rất ráo, đàn con trăm trứng chỉ có một cội nguồn. Kẻ nào phủ nhận, lợi ngược giòng dân tộc sẽ tự hủy diệt.

Trang kính tạ ơn Thiền Sư Thích Tuệ Sỹ, tác giả bài thơ "Thương nhớ" tôi đã được đọc trong một chiều mưa bay...

Huệ Trân

(Tháng mười một - Thắp nhang giỗ cha)

- 1) "Du kích sông Thao" của Đỗ Nhuận
- 2) "Trường ca sông Lô" của Văn Cao
- 3) "Thương nhớ" TS Thích Tuệ Sỹ

The Story of Thera Ujjhanasanni

Dhammapada, Verses 253

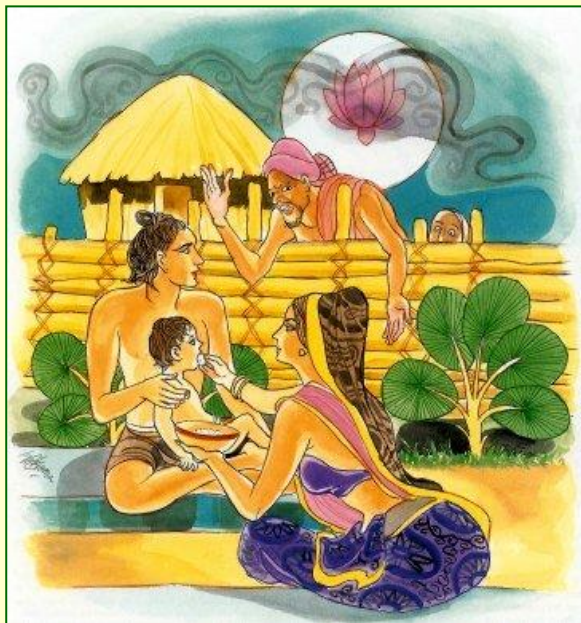
While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (253) of this book, with reference to Thera Ujjhanasanni.

Thera Ujjhanasanni was always finding fault with and speaking ill of others. Other Bhikkhus reported about him to the Buddha. The Buddha replied to them, "Bhikkhus, if someone finds fault with another, so as to teach him the good way; it is not an evil act and is therefore not to be blamed. But, if someone is always finding fault with others and speaking ill of them just out of spite and malice, he will neither attain Concentration nor mental absorption (jhana). He will not be able to understand the Dhamma, and his mental fermentations will increase."

Verse 253: In one who constantly sees the faults of others and is always disparaging them, moral intoxicants (asavas) increase; he is far from extinction of moral intoxicants (i.e., he is far from attainment of Arahatship).

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**

*Burma Pitaka Association, Rangoon,
Burma 1986.*



DO NOT GO GENTLE INTO THAT GOOD NIGHT



Do not go gentle into that good night,
 Old age should burn and rave at close of day;
 Rage, rage against the dying of the light.
 Though wise men at their end know dark is right,
 Because their words had forked no lightning they
 Do not go gentle into that good night.
 Good men, the last wave by, crying how bright
 Their frail deeds might have danced in a green bay,
 Rage, rage against the dying of the light.
 Wild men who caught and sang the sun in flight,
 And learn, too late, they grieved it on its way,
 Do not go gentle into that good night.
 Grave men, near death, who see with blinding sight
 Blind eyes could blaze like meteors and be gay,
 Rage, rage against the dying of the light.
 And you, my father, there on the sad height,
 Curse, bless me now with your fierce tears, I pray.
 Do not go gentle into that good night.
 Rage, rage against the dying of the light

DYLAN THOMAS

ĐỪNG ĐI ÊM ÁI VÀO GIÁC NGỦ VĨNH HẰNG

*Đừng đi êm ái vào giấc ngủ vĩnh hằng,
 Đời sắp tận, ngày sắp tàn, hãy bùng lên, cháy sáng;
 Vùng lên, vùng lên chống lại chút ánh sáng dần tan.
 Kẻ khôn ngoan lúc lâm chung biết bóng tối dần lan,
 Nhưng lời nói chưa bùng lên ánh sáng
 Họ không đi êm ái vào giấc ngủ vĩnh hằng.
 Kẻ tốt lành, bên con sóng cuối cùng, giữa mặt khóc than
 Nếu như được nhảy múa ngoài vịnh xanh ngời sáng,
 Vùng lên, vùng lên chống lại chút ánh sáng dần tan.
 Kẻ ngông cuồng từng ca hát đuổi bắt ánh dương quang,
 Giờ hiểu ra, quá muộn màng, họ khóc than ánh sáng,
 Đừng bước đi êm ái vào giấc ngủ vĩnh hằng.
 Kẻ u sầu, kẻ cái chết, ánh lên vẻ hân hoan
 Trong đôi mắt mù lòa ánh sao sa ngời sáng,
 Vùng lên, vùng lên chống lại chút ánh sáng dần tan.
 Và người, cha của con, trên tuyết đỉnh cô đơn,
 Hãy nguyên rửa, ban ân, với hai dòng lệ nóng.
 Đừng bước đi êm ái vào giấc ngủ vĩnh hằng.
 Vùng lên, vùng lên chống lại chút ánh sáng dần tan.*

PHÁP HOAN dịch

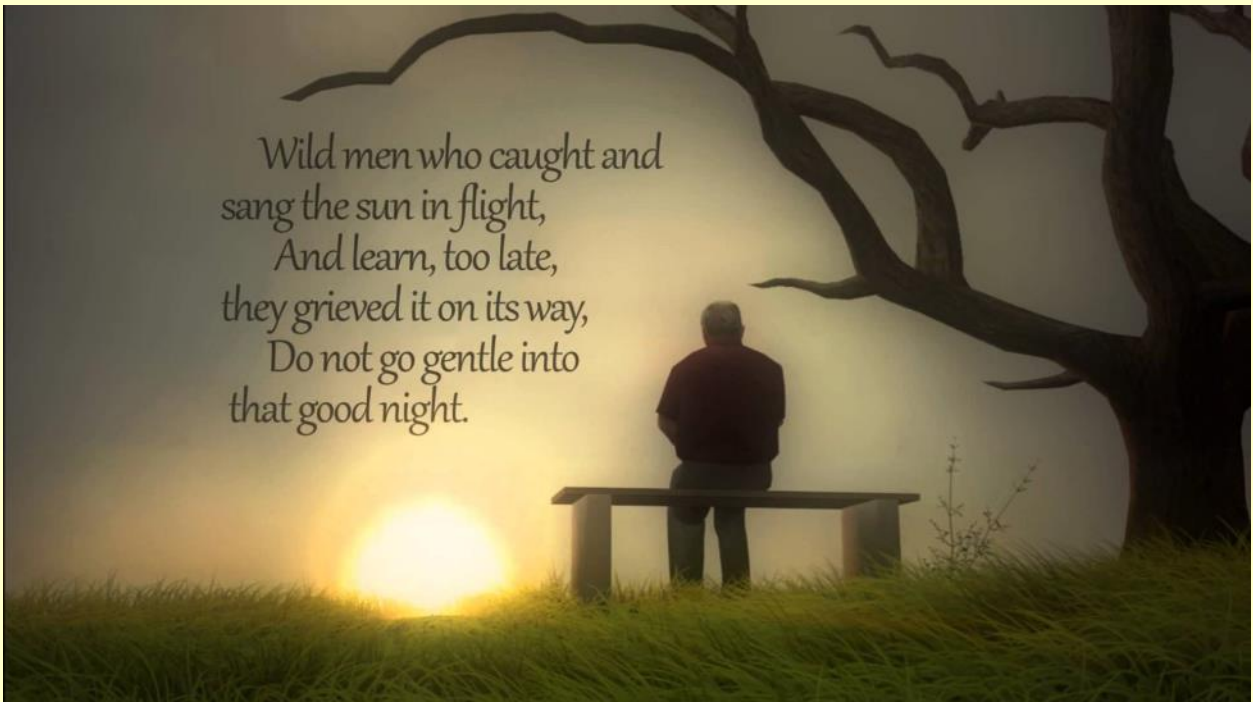
"Do not go gentle into that good night" là bài thơ nổi tiếng nhất của thi sĩ Dylan Thomas, viết theo thể thơ villanelle (một thể thơ có vần đôi, du nhập vào thơ Anh từ Pháp vào thế kỷ 19. Mỗi bài villanelle có 6 khổ, gồm 19 câu, năm khổ đầu có 3 câu và khổ cuối có 4 câu. Câu đầu tiên và câu cuối cùng của khổ thứ nhất thay phiên nhau trở thành câu cuối của các khổ sau, và chúng hợp lại thành hai câu cuối của bài thơ.) Thomas sáng tác bài thơ này vào năm 1947 cho người cha đang hấp hối của mình. Bài thơ được biết đến rộng rãi trong văn hóa đại chúng, từng xuất hiện nhiều lần trong các ấn phẩm sách báo, âm nhạc và điện ảnh...

Dylan Marlais Thomas (27/10/1914-9/11/1953) là nhà văn, nhà thơ xứ Wales, tác giả của những bài thơ nổi tiếng "Do not go gentle into that good night" và "And death shall have no dominion", vở kịch Under Milk Wood cùng những truyện ngắn và các chương trình phát thanh như A Child's Christmas in Wales, Portrait the Artist as a Young Dog. Ông được biết đến rộng rãi trong khi còn sống cũng như sau khi qua đời (ở tuổi 39).

Thomas sinh năm 1914 tại Swansea, Wales, ông bỏ học năm 16 tuổi và trở thành phóng viên trong một thời gian ngắn. Tuy có nhiều tác phẩm được ấn hành khi còn khá trẻ, song phải đến tập thơ "Light breaks where no sun shines" ông mới gây được sự chú ý từ giới văn học. Trong thời gian sống tại London, Thomas gặp Caitlin Macnamara và kết hôn năm 1937. Thời gian đầu sau hôn nhân, Thomas và gia đình sống trong túng quẫn, họ phải dời về thị trấn nhỏ Laugharne ở Carmarthenshire. Mặc dù được yêu mến trong suốt cuộc đời của mình, Thomas nhận thấy ông không thể kiếm sống bằng nghề viết lách, để có thêm nguồn thu nhập cho gia đình, ông mở các chuyến lưu diễn thơ và các chương trình đọc thơ, truyện trên đài phát thanh. Những buổi nói chuyện về thơ được phát sóng trên đài BBC vào những năm 40 tạo được nhiều tiếng vang. Thomas đến Hoa Kỳ vào những năm 50. Những buổi đọc thơ của ông được đón nhận nồng nhiệt trong khi lối sống nghiện ngập của ông ngày càng trở nên tồi tệ. Trong chuyến lưu diễn lần thứ tư đến New York năm 1953, Thomas trở bệnh và rơi vào hôn mê. Ông qua đời vào ngày 9 tháng 11 năm 1953.

Mặc dù toàn bộ tác phẩm của Thomas được viết bằng tiếng Anh, ông vẫn được xem như một trong những thi sĩ xứ Wales quan trọng nhất thế kỷ 20.

Do Not Go Gentle Into That Goodnight qua giọng đọc của Anthony Hopkins, nền nhạc phim Interstellar. <https://www.youtube.com/watch?v=ESWzPhZWYeI>



Thần cây cây da

TIÊU LỤC THẦN PHONG

Thằng chả thấy con nhỏ tượng tá ngon lành lại nhu mì dễ thương nên thích lắm, có điều chả chưa có cơ hội làm quen. Tình cờ hôm nọ thầy nhờ chả nhắn cho mẹ con nhỏ cưới thằng lên chùa sám hối. Thằng chả mừng hết lớn chạy như bay xuống xóm chợ, sau khi nói lời nhắn của thầy chả cứ xà quần hồng chịu đi. Thấy con nhỏ ra chợ dọn hàng cho mẹ, chả đi theo:

- Chế ơi chế, chế đẹp quá, dễ thương quá! Cho tui xin một muống tình bỏ vào ly đời cho ngọt chơi!

Con nhỏ liếc sắc lẹm, hứ cái cóc:

- Đồ vớ duyên! Khi không xin muống tình!

- Chế dễ thương và ngọt ngào nên tui mới xin muống tình chứ bộ!

- Ai có rảnh đâu mà cho ông muống tình!

Thằng chả cứ nói miết đến nỗi con nhỏ chịu hồng thẩu, coi bộ xuống nước:

- Cái miệng ông dẻo quẹo à! Chắc gạt nhiều người lắm đa?

- Hồng có đâu, tui thề đó! hời, nào giờ chưa xin ai muống tình hết trơn!

Con nhỏ mắc cỡ nhưng rồi cũng xìa tay cho thằng chả cầm, ai đời cầm tay nhau chỉ có một khắc ấy vậy mà "dính" luôn. Thằng chả lôi con nhỏ vào cuộc đời chả, dắt nó vào đời. Ngày tháng đẹp như mơ, hai đứa vui như cá ra sông nhưng đời đâu có như ý người. Tháng năm trôi qua, hai đứa con lần lượt ra đời. Lương công nhân ba cọc ba đồng của chả thật thiếu trước hụt sau. Con nhỏ cũng chẳng nghề ngỗng gì... Cái bóng cơm, áo, gạo, tiền nó phủ lên cái bóng cuộc tình. Hai đứa học hặc nhau hoài. Tháng nào không ba trận cứ lớn thì cũng năm bận cái nhỏ. Có lần con nhỏ cà khịa:

- Hồi đó nhiều người đẹp trai, giàu có theo tui mà tui đâu có thèm. Giá hồng lấy ông thì giờ tui đâu có khổ như vầy!

Thằng chả trả miếng liền:

- Hồi đó tui cũng vầy, nhiều cô đẹp và khá giả mà

tui lắm! Nếu không cưới bà thì giờ tui sống như ông hoàng!

Chú Hai hàng xóm qua mượn cái phàng nghe hai đứa cự nhau, chú cười ha hả:

- Hai đứa bây xuống giùm cho chú nhờ! Ở đời có cái hạng đẹp, giàu, tử tế vầy sao? Nếu có nó chịu ưng hai đứa bay sao? Chén bát trong sóng còn khua thì vợ chồng cãi nhau cũng thường tình, có điều chú muốn nói là hai đứa phải nhường nhịn nhau thì mới ăn đời ở kiếp với nhau được.

Hai đứa nghe lời thôi cãi nhau nhưng chẳng bao lâu lại cự nữa. Con nhỏ ghen bóng, thằng chả thì đa tình; thứ nữa là thằng chả mê viết lách, lương lậu không bao nhiêu, chỉ được cái mã bề ngoài và cái tài vật mà bạn bè gán cho cái danh hảo là: "dân tài tử." Con nhỏ thấy bạn bè lấy chồng giàu nên sinh ra so đo, tử độ có ý ly hôn. Thằng chả thương con và cũng biết mình không làm ra tiền như bạn bè nên nhịn nhục. Con nhỏ được thể làm tới chủ động đòi ly hôn, mặc cho gia đình hai bên khuyên giải, can gián:

- Thôi con à, một sự nhịn chín sự lành, vợ chồng ăn ở với nhau hai mặt con rồi, ly hôn thì tội tui nhỏ lắm!

Đêm nằm vớng ru con, con nhỏ hò:

- Hò ơ... Lấy chồng tài tử
Đời cứ chịu sưng
Lấy chồng lái buồn
Tiền vớ cuộn cuộn, hò

ơ....
Hò ơ... Tui giờ như cá mắc
câu

Gỡ ra chẳng đặng để lâu
bực mình. Hò ơ...

Thằng chả buồn tịnh bèn bỏ đi ra quán bà Tư U kêu xí để ngồi ủ rú, nước mắt lưng tròng:



- Ngày xưa sao dễ thương như mèo con mà giờ dữ như sư tử vậy trời?

Bà Tư Ú đến bên bóp vai chả:

- Vợ chồng lục đục là chuyện thường, chú đừng có rầu quá mà sanh bệnh thì khổ, chuyện đâu còn có đó, từ từ sóng gió cũng qua thôi!

Bà Tư Ú cũng rầu rầu ngồi bên chả, một lát sau bà chợt nhớ gì vỗ đùi cái đét:

- Mèn đét ơi! Chút nữa tui quên. Chú cò nhớ không? Ông thầy ở xóm chùa đó mát tay, nhẹ vía lắm đó. Mấy cặp ở xóm chợ này chút xíu nữa ra tòa ly dị vậy mà ông hoà giải, hàn gắn lại hết trơn. Để tui kêu tia con nhỏ lên chùa nhờ ông thầy thử coi.

Hôm sau tia đến nhà nói:

- Ông thầy trên chùa muốn nói huyện với hai đứa bay, cứ lên gặp thầy trước đi rồi hẵng hay!

Dù hồng nhìn nhau, trong bụng chẳng muốn đi chung nhưng hai đứa cũng nghe lời tia đi lên chùa. Hai đứa lên chùa lễ Phật xong, thầy kêu hai đứa ngồi uống trà và kể câu chuyện:

- Cách đây cũng không lâu lắm, xóm chợ có cái miếu và cây da cổ thụ nổi tiếng linh lắm. Dân xóm chùa, xóm chợ, xóm đình... quanh đây đi qua đều cúi đầu. Bọn con nít không dám phá phách. Xuân thu nhị kỳ dân các làng đều cúng tế rất kính cẩn. Một hôm cây da cây mình có công sanh tự phự: "Nhờ tui mà thần có chỗ nương tựa và được dân các làng cúng tế đầy đủ." Vị thần gá ở cây da cũng cây mình linh nên nói: "Nhờ ta linh thiêng nên dân làng mới cúng tế, cũng nhờ ta gá vào nên người ta sợ, vì vậy mà người mới được an thân." Miếu và cây da cứ cự nhau, cuối cùng thần bỏ cây da đi. Từ khi bỏ cây da ra đi, thần trở nên xác bực xang bang, lang thang bụi lùm khi thì động không mông quạnh rất khổ sở. Còn cây da từ khi không còn thần nữa nên hết linh. Người ta chặt phá trở nên xơ xác tiêu điều, đã vậy người ta còn đặt ra câu hò:



"Hò ơ... Thần cây da người ta cúng tế

Cây da cây thần cảnh là sum xuê. Hò ơ....

Hò ơ... Hết linh miếu cũng bơ vơ

Có qua có lại cây nhờ mà linh."

Hai đứa nghe thầy kể xong trong lòng cũng ít nhiều rung động và cũng lờ mờ hiểu ý thầy. Cả hai cúi đầu theo đuổi ý nghĩ riêng tư chưa ai nói tiếng nào. Thầy cười cười chỉ hai đứa chén trà đã nguội tự hồi nào:

Hai con đồ đi, trà đã nguội uống không ngon. Thầy rót cho con chén trà mới, thơm ngon lắm; đừng tiếc chỉ cái đã qua rồi!

Thằng chả và con nhỏ cứ rậm rập theo lời thầy như cái máy, chẳng đứa nào nói được lời nào. Thầy quán sát thấy cả hai vẫn còn quyến luyến và nhiều duyên nợ với nhau:

- Con thấy không? Thần cây da, cây da cây thần vốn là thể. Còn con người ở thế gian này đến với nhau cũng không ngoài hơn duyên ơn - oán với nhau; ơn nhiều hòa thuận, yêu thương; oán nhiều chống trái, khinh ghét. Vợ chồng với nhau nếu không có duyên thì không thành. Mình là Phật tử thì phải biết điều này và nên giải không nên kết oán!

Đến đây thì thằng chả chấp tay xá thầy:

Con tạ ơn thầy! câu chuyện thầy kể in sâu vào tâm con, những lời thầy dạy con xin ghi nhớ và làm theo nhưng...

Đến đây thì chả ngại ngừng không nói tiếp. Thầy hiểu ý thằng chả nên hỏi con nhỏ:

- Ý con sao?

- Thưa thầy, câu chuyện thầy kể làm con xúc động lắm. Con cũng biết mình nhiều sai quấy nhưng đâu chỉ mình con. Con cũng sẵn sàng giải kết nhưng...

Con nhỏ cũng bỏ ngang ở chữ nhưng, thầy cười thật phúc hậu nói:

- Thầy biết hai con sẽ giải kết, biết lỗi và sửa lỗi ấy thật đúng là con nhà Phật. Thầy mong hai con từ giờ đừng nhắc đến hai chữ ly hôn nữa kéo làm con trẻ đau lòng.

Thằng chả và con nhỏ đứng lên lễ thầy rồi ra về. Trên đường từ xóm chùa về xóm chợ nhiều người chỉ chò:

- Nghe nói tụi nó lùm xùm tính bỏ nhau phải hông?

Thằng chả cười tủm tỉm:

- Em biết hông? Xưa tía má cứ sau mỗi lần cự nhau là mình có thêm một đứa em.

Con nhỏ néo hông chả:

- Cái miệng dẻo quẹo hà, làm khổ người ta!

Đồ Bàn, 2017

CÓ NGHE THU VỀ?

Em có nghe
Thu về không em hỏi?
Khép mi mờ
Nắng ngủ góc tường vỹ
Đàn bướm trắng
Về đâu không trở lại
Lá phai tàn
Lặng lẽ bỏ cành đi.

Em có nghe
Rừng Thu mờ mịt bóng?
Mây xám về
Rũ cánh đỉnh non xa
Nai ngơ ngác
Nhìn trời bên suối vắng
Mấy cành lau
Sương trĩu nặng la đà.

Em có nghe
Ngoài kia mưa thôn thức?
Quạnh hơi Thu
Liễn nhỏ lệ ngắn dài
Em có thấy
Lòng mình buồn man mác
Nhớ thương mà
Chẳng biết nhớ thương ai?

Em có nghe
Tiếng chuông chùa vang ngân
Nhu giọt ta
Mau tỉnh giấc mộng trần
Đời còn mất
Nhu lá Thu tàn úa
Hãy quay về
Sống với cái “vô sanh”

Em có biết
Trong tâm thân hoại diệt
Vẫn còn cái
hằng bất diệt trường sinh
Nhu trăng thu
Vằng vặc sáng lung linh
Soi chiếu khắp
Cả mười phương thế giới.



ĐÔI DỜI

Vạn kỷ triền miên cuộc đời
Kìa sông bồi lở, biển đầy vơi
Hoa đang tươi đó sao tàn vội
Trăng mới tròn đây lại khuyết rồi.
Đã trôi nổi chìm theo nước chảy
Thì đành tan hợp với bè trôi
Tang thương chi thể trần gian hỏi
Sinh tử trầm luân mãi kiếp người.

thơ **DIỆU VIÊN**
San Jose, Thu 2017

Sinh ly tử biệt

CHÚ CHÍN CALI

Ấn tượng về sự chết đến với tôi lúc tôi còn rất bé, lúc còn đi học trường làng, khi chứng kiến đám tang của cậu ruột của tôi mất ở tuổi 60.

Gia đình Ngoại tôi thuộc hàng khá giả nên đám tang của cậu làm rất lớn, cả làng đến dự. Đàn ông con trai lăng xăng che rạp, khuân bàn sập ghế, mổ heo giết gà. Đàn bà con gái thì lu bu nấu nướng dưới bếp lan cả ra ngoài sân, lửa khói mịt mù. Bọn con nít không ai để ý nên vô tư tụ tập đá banh với cái bóng đá heo mà ông đồ tể vất cho. Cả bọn ì ạch thổi cho nó phồng to như trái bưởi rồi đem ra đá, la lối om sòm trên mảnh ruộng trước nhà, khô queo, nứt nẻ, còn đầy gốc rạ. Đá banh chán chúng kéo vào nhà lấp ló thập thò sau cánh cửa nhìn vào trong nơi để quan tài của cậu tôi, ngoắc tôi ra chơi với chúng trong lúc tôi đang bị kẹt ngồi chung với những thân nhân mặc đồ tang trắng, thỉnh thoảng lại xục lại theo theo lệnh ông thầy vừa gõ mõ lốc cốc vừa nề nề tụng kinh khi bỗng khi trầm, khi to khi nhỏ. Tiếng đờn cò đám ma réo rất nghe thắm nạo. Mỗi lần có người đến tế lễ là hồi trống lại vang lên "thùng thùng" nghe lồng lộng đến tận bên kia sông, đến tận xóm chày ngoài vàm sông lớn.

Trong nhà không khí trang nghiêm bao nhiêu thì ngoài sân lại vui như hội. Người ta ăn nhậu ì xèo, cười nói oang oang. Ăn nhậu kéo dài mấy hôm liên tiếp cho đến giờ động quan, quan tài được đám đạo tì khiêng đi mai táng trong vườn nhà. Tôi đi chung với đám con cháu sau quan

tài. Không khí nặng nề sâu thẳm. Có người thút thít khóc, có người nước mắt rung rung. Khách khứa đều im lìm, âm thầm tiễn đưa cậu tôi về bên kia thế giới. Khi hạ huyệt, thân quyến trong gia đình bỗng cùng một lúc òa lên khóc thật to, có người ngất xỉu. Ai cũng khóc làm tôi cũng khóc theo. Tâm trí non nớt của đứa bé cứ bị ám ảnh bởi hình ảnh tang tóc giờ phút người ta hạ huyệt, những tiếng khóc nghẹn ngào tức tưởi lúc tiễn biệt người thân đi không bao giờ trở lại...

Đó là lần đầu tiên tôi cảm nhận được thế nào là sinh ly tử biệt. Cái chết đang mang cậu tôi về một thế giới khác. Lần đầu tiên tôi thấy được làn ranh giới giữa sự sống và chết, giữa mất và còn, có và không. Cái huyệt sâu là lối vào cõi chết đang nuốt trọn thân xác cậu tôi.

Một khi huyệt được lấp đầy, mặt đất được xóa bằng, mọi dấu tích về sự hiện hữu của cậu tôi cũng bị xóa đi, còn chẳng là cái mộ bia mới dựng và mồ đất vô tri, đánh dấu nơi đây người chết đã ra đi.

Khi lớn lên tôi có dự nhiều tang lễ nhưng không bao giờ khóc. Rồi tôi chứng kiến những người già thế hệ trước lần lượt ra đi chỉ còn lại người duy nhất là mẹ tôi, nay tuổi đã trên trăm, hơi tàn sức kiệt, mạng sống mong manh, đang chiến đấu với tử thần.

Mỗi lần tôi ngồi bên mẹ tôi, nhìn thân xác còm cõi hom hem, tôi nghĩ ngay đến ngày người ta đưa mẹ tôi vào cái huyệt đào sâu trong lòng đất rồi phủ kín với lớp đất dày. Mỗi lần như vậy tôi lại nhớ đến hình ảnh khi người ta đem chôn cậu tôi. Tôi muốn khóc.



LỄ TÔN TRÍ TƯỢNG ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT LỘ THIÊN TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA

Santa Ana (Bình Sa) - Chùa Bát Nhã, tọa lạc tại số 4717 W First Street, Santa Ana, CA 92703, điện thoại số (714) 571-0473, do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, đã long trọng tổ chức Pháp Hội Quán Âm và tôn trí Tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát trong 3 Ngày từ ngày 29, 30 tháng 9 và ngày 01 tháng 10 Năm 2017.

Trong 3 ngày Pháp Hội Quán Âm có Trì Chú Đại Bi và Lễ Ngũ Bách Danh.

Riêng ngày Chủ Nhật, 1 Tháng 10 Năm 2017, vào lúc 8:00 sáng, Phật tử vân tập trước tượng đài đặt Tôn Tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát để cầu nguyện trước khi tôn tượng được thượng tôn.

Buổi lễ dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, HT. Thích Minh Dung và rất đông chư tôn đức Tăng, Ni cùng đồng hương Phật tử tham dự lễ để cầu nguyện Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi Quang Giáng đạo tràng chứng minh và phóng quang gia hộ cho thế giới khỏi nạn chiến tranh, thiên hạ thái bình, thiên tai lũ lụt được tiêu trừ, đồng gia trì cho ngôi già lam Bát Nhã cũng như tất cả những thánh địa phụng thờ Tam Bảo ngày

được hưng long, Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni Phật sự được viên thành, và tất cả vạn loài chúng sanh hữu tình, vô tình hàm triêm lợi lạc.

Sau khi nghi thức cầu nguyện kết thúc, Ban kỹ thuật thực hiện việc đưa tôn tượng lên bệ đài. Trong lúc thực hiện chư Tôn Đức Tăng Ni cùng đồng hương tiếp tục niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Khi tôn tượng được thượng tôn trên bệ những tràng pháo tay đã làm vang dội khu đặt tôn tượng.

Tượng được khắc nguyên một khối đá lớn, thân tượng cao 16 feet chưa kể đài hoa sen và bệ tượng. Tổng cộng chiều cao từ mặt đất lên đến đỉnh tượng là 25 feet (gần 5 mét), nặng khoảng 61 tấn.

Toàn bộ tượng đặt trên một bệ bê tông kiên cố ngay chính giữa sân chùa Bát Nhã, mặt hướng ra Đại Lộ First (Bolsa nổi dài).

Trong dịp này Hòa Thượng Viện Chủ cảm ơn Chư tôn đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử tham dự. Hòa Thượng nói: "Phật pháp xương minh là do chư tăng ni tuyên bá, chùa chiền hưng thịnh nhờ Phật tử phát tâm ủng hộ. Sở dĩ Chùa Bát Nhã có được như ngày hôm nay là nhờ sự nhiệt tâm và nhiệt tình ủng hộ của quý Phật tử gần xa."



Hòa thượng Viện chủ kính mời đồng hương Phật tử tham dự pháp hội Tam Thời Niệm Phật, dưới sự hướng dẫn của Hòa Thượng Thích Quảng Tâm Trụ trì Chùa Trấn Quốc, Đà Loan cùng với Hòa Thượng Thích Nguyên Trí Trụ trì Chùa Bát Nhã, tổ chức trong 3 ngày: kể từ Thứ Sáu, Thứ Bảy và Chủ Nhật nhằm ngày 28, 29 và 30 tháng 10 năm 2017.

Mọi chi tiết xin liên lạc số đt: 714 – 571-0473, Diệu Hoan: (714) 588-0431, Huệ Thanh: (714) 782-2704
Email: bantuhocbatnha@yahoo.com



Photos: Bình Sa



VÙNG ĐẤT MỚI

*Từ nơi phương xa Thầy đến đây
Gieo mầm Phật pháp ở trời tây
Bao năm cực nhọc không lay chuyển
Quyết chí xây nên nhà Như Lai.*

*Bát Nhã mái chùa tuy nhỏ thật
Nhưng thường đón bước chư tôn đức
Tăng Ni không ngại chùa nhỏ hẹp
Nhỏ hẹp nhưng ấm cả tình thương*

*Nhân duyên chưa đủ nên trắc trở
Mấy năm lận đận vẫn chưa xây
Cứ nhìn mảnh đất thâm câu nguyện
Hộ pháp long thân chuyển khương ninh.*

*Thế rồi một sáng tin vui lạ
Thầy tìm được đất ở gần đây
Bát Nhã chùa mới nên hưng thịnh
Thầy trò chung lòng quyết định xây*

*Chùa mới vùng đất ngay quốc lộ
Đường First không xa lại dễ tìm
Hàng ngày đón bước chân Phật tử
Hàng tuần tu tập thật tinh chuyên*

*Mong ai có dịp về Bát Nhã
Tương rau thanh đạm vui tu trì
Bỏ đi phiền não tâm buồn khổ
Nhất tâm niệm Phật A Di Đà.*

thơ THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Chiếc áo diều mầu

LAM KHÊ

... Một thời chiến tranh khói lửa lan tràn.

Cuộc sống yên bình của dân lành thoáng chốc biến thành nỗi kinh hoàng chết chóc. Gót giày xâm lược đi qua, những ngôi làng ngập chìm trong bom đạn, nhà cửa vườn ruộng chỉ còn lại đồng tro tàn tang thương đổ nát.

Theo đoàn người chạy loạn có đôi vợ chồng trẻ. Họ không kịp mang theo gì và do phải chờ nhau nên bị bỏ rơi lại. Người chồng bế đứa con trai chưa đầy ba tuổi lặng lẽ đi trước, thỉnh thoảng anh dừng lại chờ cô vợ bụng mang dạ chửa đang lể bước theo sau. Hai vợ chồng đi suốt đêm, hết bằng rừng lại cắt ruộng trong tiếng đạn réo cùng cái lạnh chớm đông se sắt nặng lòng.

Gần sáng họ ra khỏi cánh rừng. Nhìn xa xa người chồng nói để trấn an vợ:

- Chỉ một đoạn nữa chúng ta sẽ ra tới đường lộ. Hy vọng gặp được xe của quân đội đón.

Quay lại phía sau khói lửa ngút trời, bom đạn chất chúa. Sau một đêm trầm lắng, cuộc giao tranh trở nên ác liệt hơn. Hai vợ chồng cố đi mau cho thoát khỏi chốn hiểm nguy này. Bỗng họ nghe có tiếng khóc nức trong túp lều tranh ven đường. Anh dừng lại khẽ nói:

- Em giữ con để anh vào xem sao?

Người vợ lo lắng níu tay chồng:

- Đừng anh...

- Không sao. Anh sẽ ra ngay.

Một lúc sau anh bước ra, trên tay dắt theo bé gái khoảng năm sáu tuổi. Đứa bé đưa tay áo quẹt dòng nước mắt trong nỗi hoảng loạn sợ

hãi. Trên mình nó mặc tới mấy bộ đồ, bên ngoài khoác thêm chiếc áo phủ dài đến gót chân, kiểu áo của thầy tu.

Anh chồng mím chặt môi cố che dấu niềm xúc động, một lúc mới cất giọng ngắn gọn:

- Mẹ nó nằm trong lều.

Đã chết. Con bé thì ngồi khóc một bên. Phải mang nó theo thôi.

Chị vợ nhẹ lời phản đối:

- Chúng ta còn chưa biết sống chết thế nào, mang theo nó thêm vướng bận.

- Mình đã gặp nó thì không thể bỏ mặc được. Bỏ lại đây, con bé không chết vì súng đạn thì cũng chết đói. Thôi thì đành phó mặc số trời vậy.

Anh chồng bế con, chị vợ tay dắt bé gái tiếp tục cuộc hành trình trong bom đạn. Không bao lâu họ ra đến đường lớn và may mắn gặp được chuyến xe đang chờ người tỵ nạn. Ngồi trên xe,

con bé vẫn thút thít khóc, thỉnh thoảng nó quay nhìn lại phía sau như cố chờ mẹ. Nhưng nó hiểu, người mẹ thân yêu của mình mãi mãi nằm lại nơi này, trong túp lều tranh lạnh lẽo không người hương khói nguyện cầu.

Cuối cùng cả nhà họ cũng về tới thành phố. Được người bà con cứu mang cho ở nhờ, không bao lâu anh chồng cũng kiếm được công việc để nuôi sống gia đình. Chị vợ gần ngày sanh nở lại thêm một con nhỏ nên không thể làm gì. Điều mà anh chị lo nhất là đứa bé gái. Vì chưa tìm được người thân nên nó phải sống chung với anh chị. Thân ăn nhờ ở đậu lại cứu mạng thêm người quả là không dễ dàng gì. Anh chị đã định đem nó cho ai đó hoặc gửi vào trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, nhưng rồi họ lại tặc lưỡi bảo nhau:

- Thôi thì nó có duyên gặp mình... nếu không có thân nhân đến nhận thì vợ chồng mình cứ nuôi nấng tử tế. Khó



khăn vắt và thật, nhưng anh tin mọi thứ rồi sẽ ổn.

Cú sốc về cuộc chạy loạn, mẹ mất, người thân không còn... khiến con bé bị trầm cảm gần như không nói năng gì. Mặc cho anh chị gắng hỏi về tên họ, cha mẹ... trước sau nó chỉ lặng lẽ khóc hoặc nói một tiếng duy nhất "Chết."

Tuy không chịu mở lòng với ai nhưng con bé lại tỏ ra biết thân biết phận và rất hiểu chuyện. Sau vài ngày lạ lẫm bỡ ngỡ, con bé bắt đầu chú ý những công việc chị làm rồi nó cũng mò mẫm làm theo. Chị đi chợ, con bé ở nhà vừa giữ em vừa quét dọn nhà cửa, thau áo quần cũng được giặt xong. Thấy chị vo gạo, nó mon men đi nhúm lửa, chị làm cá thì nó lật rau. Ăn cơm xong nó tự động dọn chén bát đem rửa mà không đợi sai bảo chỉ dẫn.

Ngày đầu tiên tản cư về nơi ở mới, sau khi tắm rửa thay đồ cho con bé, chị định vứt cái áo nâu sòng cũ kỹ thì nó cố giữ chặt, meo máo khóc. Thấy vậy anh nói:

- Cái áo... có thể là di vật của mẹ nó. Thôi con để di giặt sạch rồi hãy đem cất.

Con bé đã cất di vật trong túi xách của mình. Lâu lâu chị thấy nó mang ra ngắm nhìn giây lát rồi xếp lại cẩn thận. Tuổi thơ sớm chịu cảnh mất mát chia lìa cốt nhục, ánh mắt con bé ẩn chứa cả bầu trời đau thương u khuất.

Một buổi tối... anh chị đưa các con đến ngôi chùa gần nhà để dự lễ cầu siêu cho những vong linh đã mất trong cuộc chiến. Vừa nhìn thấy chú tiểu, mắt con bé sáng lên rồi bước lại nắm lấy vạt áo ra vẻ xúc động nhưng nó vẫn không nói gì. Anh kể lại câu chuyện rồi thưa với thầy trụ trì:

- Khi con gặp thì nó đang khoác bên ngoài chiếc áo rộng của thầy tu. Chắc của ai cho và người mẹ đã mặc cho con trước khi qua đời. Đến nay con bé vẫn giữ cái áo mà không chịu bỏ đi. Mới tí tuổi song con bé rất ngoan lại hiểu chuyện. Nhưng nó không chịu nói gì nên con không biết gia

thế nó thế nào. Cũng đã đưa tin tìm thân nhân trên các báo nhưng vẫn chưa thấy ai đến tìm.

Chi vợ tiếp lời:

- Dù cuộc sống khó khăn nhưng vợ chồng con rất muốn nhận bé làm con nuôi. Bé cũng tới tuổi đến trường rồi nhưng lại không có giấy tờ khai sinh thì làm sao nhập học. Là dân tản cư về thành phố, chúng con không biết làm thế nào cho hợp pháp.

Người chồng trầm ngâm:

- Chúng con nhận thấy con bé rất có duyên với nhà chùa. Vợ chồng con xin giới cho thầy. Ở chùa bé cũng sẽ được học hành và chắc chắn sẽ giải tỏa niềm u uẩn mất mát trong lòng. Chúng con xin làm ba mẹ nuôi của bé... sẽ lui tới thăm viếng và thương yêu nó như con mình.

Thầy nhìn con bé một lúc rồi chậm rãi nói:

- Con bé rất có duyên với anh chị, nếu không thì đã không gặp nhau trong hoàn cảnh này. Anh chị cứ nuôi nó. Còn chuyện học hành, thầy sẽ nhờ hội bảo trợ trẻ em giúp cho. Anh chị đừng lo nghĩ nhiều. Duyên lành ngày sau ắt sẽ đến...

Vị thầy quay qua nói với con bé:

- Bây giờ thầy đặt pháp danh cho con là Phước Duyên. Phước là phước đức. Duyên là nhân duyên. Do thời cuộc mà tuổi thơ con gặp điều bất hạnh nhưng con vẫn có chút duyên lành phước đức nên mới gặp được người tử tế hết lòng thương yêu bảo bọc mình. Chiến tranh là nỗi đau thương mất mát... không ai muốn nhưng nó đã xảy ra. Đó là do nghiệp sát của chúng ta từ nhiều đời, nay phải lãnh lấy hậu báo. Quan trọng là mình vẫn còn sống và hiểu nguyên nhân để chuyển hóa nỗi đau thương thành lễ sống tình người, vun đắp thiện nghiệp, đoạn trừ tai ương. Các con phải ghi nhớ điều đó.



... Ngồi ở góc sân chùa, bà giáo Lâm vừa lần chuỗi niệm Phật vừa lắng tai nghe quý thầy tụng kinh từ trên chánh điện vọng ra. Hôm nay là ngày kỵ ông bà thân sinh Nị sư trụ trì và cũng là ngày giỗ chung những người đã mất trong thời chiến loạn. Những ngôi làng gần biên giới gần như nhà nào cũng có người thân tử nạn nên vào tháng này hằng năm, các chùa đều khai khóa lễ tụng kinh cầu siêu, có chùa còn lập trai đàn chẩn tế. Suốt mấy ngày liền, dân làng về chùa dự lễ tụng kinh và làm công quả. Cuối tuần, đám trẻ trong thôn cũng rủ nhau đến chùa. Sống trong cảnh hòa bình no đủ, song chúng vẫn tỏ ra quan tâm tìm hiểu những biến động từng xảy ra trên quê hương mình. Là chứng nhân thời cuộc, bà giáo trở thành chiếc cầu nối để truyền tải lại những thước phim đời đã trôi xa cùng năm tháng.

Ông giáo mất đã lâu nhưng mọi người vẫn quen gọi bà theo tên của chồng. Hòa bình lập lại, gia đình họ cùng dân làng lục tục về lại quê nhà. Ông giáo tiếp tục nghề gỗ đầu trẻ. Trường lớp không còn. Người ta phải che tạm những căn chòi hoặc mượn không gian chùa làm nơi cho con em đến học chữ. Bà thì buồn

bán lật vất ở chợ kiếm thêm chút đỉnh tiền nuôi con. Cuộc sống thiếu thốn trăm bề. Nhưng so với những người may mắn trở về... gia đình nhỏ của bà có thêm vài nhân khẩu khiến cảnh nhà lúc nào cũng đông vui đầm ấm.

Ngày tàn cư về, đưa con trai lớn mới vào lớp một. Thằng em kể ra đời lúc chạy loạn cũng được đi nhà trẻ. Cô con gái nuôi Phước Duyên gần mười tuổi nhưng chưa thể học chính thức vì không có giấy tờ. Lúc còn trên thành phố, con bé có học qua lớp bổ túc do quý sư ở chùa dạy. Về quê chưa bao lâu thì đến ngày giỗ kỵ chung của cả làng, hai vợ chồng bà dẫn Phước Duyên đến ngôi chùa ngày trước mẹ con nó từng ghé qua.

Ngôi chùa mang di chứng nặng nề sau cuộc chiến. Điều kỳ diệu là vị sư cô lớn tuổi vẫn bình yên vô sự và người nhận ra con bé ngay khi vừa nhìn thấy. Phước Duyên khóc nức nở trước chân dung của mình đặt trên bàn linh, bên cạnh là di ảnh của ba mẹ, cùng rất nhiều bà con láng giềng quen biết. Hôm ấy họ hàng nội ngoại của bé cũng có mặt ở chùa. Ngày nhận tổ nhận tông cũng là ngày tưởng niệm đại tang của cả làng. Những giọt nước mắt bi thương, những lời kể lể ai oán uất nghẹn. Họ khóc vì thương cảm cho những người nằm xuống bởi tai bay vạ gửi, thân xác mờ mịt vẫn chưa yên; họ khóc cho những người trở về phải chịu cảnh cô cút bơ vơ, cha mẹ không còn, cửa nhà tan nát, anh em thân quyến đoạn lìa chia cắt...

Họ hàng xa gần... người tha phương, người trở về đều lâm cảnh khó khăn nên khi ông bà giáo ngỏ lời muốn nuôi Phước Duyên liền nhận được cái gật đầu ưng thuận. Nhà ông bà giáo ở ngay thị trấn, không giàu nhưng điều kiện kinh tế vẫn tốt hơn và quan trọng là họ rất thương yêu con bé. Phước Duyên bằng lòng về với ba mẹ nuôi, ai cũng tưởng con bé đã quen với cuộc sống bên gia đình mới. Chỉ ông bà giáo là hiểu rõ... những việc



làm những suy nghĩ của con bé hoàn toàn không phải cho riêng mình...

Dù học muộn nhưng cuối cùng Phước Duyên cũng hoàn tất chương trình phổ thông với học lực khá. Cha mẹ nuôi khuyến khích cô thi vào đại học để có tương lai sau này. Nhưng đến ngày thi, thấy con vẫn ở nhà, ông bà ngạc nhiên gắng hỏi thì cô quý xuống thưa:

- Thưa ba mẹ... ngày tàn cư, ba mẹ đã có ý gởi con cho sư phụ. Khi ấy sư phụ bảo duyên lành ngày sau ắt sẽ đến. Con chờ đợi duyên lành ấy... là muốn làm theo lời mẹ con đã dặn dò trước khi nhắm mắt. Nay con muốn đi làm một vài năm để phụ với ba mẹ lo cho hai em ăn học. Chờ đủ duyên... con sẽ xin sư phụ được xuất gia tu học...

Ông bà chưa kịp nói gì thì Phước Duyên đã mở túi xách lấy chiếc áo cũ mà cô cất giữ lâu nay:

- Chiếc áo không chỉ là di vật để lại của mẹ mà còn là động lực giúp con hoàn thành tâm nguyện... Con đi xuất gia cũng là mong muốn trả hiếu song thân quá vãng và đền đáp thâm ân của ba mẹ đã nuôi nấng yêu thương con bao năm qua.

... Trong đêm tối, giặc

ngủ còn chưa sâu thì cả ngôi làng hoảng hốt bật dậy khi nghe tiếng bom đạn chát chúa kinh trời. Tiếng la hét thất thanh đã đánh thức con bé, người mẹ vợ vội mấy bộ đồ của con rồi dắt tay tung cửa sau bỏ chạy. Ba cùng mấy người bác chú của bé đã gục chết ngay khi loạt súng đầu tiên bắn xối xả vào nhà. Thất lạc... mò mẫm trong đêm, cuối cùng hai mẹ con mới đến được ngôi chùa ở làng bên. Thấy mẹ chỉ mặc chiếc áo ngắn tay mỏng manh, vị sư cô già đưa cho bà cái áo vắt khách và nói:

- Cô mặc thêm chiếc áo này vào cho đỡ lạnh rồi hai mẹ con nhanh chóng chạy lên thị xã may ra có xe đưa đi tỵ nạn. Dân trong xóm cùng mấy sư cô đã đi tàn hết rồi. Sư đã già lại bệnh hoạn không thể đi được nên ở lại trông chùa... chưa biết ngày mai sống chết ra sao. Cầu Phật gia hộ che chở cho mọi người thoát khỏi tai ách này.

Hai mẹ con chạy suốt đêm rồi trú lại trong căn chòi lá bên đường. Người mẹ mới bị hư thai, sức cùng lực kiệt nên không thể tiếp tục. Bà cởi chiếc áo của vị sư mặc vào cho con rồi thều thào nói:

- Mẹ không thể sống... để đưa con đi hết đoạn đường hiểm nguy này. Đây là chiếc áo diệu mầu. Mẹ tin... nhờ chiếc áo mà con sẽ gặp được

người tốt đưa đến một nơi an toàn. Ngày sau nếu con được người ta nuôi nấng khôn lớn... con phải sống cho thật tử tế. Phải yêu thương những người đã cứu mạng mình... xem họ như là cha mẹ như là gia đình mình vậy.

Chiến tranh rồi cũng lùi xa. Vết thương cũ dần khép lại. Dòng người tản cư trở về gầy dựng lại cơ nghiệp từ hai bàn tay trắng. Thời gian trôi qua nhanh chóng, làng quê bị tàn phá giờ đã thay da đổi thịt. Thôn xóm phát triển, nhà cửa trường học cho đến chùa chiền đều được xây dựng khang trang mới mẻ. Đường xá mở rộng tới tận vùng ven. Người dân giao lưu buôn bán qua lại cũng dễ dàng thoải mái. Ranh giới hận thù không còn thì cuộc sống tâm linh được mọi người đặc biệt quan tâm chia sẻ. Ngày giỗ chung của cả làng... những người tử bên kia biên giới lại mang hoa quả nhang đèn đến cúng bái tạ lỗi với vong linh người khuất. Cuộc sống ấm no an lạc là ước nguyện của người dân hiền lành chất phác. Kết sâu mối giao tình hòa khí với những người bạn láng giềng cũng là điều họ luôn mong muốn hướng đến.

Bà giáo lại tiếp tục câu chuyện...

- Phước Duyên xuất gia, được sư phụ gởi tu học nhiều nơi, giới pháp đầy đủ rồi mới trở về đảm nhận ngôi chùa này khi Ni sư trụ trì viên tịch. Về lại quê hương với bao hoài ức, sư cô tâm nguyện thừa hành các Phật sự, khuyến hóa dân làng cùng hướng về đạo pháp để hàn gắn lại bao nỗi đau thương mất mát. Sư cô thường nói... những gì chúng ta đón nhận trong hiện đời là do nhân thiện ác đã gây tạo từ vô lượng kiếp. Chúng ta biết tu tập tức là đang chuyển hóa những điều xấu xa trở nên tốt đẹp. Xóa bỏ ranh giới hận thù, trải lòng yêu thương chia sẻ là con đường tịnh



hóa... đưa mọi người đến bờ an vui thiện nghiệp ngay trong cuộc sống hiện tại.

- Ông nhà mất rồi... hai thằng con có gia đình đều lập nghiệp trên thành phố. Mình tui sớm ngày vào ra trong căn nhà rộng lớn. Sư cô bảo tui về chùa sớm hôm nghe kinh niệm Phật và người cũng tiện chăm sóc. Lúc ấy tui chưa chịu đi vì còn luyến tiếc ruộng vườn nhà cửa không ai trông nom. Nhưng rồi ngày qua ngày tôi lại suy ngẫm... con cái nhà cửa cũng đâu phải là của mình mãi khi mọi sự hợp-tan được-mất sẽ thuận theo lý vô thường sanh diệt. Thế là tôi buông bỏ tất cả. Tôi về chùa không chỉ tâm an mà thân cũng khỏe hẳn ra. Mỗi ngày dạo quanh sân chùa với tràng chuỗi niệm Phật, tôi cảm nhận như bước sang một thế giới an lành tự tại, lại được làm quyền thuộc với chư đạo hữu trong ngôi nhà Phật pháp.

... Câu chuyện thời sự kết thúc, bọn trẻ tản hết ra ngoài khi thời kinh cúng thí hoàn mãn. Sự tĩnh lặng bị khuấy động bởi một chú chim con vừa được phóng sanh liền sà xuống đậu ngay trên cánh tay áo của bà giáo.

- A! Chiếc áo vạt khách này sư cô may cho bà mặc để gieo duyên đó, đừng làm bấn nghe con. Bà giáo mỉm cười nói khẽ với chim.

Chú chim hẳn cảm nhận rõ sự an nhiên diệu mầu với chiếc áo vừa tìm đến. Sau vài giây định vị, chim cất cánh bay lên nhập với đồng bạn cất tiếng hót líu lo trên những tán cây cao. Tiếng chim tiếng pháp hòa điệu âm vang trong cảnh chiều tàn của làng quê yên ả.

LAM KHÊ

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Ba

Những năm trước 1975, trong chương trình học của Phật học viện đã có dạy sơ về Thiền. Đến mùa hè, viện còn có lớp Thiền vào buổi tối do Thượng tọa giám viện đảm trách, dạy cho quý thầy, quý chú từ các chùa khác trong tỉnh đến nhập hạ an cư. Nhưng có thể nói rằng, luồng khí Thiền được thổi vào sinh hoạt của tăng chúng một cách mạnh mẽ, thấm đậm, là kể từ khi Phật học viện hoàn toàn bị giải tán, tăng chúng thực sự bắt tay vào công việc đồng áng từ ngày này qua tháng nọ như những nông phu chuyên nghiệp, và kể từ khi có sự hiện diện của thầy Như Chấn.

Thầy Như Chấn là đệ tử của Thượng tọa giám viện; vào Sài-gòn học ở Đại học Văn khoa. Đang học ở năm thứ tư, sắp lấy cử nhân văn chương thì xảy ra biến cố 30/4/1975, thầy ấy bỏ Sài-gòn, trở về chùa Long Xuyên, nhập chúng tu tập.

Thầy Như Chấn hãy còn trẻ, chưa quá ba mươi. Tôi độ chừng thầy ấy cỡ hai mươi sáu, hai mươi bảy thì phải. Thầy thấp người, rắn chắc, da sạm đen, làm việc đồng áng rất khỏe và bền bỉ. Chỉ trong một thời gian ngắn sinh hoạt chung với tăng chúng, thầy ấy

đường như đã nhận ra sự tẻ nhạt nào đó trong nếp sống lao động vất vả suốt những ngày dài tháng rộng nếu không có thiền khí phật phùng qua cánh mũi của những kẻ xuất trần trẻ tuổi dưới chế độ mới. Không thể nói rằng có thầy ấy thì ở đây mới có thiền. Chính Thượng tọa giám viện đã đề xướng sự tụ tập thiền định và đưa sinh hoạt tu tập này vào nề nếp, qui củ từ nhiều năm về trước. Chỉ có thể nói được rằng, những nỗ lực âm thầm, tự phát của tăng chúng trẻ tuổi nơi đây đã bị cuốn theo ý lực mạnh mẽ của thầy Như Chấn để dấy nên một không khí tu tập thiền định mới mẻ hơn, sống động hơn. Tôi và Sáng, người huynh đệ đồng môn và đồng hương rất thân, cũng không khỏi bị cuốn theo dòng thác đó.

Những ngày được nghỉ công việc đồng áng, chúng tôi được thầy Như Chấn giảng kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, rồi kinh Lăng Già, kinh Thủ Lăng Nghiêm... Những kinh ấy từng được Thượng tọa giám viện giảng dạy cho quý thầy lớn hoặc cho chúng tôi trước đây, nhưng qua thầy Như Chấn, tôi thấy tâm mình sáng tỏ hơn, thấy rõ con đường và mục tiêu tối hậu của Thiền học Phật giáo. Có

thể tâm tôi vào lúc ấy, như một miếng đất lạnh vốn được phát quang sạch sẽ bởi thầy tôi, bởi Thượng tọa giám viện và qua nhiều năm tháng nỗ lực tu tập, nên thầy Như Chấn chỉ cần tưới nước, chăm bón thêm, là những hạt mầm tốt đẹp ươm sẵn được vùng dậy, vươn lên, khai mào cho một tiến trình phát triển mạnh mẽ hơn. Và như một người mù được mắt sáng, chẳng biết mỗi mét trong sự nhìn ngắm cảnh vật, tôi giốc trọn tâm tư vào sự chiêm nghiệm chính bản tâm mình. Tôi sờ mó nó, tìm hiểu nó, rồi đùa giỡn với nó như giỡn với một quả cam, một trái banh trên tay... và đôi lúc, tôi ném nó bay vút đi, tan biến vào hư không; rồi khi tôi dõi theo sự tan biến của nó, tôi cũng tan biến theo, và tôi không còn tôi. Và tôi lại soi thấy tôi trong sự phản hiện của hư không...

Càng lúc tôi càng tỏ rõ về tâm mình, đến nỗi tôi nhìn đâu cũng thấy nó. Và khi tôi đọc kinh, nghe kinh, nghe thuyết pháp hay nhìn ngắm một sự vật nào đó, thì những điều này đều như phơi bày, hiển lộ thêm cho cái thấy của tôi về bộ mặt thực của nó. Cái tâm ấy hình như đã mượn những lời giải thích kinh luận, và ngay cả ở những hành vi lập dị của thầy Như Chấn để

được khai mở trọn vẹn như một đóa hoa đầu mùa. Và giai đoạn đó có thể nói là giai đoạn bừng sáng nhất của trí tuệ trong tôi. Tôi ngạc nhiên nhiều lần như nghe được, thấy được, hiểu được những điều mình đã nghe, đã thấy và đã hiểu trước. Có khi tôi hiểu trước được cả những gì các vị pháp sư sắp nói ra hoặc đang cố gắng giải thích một cách dễ hiểu và tường tận cho kẻ khác. Tôi đọc lại những sách về thiền học mà trước đây tôi từng đọc qua nhiều lần, và lần đọc lại này, tôi thấy tâm tôi sáng hơn, đọc đến đâu là niềm hoan hỷ bừng tỏa ra đến đó. Niềm hoan hỷ ấy như chảy tràn theo nhịp thở của tôi, liên tục từ phút giây này qua phút giây khác và được bồi đắp thêm, phát triển bội phần lên mỗi khi sáng tỏ thêm một điều gì khác từ kinh điển hay từ những việc nhỏ nhất tâm thường hàng ngày. Nhưng kinh nghiệm sâu đậm nhất mà tôi nhớ mãi trong thời gian này là lúc đang kinh hành với tăng chúng vào một thời công phu chiều.

Lúc ấy tôi đang rung một cái linh nhỏ. Cái *linh* là một loại pháp khí của thiền môn, có thể diễn tả cho dễ hiểu là một loại chuông nhỏ hình thù như cái khánh, nhưng có tay cầm ở phía trên; bên trong của chuông là một quả lắc bằng đồng. Linh cũng như

khánh, được rung theo nhịp trường canh mà tiết điệu của nó tùy theo nhịp mõ lời hay nhịp. Lúc nào linh và khánh cũng nhanh gấp đôi nhịp mõ, thường được trỗi lên khi có những bài tán nhịp điệu. Ở các chùa Quảng Nam, linh được rung luôn vào lúc kinh hành niệm Phật. Chiều hôm ấy, tôi vừa lắng nghe chăm chú tiếng phát ra của nó từ sự va chạm của quả lắc và quả chuông nhỏ này, thì bỗng sự ngộ ý nghĩa về âm thanh của một bàn tay, một công án mà tôi tham cứu (thuật ngữ gọi là *đề*) nhiều ngày trước đó nhưng chẳng kết quả gì.

Như vậy, việc tu tập của tôi lúc ấy không còn giới hạn trong những thời khóa tụng kinh, ngồi thiền, nghe giảng kinh, mà luôn cả những giờ lao động ngoài ruộng vườn, vẫn không ngưng nghỉ, gián đoạn.

Hầu như sau giờ lao động ngoài ruộng vườn, những giờ còn lại của tăng chúng (không kể quý thầy tỷ kheo lớn tuổi hoặc ngang tuổi thầy Như Chấn), đều bị cuốn theo nếp sinh hoạt bưng bưng "*thiền khí*" do chính thầy Như Chấn dẫn dắt. Quả thật thầy ấy có sức lôi cuốn không thể tả qua đôi mắt sáng ực, rất thần, và qua giọng nói mạnh, sang sáng như chuông đồng. Gần mười chú tiểu còn lại của Phật

học viện, kể cả tôi, bỗng trở nên những con cừ non ngoan ngoãn bước theo sự dẫn đạo của thầy ấy.

Nhưng phong trào nào cũng có sự thăng-trầm suy-thịnh của nó. Chưa đầy hai tháng sinh hoạt *thiền đạo* rất nề nếp và khởi sắc, phong trào bỗng lắng xuống và có vẻ như tan dần theo sự im lặng nhiều ngày của thầy Như Chấn. Cho đến một đêm, sau một ngày lao động mệt mỏi, bọn sa-di chúng tôi kẻ nằm nghỉ, người ngồi đọc sách trong phòng, bỗng thấy thầy Như Chấn từ ngoài bước vào với vẻ nghiêm trọng. Thầy mặc áo tràng, cổ đeo tràng hạt dài, tay cầm gậy trúc, bước vào đến giữa phòng, nói lớn:

"Tất cả các chú theo tôi. Tất cả. Đi, đi! Các chú hãy đến đạo tràng của tôi để lắng nghe sự huyền nhiệm của Quán Thế Âm."

Tôi đang chú tâm đọc sách, thấy chuyện này xen vào thì không được vui lắm, dù rằng tôi rất thích nghe thầy ấy giảng pháp. Nhưng thầy cứ đứng giữa phòng, thúc hối:

"Đi, đi mau! Ai là người mong cầu tri giác vô thượng của chư Phật thì không thể bỏ qua được cơ hội lắng nghe những mật ngôn bất khả tư nghì của Quán Thế Âm."

Các chú khác, kể cả Sáng, đã vùng dậy mặc áo tràng vội chạy theo thầy Như Chấn mà tôi vẫn còn chần chừ. Chú Tử là người lớn tuổi nhất trong chúng sa-di, ngang tuổi với thầy Như Chấn, cũng có vẻ qui thuận dễ dàng, khoác áo tràng thật nhanh, bước theo các chú kia ra khỏi phòng. Các chú cùng rời phòng vội vã như thực sự sợ mất cơ hội, nhưng tôi thì miễn cưỡng rời khỏi chỗ bàn học của mình, bước từ từ đến chỗ treo móc áo, lấy áo tràng của mình, rời phòng sau chót.

Khi tôi đến phòng thầy Như Chấn thì thấy các chú đến trước đã quỳ dưới đất cả rồi. Các chú đang chấp tay, thành khẩn lắng nghe thầy Như Chấn giảng về *Đại Bi Tâm*. Tôi cũng quỳ xuống, chấp tay, lắng



Chư Ni làm ruộng

nghe. Không bài pháp nào từ thầy Như Chấn mà không bổ ích đối với tôi. Những đề tài thầy đề cập thường được trình bày ngắn gọn mà lại súc tích, lời nào đáng lời đó, không thừa không thiếu. Nhưng có thể nói đây là lần đầu tiên tôi miễn cưỡng đi theo các chú kia đến đạo tràng (chỗ thờ Phật) riêng của thầy Như Chấn để nghe pháp. Dường như trong tôi có một sự phản kháng nào đó mà đến lúc này, trong trường hợp này, nó mới bắt đầu manh nha bộc phát. Dù rằng cuối cùng rồi tôi cũng khoác áo tràng để tham dự, nhưng trong lòng đã thấy một cái gì đó không được bình thường. Có lẽ cái tâm vốn nhu nhuyến, mềm mỏng của tôi cũng có những lúc rất ương ngạnh, cứng cỏi, không chịu xu phụ, không chịu sự dẫn dắt hay chỉ đạo của ai, nhất là sự dẫn dắt này lại mang cái vẻ cưỡng ép, bó buộc. Tôi nghĩ, chỉ có sự tự do mới cao thượng chứ không có sự bó buộc nào lại có thể dẫn tới sự cao thượng được cả.

Bài pháp ngắn, đâu chừng mười lăm phút thì dứt. Chúng tôi lục tục quay trở về phòng. Khi mang áo tràng lên cái mốc áo, tôi bỗng thấy sự kiện đi nghe pháp vừa qua có một vẻ gì rất buồn cười. Không khí thiền ở đây hình như đã bắt đầu được pha thêm chút thần quyền mê tín nào đó. Tôi không muốn nói sự tôn thờ các vị Phật và Bồ tát theo Mật tông là mê tín, vì chính tôi đã từng trì tụng thần chú Chuẩn Đề trong nhiều năm. Tôi chỉ thấy rằng, khi người nào không thể cưỡng được sự lôi cuốn của kẻ khác, phó thác hoàn toàn niềm tin của mình cho kẻ khác nắm lấy, hoặc sung sướng được chặn dắt bởi kẻ khác nhiều ý lực hơn, đều là dấu hiệu của sự mê tín. Tinh thần giải thoát của Phật giáo không chấp nhận được điều đó. Và, tôi bắt đầu phản kháng.

Một sáng nọ, đang bước ngang cửa trai đường, tôi và thầy Như Chấn suýt đâm đầu vào nhau vì thầy từ trong bước



Chư Tăng làm ruộng

nhANH RA. Hơi khựng một chút là thầy ấy đã buông lời hỏi:

“Y của Tổ sư từ Thiên Trúc sang là gì?”

Nguyên văn chữ Hán của câu này là “*Như hà thị Tổ sư tây lai ý?*” Đây là một công án nổi tiếng của Thiền học Trung Hoa mà ai từng nghiên cứu Thiền cũng đều nghe qua. Công án này được nhắc tới nhiều lần trong những *tắc* của *Vô Môn Quan*, một tác phẩm sưu tập nhiều công án nổi tiếng của các thiền sư Trung Hoa. Ý của câu ấy có thể hiểu đơn giản là mục đích của Tổ sư (Đạt Ma) từ Thiên Trúc sang Trung Hoa là gì? Hay mục đích tối hậu của Thiền là gì?

Ngay cái phút suýt va đầu vào nhau mà có thể cất lên được câu hỏi ấy thì quả là thầy Như Chấn đang ở trong mức độ tinh thuần, chú tâm, sống chết với công án ấy, đáng phải kính sợ. Câu hỏi ấy đưa ra, có thể dành cho tôi, có thể dành cho thầy ấy, có thể cho cả hai, tùy theo trường hợp. Nhưng rõ ràng là thầy ấy đang chờ đợi tôi trả lời. Tôi không nói gì, chỉ cười, rồi bỏ đi.

Thực ra nụ cười và hành động quay đi của tôi không mang ý nghĩa gì của thiền học cả. Trong sách thiền có chán khởi gì câu chuyện các thiền sư và môn đệ đối đáp nhau bằng nụ cười, la hét, đánh đập, hoặc những hành vi quái

dị khác. Nhưng ở đây, nụ cười của tôi chỉ là nụ cười rất bình thường. Tôi không ở tâm trạng đeo đuổi công án nên không thể đối đáp, trả lời một công án. Tôi cũng không thấy thích thú gì trong việc bắt chước sách thiền để tỏ những hành vi “*thiền*.” Có thể thầy Như Chấn đang sống chết với công án ấy và câu hỏi thầy ấy nêu cho tôi là nghiêm chỉnh đối với thầy ấy, nhưng nếu tôi bày đặt trả lời thì sự trả lời của tôi chỉ là mô phỏng, bắt chước, rất kịch cỡm. Tôi không thích làm điều đó. Cho nên, hành động cười và bỏ đi của tôi, chỉ mang một ý nghĩa rất đơn giản: tôi không còn là kẻ dính mắc vào hay tham dự vào “*dòng thiền*” mà thầy khởi xướng và phát động nữa! Mê tín thần quyền, mê tín khoa học hay mê tín thiền học, cũng đều là mê tín cả mà! Thầy Như Chấn không mê tín, nhưng phong cách dạy thiền, sống thiền của thầy đã vô tình dẫn các chú sa-di ở đây đi vào con đường mê tín lúc nào không hay. Nếu tôi không dừng lại, không phản kháng, tôi sẽ trở thành một con cừ non trong một ngày rất gần. Tôi không thích làm cừ. Tôi chỉ muốn làm sư tử.

Tuần lễ sau, tôi bước ngang bàn học của Sáng thì thấy chú bày trên bàn phần đáy của một cái ly thủy tinh bể. Sáng đang sắn soi mảnh thủy tinh rất dày ở đáy ly. Tôi đứng lại, hỏi gì vậy. Sáng cười

cười, không trả lời, chỉ đưa nguyên mảnh ly bẻ vào miệng, cắn bẻ trong răng, rồi nhai rào rào. Tôi lay chú, hỏi:

"Ai dạy chú làm cái gì kỳ cục vậy?"

"Đâu có ai đâu. Tự tôi muốn làm mà."

"Nhưng... làm vậy để được lợi ích gì chứ?"

Sáng chỉ cười. Tôi bực mình nói:

"Chú muốn học theo ai cũng được, làm cái gì cũng được, nhưng lúc nào cũng phải tự hỏi chuyện mình làm có lợi ích gì hay không rồi hãy làm."

Sáng nhỏ hơn tôi hai tuổi, như vậy, lúc đó chú mới mười lăm. Tôi chẳng lớn hơn chú bao nhiêu, nhưng dù sao, tôi cũng có trách nhiệm phần nào với chú vì tôi và chú là hai huynh đệ đồng môn được thầy bốn sư gửi cho đi học ở đây. Đáng ra chú đã về Nha Trang khi Phật học viện giải tán, nhưng thấy tôi không chịu về, chú cũng ở lại theo. Nay chú bỏ công học những huyền thuật vật vãnh, làm sao tôi khỏi đau lòng. Con đường tu tập giải thoát giác ngộ đâu có cần những huyền thuật kỳ bí để lòe mắt thiên hạ. Nhưng vì chỉ có liên hệ đồng môn chứ chẳng phải ruột thịt gì nên tôi cũng không đủ thẩm quyền để xen vào sâu hơn trong đời sống riêng tư của Sáng. Tôi chỉ biết nhắc nhở chú vài lời, vậy thôi. Chú ấy không nghe.

Những năm đầu mới xa Nha Trang, tôi và chú ấy cũng khăng khít với nhau lắm. Nhưng kể từ khi tôi thọ giới Sa-di (mười giới) và chú ấy hãy còn là chú tiểu (năm giới), tự đứng chúng tôi càng lúc càng ít thân mật như xưa. Không phải do sự khác biệt giới luật đã khiến như thế. Chỉ vì chúng tôi, nhất là tôi, đã trưởng thành hơn, một phần khác cũng vì vào niên học cuối cùng trước biến cố 1975, Thượng tọa giám viện đã chia lớp học thành ba chúng (thay vì hai chúng như cũ) gồm hai chúng Sa-di (mười giới) là chúng A Nan và Ca Diếp, một chúng Sa-di (năm giới) là chúng La Hầu La. Tôi ở chúng Ca Diếp, Sáng

ở chúng La Hầu La. Mỗi chúng chừng mười đến mười lăm người, có phòng riêng biệt. Từ chỗ đó, chúng tôi bắt đầu chia cách nhau, không gần gũi để nhắc nhở hay giúp đỡ nhau nhiều như trước. Cho nên bây giờ, chuyện Sáng làm, tôi không có ảnh hưởng gì mạnh mẽ để can dự, khuyên răn. Lời khuyên của tôi dĩ nhiên không có tác động gì nhiều nữa. Nhất là con người của chú ấy, hình như là một mẫu người dễ sa vào chỗ mê chấp, cuồng tín.

Hôm sau, tôi đang ngồi đọc sách trong phòng, chú Dũng bỗng đến gần kêu tôi, nói nhỏ:

"Chú Khang à, chú Sáng học ai mà nhai mè chai thấy ghê quá!"

Đây là chú Dũng người quận Đức Dục, tỉnh Quảng Nam, ở chùa Long Xuyên, chứ không phải chú Dũng người Ban Mê Thuật bạn cũ lúc mới xuất gia của tôi ở chùa Hải Đức Nha Trang. Chú Dũng này lớn hơn tôi chừng một, hai tuổi, tính tình rất cởi mở, dễ thương. Tôi nói:

"Chẳng biết chú ấy học từ đâu. Nhưng chuyện nhai mè chai chỉ là tà thuật vật vãnh, đâu có cần thiết gì cho chuyện tu học cũng như cho cuộc đời mà phải học chứ. Thiệt là tầm phào. Tôi không ngờ chú ấy lại đi vào con đường mê tín thần quyền như vậy. Tôi có khuyên nhưng chắc chú ấy chẳng thèm nghe đâu."

"Ừ, phải rồi, thần quyền, chú nói đúng. Chỉ có mấy người học thần quyền mới làm cái chuyện đó. Hình như thầy Như Chấn là một nhà thần quyền cao tay ấ lằm."

"Cái gì, thầy ấy có học thần quyền à? Tôi nghĩ là thầy theo Mật tông mà."

"Ừ thì thần quyền cũng khác gì Mật tông Phật giáo bao nhiêu đâu, cũng trì tụng mật ngôn, thần chú, cũng xài bùa phép..."

"Nhưng mục đích của Mật tông là giải thoát giác ngộ chứ đâu có giống như mấy người học thần quyền được.

Mật tông Phật giáo đâu chủ trương lấy bùa chú, thần thông làm cứu cánh."

Im một lúc, chú Dũng nói:

"Có lẽ tôi nói sai. Thầy ấy không học thần quyền, chỉ theo Mật tông thôi. Nhân thấy mấy người bạn xài phù phép, tà thuật, thầy ấy cũng đem bùa chú Mật tông ra để chứng tỏ mấy cái thuật đó chỉ là trò chơi thôi đó mà. Chú Sáng thấy vậy thì ham, đòi học. Tôi nghe rằng thầy Như Chấn không dạy cho chú Sáng nhai mè chai. Chú Sáng năn nỉ học hoài không được, bèn tự động làm, vì tin rằng hễ người khác làm được thì mình cũng làm được."

"Tầm bậy tầm bạ. Cái tướng chú ấy ngó thấy hiền, lúc nào cũng lim dim niệm Phật, vậy mà cũng học đòi quyền phép quá hở! Nhưng học để làm gì, để hù dọa người ta sao! Mà nhai mè chai một mình hình như không thấy thích, cho nên hôm qua chú ấy đờ tôi đến nơi, mới đưa lên miệng mà cắn, nhai, muốn cho tôi chứng kiến để né phục."

"Ừ, thấy ghê quá," nói rồi chú Dũng bỏ đi.

Một lúc sau, tôi mới đoán được rằng có lẽ chú Dũng nói chuyện với tôi để phân bua chuyện nhai mè chai của chú Sáng, muốn cho tôi biết rằng thầy Như Chấn không hề dạy cái thuật đó cho chú Sáng. Chỉ tự chú Sáng làm lấy mà thôi. Chú Dũng là sư đệ của thầy Như Chấn và là người rất ngưỡng mộ thầy Như Chấn, chú ấy không muốn thầy Như Chấn bị mang tiếng là đã dạy tà thuật cho sư đệ của tôi.

Tháng sau, thầy Thông Nghĩa từ Nha Trang ra, đón chú Sáng về quê. Sáng về đến Nha Trang thì bệnh nặng, được đưa về nhà điều trị. Sáng hoàn tục luôn từ lúc ấy, để rồi sau đó không lâu, đi làm một anh công an của xã huyện gì đó tại Diên Khánh, một quận lỵ ngoại ô Nha Trang.

(mời xem tiếp chương 3, kỳ 2)

Vinh Hào

CƠM CHIÊN THANH TỊNH (TOFU FRIED RICE)



Nguyên liệu:

- 1 tô cơm nguội
- 1/2 bì đậu hủ sống (medium firm) cắt hạt lựu.
- 1/2 cup đậu peas
- 1 ít đậu hủ ky tươi - cắt hạt lựu
- Muối-bột nêm-nước tương-tiêu-chút bột nghệ 1 ít bơ ngon

Cách làm:

Cho chút dầu, xào đậu hủ cạn nước, cho muối và chút bột nghệ...

Khi đậu sẵn thì cho đậu hủ ky vào, rồi tới cơm nguội vào xào tới, sau đó cho đậu và nêm gia vị, cuối cùng cho bơ.

Nguồn: Chơn Nghiêm (Chay Tịnh Quán)



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.